SHB

Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp

KẾT NỐI THỊNH VƯỢNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

www.shb.com.vn

Signature Not Verified
Ký bởi: NGUYỄN VĂN LÊ
Ký ngày: 19/5/2017 08:57:22

MỤC LỤC

1. THÔNG ĐIỆP **4**
- Thông điệp của HĐQT 4
- Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi 6
- Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản giai đoạn 2006 – 2016 8

2. CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2016 **12**

3. THÀNH TÍCH VÀ SỰ GHI NHẬN CỦA XÃ HỘI **16**

4. THÔNG TIN CHUNG **18**
- Thông tin khái quát 19
- Quá trình hình thành và phát triển 20
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 21
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý 22
- Định hướng phát triển 31
- Quản lý rủi ro 32

5. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM **34**
- Tình hình hoạt động kinh doanh 36
- Tổ chức và nhân sự 37
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án 38
- Tình hình tài chính 40
- Cơ cấu cổ đông 41

6. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC **44**
- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 46
- Những tiến bộ ngân hàng đạt được trong năm 2016 52
- Kế hoạch & định hướng phát triển 54

7. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG **56**
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của ngân hàng 58
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của ban giám đốc 58
- Kế hoạch, định hướng của HĐQT 59

8. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG **60**
- Hội đồng quản trị 62
- Ban kiểm soát 64
- Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát 65

9. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG **66**
- Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương 68
- Chính sách đối với người lao động 71
- Trách nhiệm với môi trường 74
- Hoạt động thị trường vốn xanh 76

10. BÁO CÁO TÀI CHÍNH **80**
- Thông tin chung 82
- Báo cáo của ban tổng giám đốc 83
- Báo cáo kiểm toán độc lập 84
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất 86
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 89
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 91
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 93

11. MẠNG LƯỚI SHB **175**

SHB
KẾT NỐI THỊNH VƯỢNG

THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị!

Thay mặt HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể CBNV Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội (SHB), tôi chân thành gửi tới Quý vị cổ đông các đối tác chiến lược, các doanh nghiệp – doanh nhân, những người bạn thân thiết đã và đang đồng hành cùng SHB lời chào trân trọng, lời cảm ơn chân thành và những lời chúc tốt đẹp nhất!

Thưa Quý vị,

Năm 2016 đã qua, Quý I/2017 đã kết thúc, SHB đã bước sang tuổi 24 với mục tiêu và tham vọng lớn hơn, cao hơn những năm trước: Từ Top 5 tiến lên Top 3 các ngân hàng TMCP lớn nhất Việt Nam – không do nhà nước chi phối vốn.

Chúng tôi hiểu rằng đạt được mục tiêu này là thách thức nhưng đây là động lực mạnh mẽ thúc đẩy chúng ta cùng nắm chặt tay nhau đoàn kết, quyết tâm thực hiện các mục tiêu đã đề ra vì sự thịnh vượng và thành công của mỗi chúng ta, của SHB; không ngừng nâng cao uy tín và vị thế của SHB trong ngành Tài chính – Ngân hàng tại Việt Nam, Lào, Campuchia, đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước và người dân.

Thưa Quý vị!

Với mục tiêu chiến lược trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng vào năm 2020, trong 23 năm hình thành và phát triển, SHB luôn xây dựng mục tiêu phù hợp trong từng giai đoạn có định hướng lâu dài với chiến lược cạnh tranh là luôn tạo ra sự khác biệt. SHB đã không ngừng tăng trưởng toàn diện qua từng năm và đứng vững Top 5 các Ngân hàng TMCP lớn nhất Việt Nam – không do nhà nước chi phối vốn; hoạt động luôn minh bạch, an toàn, bền vững, được Ngân hàng nhà nước xếp loại A trong nhiều năm qua; được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng Nhì, Hạng Ba; được các tổ chức tài chính, phi tài chính trên thế giới trao tặng nhiều giải thưởng Ngân hàng có uy tín lớn. Đồng thời, lợi nhuận SHB luôn ổn định qua các năm, cổ tức chia cho các cổ đông đảm bảo trong nhiều năm với tỷ lệ chia luôn bằng hoặc cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng cùng kỳ.

Đạt được những thành tích tốt đẹp trên, đó là nhờ sự đoàn kết - quyết tâm và nỗ lực không ngừng của toàn thể CBNV, sự quan tâm hỗ trợ của các cấp, các ngành và Ngân hàng nhà nước, sự hợp tác đầu tư của Quý cổ đông, sự tin tưởng đồng hành của các đối tác chiến lược, các doanh nghiệp – doanh nhân và người dân trong cả nước, người dân tại Lào, Campuchia.

Một lần nữa, tôi chân thành cảm ơn sự hợp tác quý báu của toàn thể Quý vị!

Thưa Quý vị!

Phát huy truyền thống tốt đẹp trong 24 năm qua, SHB sẽ không ngừng đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị điều hành, hướng đến đạt các chuẩn mực của ngân hàng quốc tế, phát triển an toàn, minh bạch và bền vững; thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện thành công mục tiêu chiến lược đã đề ra vì sự phồn vinh của SHB, vì lợi ích tối đa của cổ đông, đối tác chiến lược, các doanh nghiệp – doanh nhân và sự thịnh vượng của đất nước.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc, thành công!

Chủ tịch HĐQT

Đỗ Quang Hiển

Đỗ Quang Hiển

Chủ tịch HĐQT SHB

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn	Trở thành ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại hàng đầu Việt Nam và Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế
Sứ mệnh	Là ngân hàng hàng đầu Việt Nam cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích theo chuẩn quốc tế, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, khách hàng, đối tác ... góp phần vào sự thịnh vượng.

Giá trị cốt lõi

Lợi ích của cổ đông

SHB luôn cam kết bảo toàn và gia tăng giá trị ngân hàng; không ngừng tăng trưởng đi đôi với phát triển an toàn bền vững, đem lại lợi ích tối đa, tạo nên sự thịnh vượng cho các cổ đông - nhà đầu tư, khách hàng, đối tác…cũng như SHB.

Trọng tâm là khách hàng

Am hiểu tận tường, kết nối, hướng tới khách hàng và thị trường với phong cách phục vụ chuyên nghiệp, các sản phẩm dịch vụ hiện đại, đa dạng, tiện ích là những gì tốt đẹp nhất mà SHB dành cho các khách hàng.

Không ngừng đổi mới

SHB không ngừng lắng nghe, luôn luôn học hỏi, cải tiến, đổi mới nhằm tạo lợi thế cạnh tranh và sự khác biệt.

Văn hóa doanh nghiệp

SHB luôn giữ gìn và phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc truyền thống SHB với tinh thần đoàn kết, gắn bó của người lao động để tạo ra sức mạnh tập thể, đóng góp vào sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

Liêm chính và minh bạch

Minh bạch, trung thực trong mọi hoạt động cùng với nâng cao năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro, kiểm toán, kiểm soát nội bộ là nhiệm vụ tối quan trọng để SHB tạo được niềm tin từ khách hàng và đối tác.

Giá trị thương hiệu

Là Ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng, SHB có bản sắc riêng, có uy tín, vị thế trong nước và quốc tế.

Thương hiệu là tài sản, là vinh dự của CBNV Ngân hàng.

NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG GIAI ĐOẠN 2012 – 2016

Tổng tài sản *(tỷ đồng)*

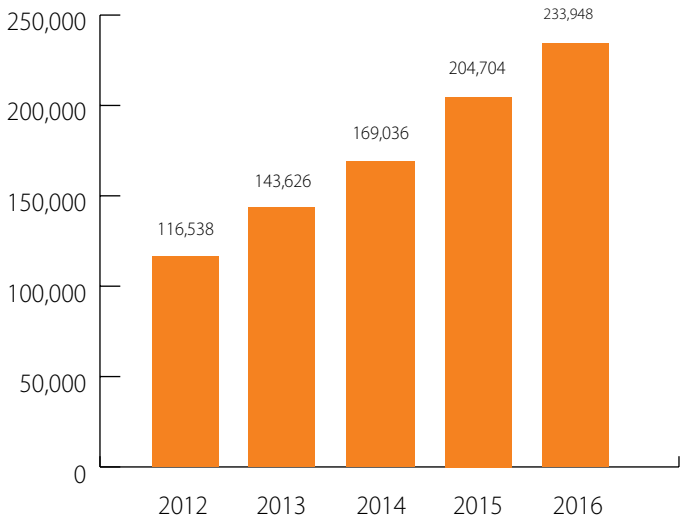

Tổng huy động *(tỷ đồng)*

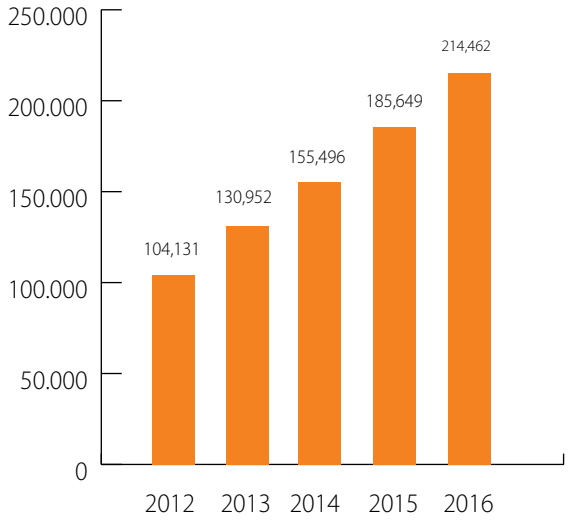

Dư nợ cho vay khách hàng *(tỷ đồng)*

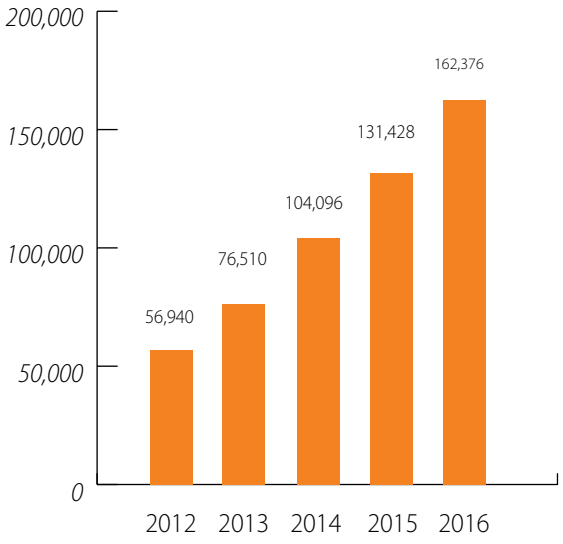

Vốn điều lệ *(tỷ đồng)*

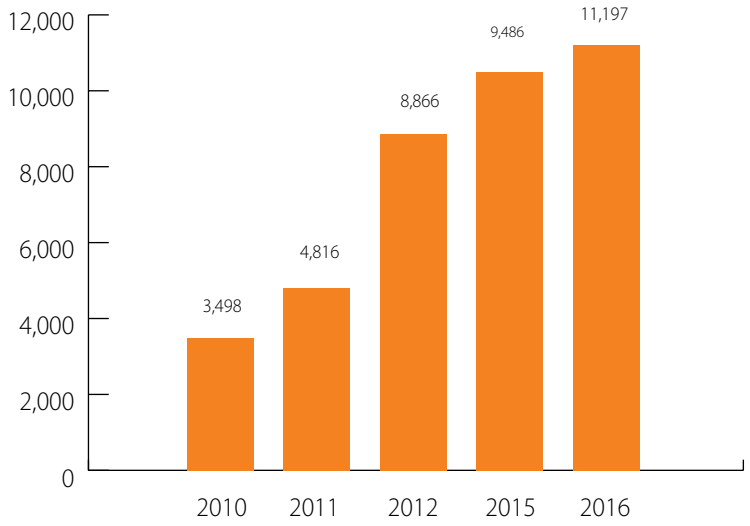

Nhân sự *(Người)*

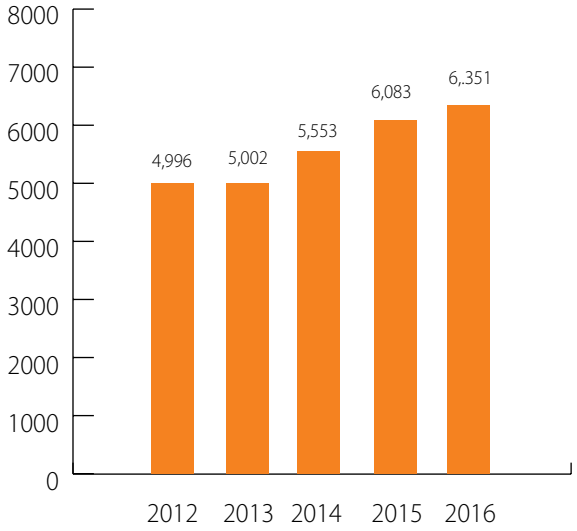

Mạng lưới *(Điểm giao dịch)*

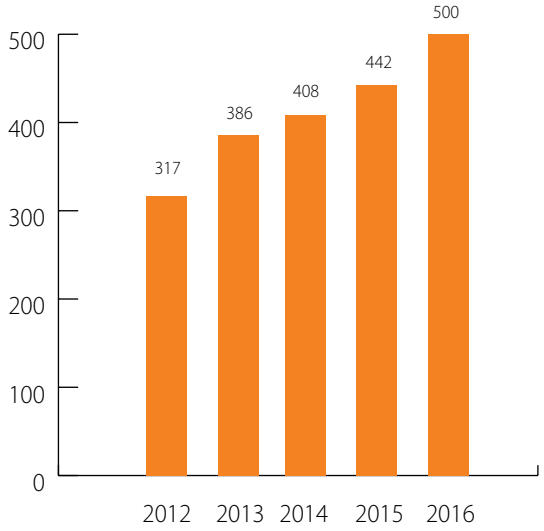

CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2016

Tôi nghĩ nếu bạn làm điều gì đó và thu được kết quả tốt đẹp, bạn nên đi tiếp để làm những điều tuyệt vời khác, đừng dừng chân lại quá lâu. Hãy tìm xem nên làm gì tiếp!

Steve Jobs
CEO của Apple

SHB cam kết đồng hành sự phồn vinh của đất nước, sự thịnh vượng của quý cổ đông, đối tác và khách hàng.

CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU

SHB vinh dự đón tiếp UVBCT, Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, nay là Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam; UVBCT, Thống đốc NHNN Việt Nam Nguyễn Văn Bình, nay là Trưởng ban Kinh tế TW Đảng Cộng sản Việt Nam đến thăm và chúc Tết Bính Thân cán bộ nhân viên tại trụ sở chính của Ngân hàng.

SHB đón tiếp Thống đốc Ngân hàng Trung ương Lào - ông Somphao Phaysith và ông Nguyễn Kim Anh – Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng đoàn lãnh đạo cấp cao của hai Ngân hàng đã đến thăm, làm việc tại trụ sở chính.

SHB khai trương ngân hàng 100% vốn tại Campuchia, đánh dấu giai đoạn mới trong chiến lược phát triển tại Campuchia nói riêng và khu vực Đông Dương nói chung.

SHB chính thức nhận sáp nhập Công ty tài chính cổ phần Vinaconex - Viettel (VVF) tăng vốn điều lệ lên hơn 11.000 tỷ đồng, mở ra cơ hội hiện thực hóa chiến lược trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam.

SHB ký kết hợp tác chiến lược đồng thương hiệu với câu lạc bộ bóng đá lừng danh Barcelona (CLB Barca). Chiến lược khác biệt này được Tạp chí uy tín thế giới The Asian Banker vinh danh SHB là doanh nghiệp có "Sáng kiến thương hiệu tốt nhất Việt Nam"

SHB tiếp tục hợp tác với CLB Manchester City tới năm 2018 trong việc phát triển các sản phẩm đồng thương hiệu và các hoạt động hướng tới cộng đồng.

SHB được lựa chọn là ngân hàng phục vụ và ngân hàng cho vay lại nhiều dự án ODA do các tổ chức quốc tế tài trợ và được ADB tiếp tục lựa chọn là ngân hàng phát hành trong Chương trình tài trợ thương mại toàn cầu (TFP) với hạn mức được nâng cấp lên là 150 triệu USD.

SHB khẳng định vị thế ngân hàng bán lẻ tốt nhất với 2 giải thưởng do tạp chí Asian Banker trao tặng "Sản phẩm tiền gửi tốt nhất Việt Nam" và "Sáng kiến thương hiệu tốt nhất" trong khuôn khổ Hội nghị thượng đỉnh các ngân hàng Châu Á 2016

THÀNH TÍCH VÀ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI

Trong suốt chặng đường hơn 23 năm phát triển, SHB luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, bền vững, xứng đáng với niềm tin và sự kỳ vọng của khách hàng, cổ đông và nhà đầu tư. Sự thành công và uy tín của SHB được ghi nhận bằng nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, nhiều giải thưởng danh giá của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế.

THÀNH TÍCH VÀ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI

Danh hiệu tiêu biểu do Nhà nước trao tặng:

- Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng Ngân hàng SHB;
- Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước trao tặng Chủ tịch HĐQT SHB;
- Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng Tổng Giám đốc SHB;
- Bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước, UBND các tỉnh, thành phố có trụ sở SHB;

Giải thưởng trong nước tiêu biểu do các Ban/ ngành/tổ chức trao tặng/bình chọn:

- Top 50 Doanh nghiệp thịnh vượng xuất sắc Việt Nam do Vietnam Report bình chọn.
- Top 10 "Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích" do Sở Công thương, Hiệp hội DN nhỏ và vừa bình chọn.
- Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam 2016 do VCCI, Bộ LĐTB & XH, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên môi trường bình chọn.
- Giải thưởng Thương hiệu mạnh, Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam nhiều năm liên tiếp;
- Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam với xếp hạng liên tục tăng lên qua các năm;
- Top 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX nhiều năm liền;
- Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế do Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chứng nhận.
- Top các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam nhiều năm liền;

Giải thưởng quốc tế tiêu biểu do các Quốc gia/Tập đoàn/Tổ chức/Tạp chí danh tiếng trao tặng/ bình chọn:

Giải thưởng "Ngân hàng Ứng dụng Công nghệ thông tin an toàn hiệu quả" do Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG tổ chức hàng năm.

Giải thưởng "Ngân hàng nước ngoài tiêu biểu Campuchia" và "Ngân hàng SME tiêu biểu Campuchia" do Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG kết hợp với Ngân hàng Quốc gia Campuchia trao tặng.

Giải thưởng "Sản phẩm tiền gửi tốt nhất Việt Nam" và "Sáng kiến thương hiệu tốt nhất " do The Asian Banker trao tặng.

Giải thưởng "Ngân hàng có dịch vụ tiền gửi tốt nhất" và "Ngân hàng có dịch vụ Internet Banking tốt nhất" Việt Nam năm 2016 do Global Banking and Finance Review trao tặng.

Tạp chí The Asian Banking & Finance (ABF) bình chọn SHB là "Ngân hàng tài trợ Dự án tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam" năm 2016

SHB vinh dự là 1 trong 5 ngân hàng tại Việt Nam nhận chứng chỉ bảo mật hệ thống thẻ thanh toán PCI DSS phiên bản 3.1 từ đơn vị đánh giá ControlCase

Và nhiều giải thưởng uy tín khác…

THÔNG TIN CHUNG

Nếu bạn đi đúng con đường và luôn luôn sẵn sàng bước tiếp, sớm muộn gì bạn cũng đạt được thành công.

Barrack Obama
Tổng thống Mỹ

* Thông tin khái quát

Tên giao dịch:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800278630 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng kí thay đổi lần thứ 24 ngày 03/06/2016

Vốn điều lệ: 11.196.891.000.000 đồng

Địa chỉ: 77 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3942 3388

Fax: (04) 3941 0944

Website: www.shb.com.vn

Mã cổ phiếu: SHB

SHB tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với sự hiện diện tại 40 tỉnh thành trong cả nước và khu vực Đông Dương với gần 500 điểm mạng lưới giao dịch.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giai đoạn

1993
2006

Hình thành

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) tiền thân là Ngân hàng TMCP Nông Thôn Nhơn Ái, được thành lập ngày 13/11/1993 tại Cần Thơ.

Năm 2006, Ngân hàng TMCP Nông Thôn Nhơn Ái được chuyển đổi mô hình hoạt động lên Ngân hàng TMCP Đô Thị và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB).

Giai đoạn

2007
2011

Chuyển mình

Năm 2008: Chuyển trụ sở chính từ Cần Thơ ra Hà Nội, khẳng định bước ngoặt lớn trong quy mô, vị thế và tiềm lực của Ngân hàng.

Năm 2009: Là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội.

Năm 2011: Tăng cường quy mô hoạt động với việc tăng vốn điều lệ lên gần 5.000 tỷ đồng. Được NHNN chấp thuận mở CN tại Campuchia và Lào, khởi đầu cho việc đầu tư ra nước ngoài của SHB.

Giai đoạn

2012
2015

Tiên phong nhận sáp nhập và thâm nhập thị trường tài chính khu vực

Năm 2012:

* Là một trong những ngân hàng đi tiên phong mở rộng mạng lưới kinh doanh ra thị trường quốc tế thông qua việc mở chi nhánh tại Campuchia tháng 2/2012 với vốn điều lệ ban đầu 37 triệu USD.
* Đi đầu trong việc thực hiện chủ trương tái cấu trúc hệ thống các TCTD của Chính phủ với việc nhận sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank) tháng 8/2012.

Năm 2013 - 2014:

* Kỷ niệm 20 năm thành lập và vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước trao tặng SHB đánh dấu một chặng đường dài phát triển.

Năm 2015: Tăng vốn điều lệ lên 9.500 tỷ đồng, mạng lưới giao dịch tăng lên gần 450 điểm trong và ngoài nước.

2016 - nay

* Tăng vốn điều lệ lên 11.197.000 tỷ đồng, mạng lưới tăng lên gần 500 điểm trong và ngoài nước
* Khai trương Ngân hàng con 100% vốn tại Lào (15/1/2016) và ngân hàng con 100% vốn tại Campuchia (9/9/2016) thể hiện những nỗ lực vượt bậc của SHB sau thời gian kinh doanh tại 2 thị trường này ở cấp độ chi nhánh.
* Nhận sáp nhập thành công Công ty cổ phần Tài chính Vinaconex Viettel (VVF) tháng 12/2016 và thành lập Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHB FC).

Với tôn chỉ hoạt động "Đối tác tin cậy, Giải pháp phù hợp" và chiến lược kinh doanh luôn đổi mới nhằm mang lại giá trị lợi ích cho khách hàng và sự thịnh vượng cho các cổ đông - nhà đầu tư, SHB luôn làm hài lòng khách hàng, đối tác bằng những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đồng bộ, tiện ích, chất lượng và cạnh tranh cùng phong cách phục vụ chuyên nghiệp.

Không ngừng nỗ lực, SHB phấn đấu trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, đa năng hàng đầu Việt Nam, đến năm 2020 trở thành Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; Kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật; Bao thanh toán; Dịch vụ bảo quản tài sản và cho thuê tủ, két an toàn (bao gồm cả dịch vụ giữ hộ, bảo quản vàng); Đại lý bảo hiểm; Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị:

SHB thực hiện cơ cấu, tổ chức bộ máy theo mô hình hiện đại, tinh gọn, chặt chẽ và tối ưu, phù hợp với chiến lược phát triển theo hướng Ngân hàng bán lẻ.

Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Nhằm tối ưu hóa bộ máy, tập trung nguồn lực để phát triển kinh doanh, SHB đã kiện toàn tổ chức bộ máy, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các Khối/Phòng/Ban theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, có chiều sâu trên toàn hệ thống.

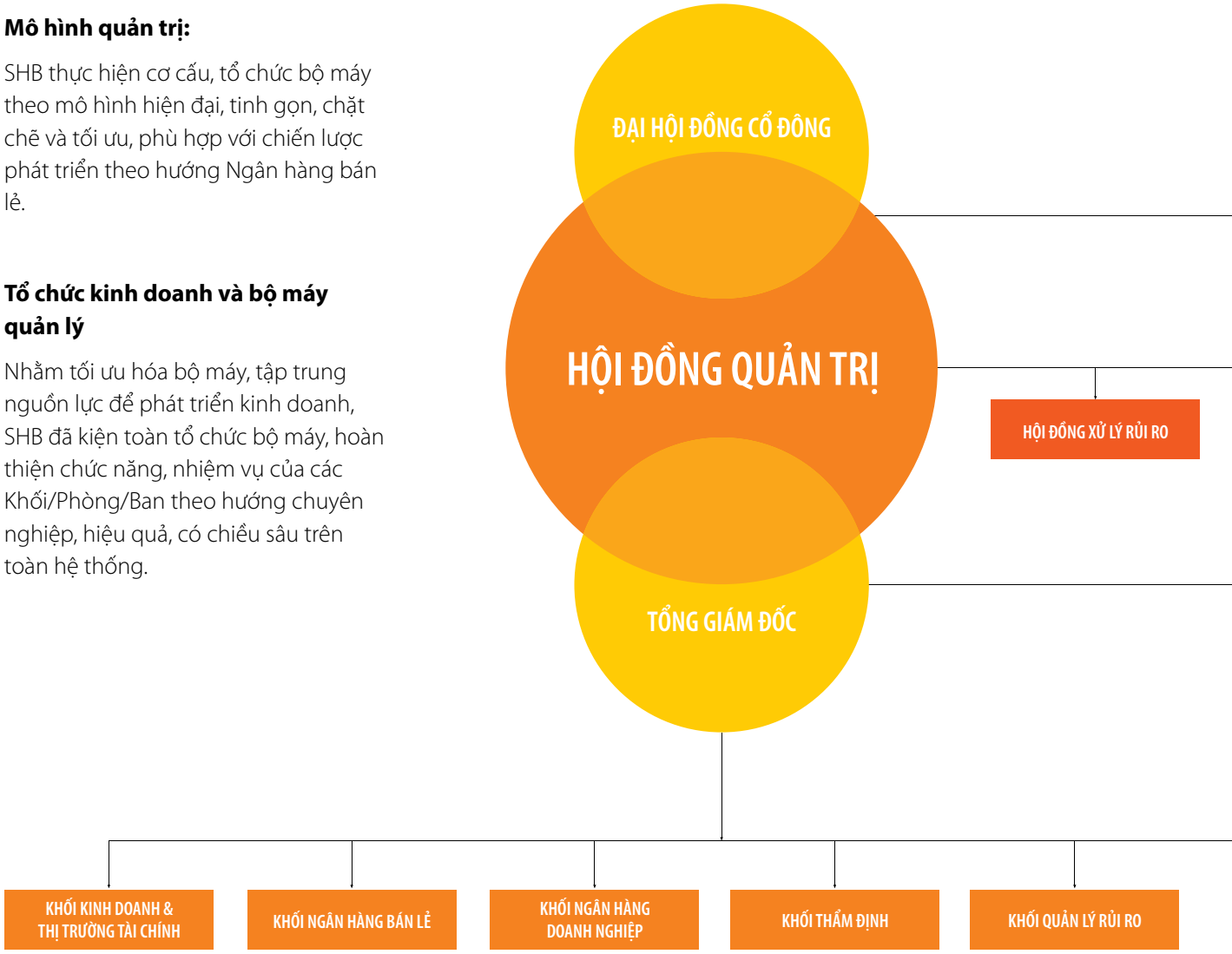

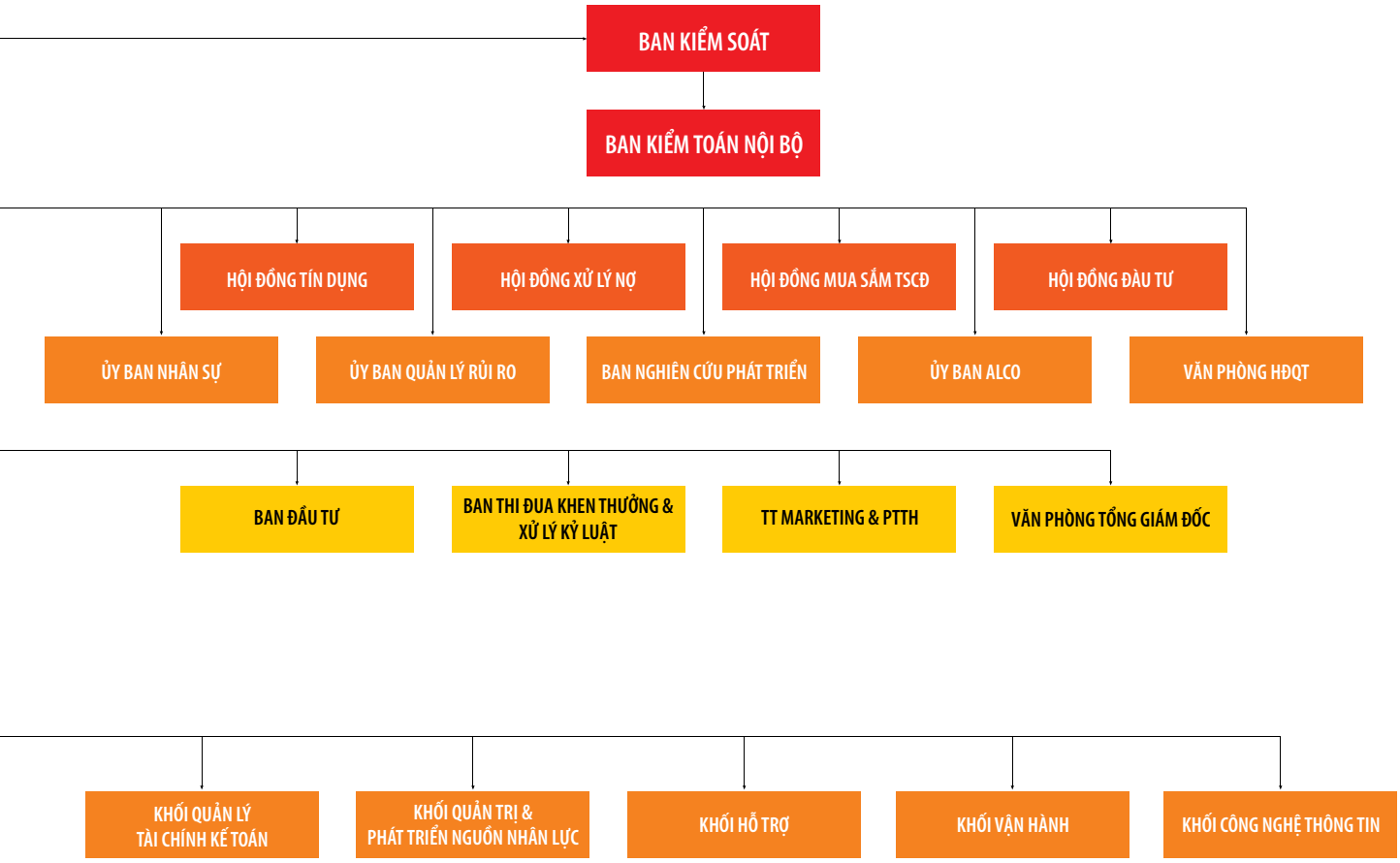
BAN KIỂM SOÁT
BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
HỘI ĐỒNG TÍN DỤNG
HỘI ĐỒNG XỬ LÝ NỢ
HỘI ĐỒNG MUA SẮM TSCĐ
HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN SỰ
ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO
BAN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
ỦY BAN ALCO
VĂN PHÒNG HĐQT
BAN ĐẦU TƯ
BAN THI ĐUA KHEN THƯỞNG & XỬ LÝ KỶ LUẬT
TT MARKETING & PTTH
VĂN PHÒNG TỔNG GIÁM ĐỐC
KHỐI QUẢN LÝ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
KHỐI QUẢN TRỊ & PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
KHỐI HỖ TRỢ
KHỐI VẬN HÀNH
KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐỖ QUANG HIỂN

Chủ tịch HĐQT SHB

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS).
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn T & T
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH)
- Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ Sài Gòn – Hà Nội (SHF)
- Chủ tịch Hiệp hội các Doanh Nghiệp Nhỏ và Vừa Thành phố Hà Nội
- Ủy viên UBTƯMTTQ VN
- Thành tích: Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng

NGUYỄN VĂN LÊ

Thành viên HĐQT kiêm TGĐ SHB

TRẦN NGỌC LINH

Thành viên HĐQT SHB

- Cổ đông sáng lập của SHB

ĐỖ QUANG HUY

Thành viên HĐQT SHB

PHẠM NGỌC TUÂN

Thành viên HĐQT SHB

VÕ ĐỨC TIẾN

Thành viên HĐQT độc lập

BAN KIỂM SOÁT

PHẠM HÒA BÌNH

Trưởng Ban Kiểm soát

- Cử nhân kinh tế

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Phó Trưởng Ban Kiểm soát

- Tiến sĩ kinh tế

NGUYỄN THỊ HOẠT

Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát

- Thạc sĩ kinh tế

BÙI THANH TÂM

Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát

- Cử nhân kinh tế

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

NGUYỄN VĂN LÊ

Tổng Giám đốc

- Tiến sĩ Kinh tế ngành Tài chính Ngân hàng
- Hơn 21 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.
- Giữ chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) từ năm 2000 đến nay.
- Huân chương lao động hạng Ba của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc NHNN; Giải thưởng nhà lãnh đạo xuất sắc, nhà lãnh đạo giỏi; Có nhiều đóng góp lớn cho sự phát triển của SHB nói riêng và kinh tế xã hội đất nước nói chung.
- Tham gia nhiều hoạt động cộng đồng, từ thiện được Xã hội ghi nhận.

NGÔ THU HÀ

Phó Tổng Giám đốc

- Tiến sĩ kinh tế.
- 21 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.
- Từ 15/03/2011: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

NINH THỊ LAN PHƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ kinh tế.
- 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.
- Từ 11/06/2012: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.
- Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Quản lý & Khai thác tài sản SHB (SHAMC)

LÊ ĐĂNG KHOA

Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
- 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.
- Nguyên là Giám đốc kinh doanh nguồn vốn và ngoại hối Ngân hàng VIB.
- Từ tháng 03/2009: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

ĐẶNG TỐ LOAN

Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính Tín dụng.
- 21 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.
- Từ 08/2007-10/2012: Giám đốc Chi nhánh SHB TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
- Từ 09/10/2012: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh SHB TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

NGUYỄN HUY TÀI

Phó Tổng Giám đốc

- Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tín dụng.
- 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.
- Từ 03/2009 - 02/2013: Giám đốc Chi nhánh SHB Hà Nội, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
- Từ tháng 02/2013: Phó Tổng Giám đốc SHB kiêm Giám đốc Chi nhánh SHB Hà Nội.

NGÔ THỊ VÂN

Kế toán trưởng

- Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kiểm toán.
- 15 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Kế toán, Tài chính ngân hàng.
- Từ năm 2014 – nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán Ngân hàngTMCP Sài Gòn-Hà Nội.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

- Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Vốn góp của SHB (tỷ đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty TNHH 1 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản SHB (SHAMC)	Số 71B, Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý nợ và khai thác tài sản	20 tỷ đồng	20	100%
Công ty cổ phần Chứng khoán SHB (SHBS)	Số 2A Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ Tài chính chứng khoán: Môi giới, tự do-anh, tư vấn đầu tư, bảo lãnh, lưu ký chứng khoán	150 tỷ đồng	147,71	98,47%
Ngân hàng TNHH MTV SHB Lào	Tổ 1 đường Lanexang, bản Hatsadytai, Huyện Chanthabuly, Thủ đô Viêng Chăn, Lào	Tài chính, Ngân hàng	50 triệu USD	50 Triệu USD	100%
Ngân hàng TNHH MTV SHB Campuchia	707 Đại lộ Monivong, Thủ đô PhnomPenh, Vương quốc Cam-puchia	Tài chính, ngân hàng	50 triệu USD	50 triệu USD	100%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Để đạt được tầm nhìn trở thành Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại hàng đầu Việt Nam và Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế, SHB thực hiện xây dựng chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn phát triển, dựa trên 3 mục tiêu trụ cột trong giai đoạn 2017 - 2020.

MỤC TIÊU	CHIẾN LƯỢC
Tăng trưởng hiệu quả, an toàn	Phát triển theo hướng ngân hàng đa năng hiện đại, dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng, có khả năng cạnh tranh cao và luôn tạo sự khác biệt; Lấy khách hàng làm trọng tâm để đáp ứng nhiều hơn nữa nhu cầu của khách hàng cũng như nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế, hướng tới sự ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước; Tập trung củng cố và tăng cường năng lực tài chính; Nâng cao năng lực quản trị điều hành; Phát triển quy mô và trình độ tương ứng với các ngân hàng trong khu vực để từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; Nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo an toàn theo chuẩn mực quốc tế và yêu cầu của Ủy ban Basel.
Phát triển xã hội bền vững	Thực hiện các hoạt động hỗ trợ an sinh xã hội, giáo dục đối với cộng đồng thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tấm lòng thiện nguyện của cán bộ nhân viên và SHB coi đó như một giá trị văn hóa cơ bản để không ngừng phát triển.
Chung tay bảo vệ môi trường	SHB cam kết chung tay bảo vệ môi trường sinh thái với các hoạt động giảm khí thải nhà kính và rác thải trong văn phòng làm việc; Phát triển tín dụng xanh với tiêu chí quan trọng được đặt ra trong quá trình thẩm định dự án là những dự án đó phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.

QUẢN LÝ RỦI RO

Năm 2016, tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại (ước ở mức 3,1%, so với mức 3,2% năm 2015) do giá hàng hóa giảm và năng suất chậm cải thiện, trong khi tăng trưởng thương mại tiếp tục xu hướng giảm, xuống mức 2,3% (năm 2014 là 3,9%; năm 2015 là 2,6%). Do đó, chính sách tiền tệ của các nền kinh tế phát triển tiếp tục nới lỏng, khuyến khích đầu tư gián tiếp vào các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Tổng thống Mỹ mới đắc cử đã công bố kế hoạch với một số quan điểm như: (i) bảo hộ mậu dịch, trong đó có việc rút khỏi TPP; (ii) tăng cường các biện pháp kích thích kinh tế với việc tăng chi tiêu chính phủ và cắt giảm thuế; (iii) giảm bớt kiểm soát hoạt động đầu tư tài chính. Những chính sách này có thể ảnh hưởng nhất định đến kinh tế Việt Nam trong năm 2017 như: (1) xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào Mỹ (kim ngạch xuất khẩu hàng hóa vào Mỹ chiếm khoảng 19,3% tổng kim ngạch) có thể chịu ảnh hưởng; (2) khả năng nới lỏng tài khóa và Fed tăng lãi suất sẽ làm đồng USD tăng giá, gây áp lực lên tỷ giá của đồng Việt Nam cũng như lạm phát trong nước.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 đạt mức 6,2%, giảm so với mức 6,7% của năm 2015, chủ yếu do tăng trưởng của khu vực nông nghiệp và khai khoáng thấp hơn nhiều so với năm 2015. Lạm phát năm 2016 ở mức 5%, cao hơn năm 2015 (0,75%) chủ yếu do giá dịch vụ công (y tế và giáo dục) được chủ động điều chỉnh mạnh hơn.Cán cân thương mại năm 2016 thặng dư 2,8 tỷ USD (cùng kỳ năm 2015 thâm hụt 3,8 tỷ USD). Dù vậy, xét tổng thể, tốc độ tăng trưởng của cả xuất khẩu và nhập đều tăng thấp hơn cùng kỳ năm 2015.Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2016 đạt 15,8 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2015, đạt mức giải ngân vốn FDI cao nhất từ trước đến nay.

Đối với hệ thống ngân hàng, Ngân hàng nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm pháp theo mục tiêu đề ra, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý; bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế; duy trì ổn định thị trường tiền tệ; tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp xử lý nợ xấu và nâng cao chất lượng tín dụng, phấn đấu duy trì bền vững tỷ lệ nợ xấu ở mức dưới 3% tổng dư nợ theo chuẩn mực phân loại nợ Việt Nam. Năm 2016, tổng phương tiện thanh toán tăng 18,38%. Tăng trưởng tín dụng đạt 18,25% so với 2015. Tiền gửi của các TCKT và dân cư tăng 17,78%. Tỷ lệ nợ xấu bình quân toàn hệ thống TCTD giảm nhẹ từ 2,9% (năm 2015) xuống 2,8% năm 2016. Mặt bằng lãi suất trên thị trường 1 vẫn ổn định. Lãi suất cho vay 5 lĩnh vực ưu tiên của nhiều NHTM đã về sát mức 6%, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc những lĩnh vực này ổn định sản xuất kinh doanh. Thị trường ngoại hối trong năm 2016 ổn định nhờ cán cân thanh toán tổng thể thặng dư.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục khó khăn, rủi ro nhiều, kinh tế Việt Nam 2016 đã có những dấu hiệu cải thiện cả ở góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa bền vững. Việc ký kết các hiệp định thương mại tự do mở ra cơ hội nhưng cũng là áp lực lớn cho nhà nước và doanh nghiệp trong việc tái cơ cấu các thể chế kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Các yêu cầu từng bước đáp ứng chuẩn mực rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II, III và các quy định của NHNN về tuân thủ các tỷ lệ an toàn, thanh khoản, chính sách tín dụng từ Thông tư 36 và Thông tư 06 cũng tác động đến toàn bộ công tác quản trị điều hành trong ngành ngân hàng nói chung và SHB nói riêng, đòi hỏi các ngân hàng phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và toàn diện để đáp ứng, cũng như hệ thống quản trị nội bộ phù hợp.

Trong bối cảnh đó, SHB đã cải tiến liên tục, mạnh mẽ mô hình quản trị rủi ro tập trung, hướng tới xây dựng nền tảng quản trị rủi ro hiện đại, tiệm cận với các thông lệ quốc tế nhằm chủ động cảnh báo sớm, giám sát, giảm thiểu các loại rủi ro do nền kinh tế cũng như kiểm soát chặt chẽ các loại

rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động.... Chiến lược quản trị rủi ro được cấu trúc, gắn chặt theo từng phân khúc kinh doanh của ngân hàng, đảm bảo công tác quản trị rủi ro được cập nhật và đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh doanh. Bên cạnh đó, với mục tiêu từng bước triển khai và áp dụng các chuẩn mực quốc tế về an toàn theo Basel II, SHB đã đưa ra kế hoạch, lộ trình triển khai cụ thể đối với từng nghiệp vụ, từng bước chuẩn mực hóa cá quy trình, công cụ và cách thức vận hành của hệ thống. Đồng thời, SHB cũng chú trọng đào tạo và phát triển nhân lực theo chuẩn quốc tế và nâng cao văn hóa quản trị rủi ro, đảm bảo hoạt động ngân hàng phát triển an toàn, bền vững.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

Chúng tôi làm việc cùng nhau.
Đó là bí quyết.

Samuel Moore Walton
Ông chủ Wal-Mart

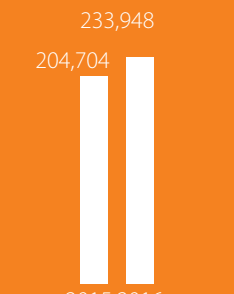

Tổng tài sản của Ngân hàng tăng

15%

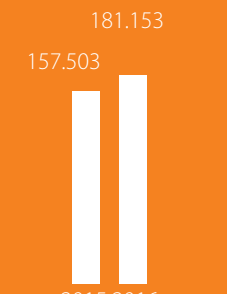

Huy động khách hàng tăng

15%

Vốn tự có tăng

32%

Tăng trưởng vượt bậc về quy mô nhưng không ngừng cải thiện chất lượng tài sản tiếp tục là những điểm sáng trong năm 2016.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2016, SHB tiếp tục có những tăng trưởng vượt bậc về hoạt động kinh doanh.

Tổng tài sản của ngân hàng đạt 233.948 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2015, đạt 101% kế hoạch. Vốn tự có của SHB đạt 16.371 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2015, trong đó vốn điều lệ đạt 11.197 tỷ đồng, tăng 18%, đạt 100% kế hoạch.

Tổng nguồn vốn huy động đạt 214.462 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn huy động từ thị trường I (Tổ chức kinh tế, cá nhân) đạt 181.153 tỷ đồng, tăng 15% so với năm trước.

Nguồn vốn huy động dồi dào, dài hạn là điều kiện quan trọng để SHB giải ngân cho vay nhiều lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế theo định hướng của Chính phủ và NHNN. Dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân đạt 162.376 tỷ đồng.

Mạng lưới và nhân sự tiếp tục được đầu tư, mở rộng với gần 500 điểm giao dịch trải rộng tại 40 tỉnh thành trong cả nước, 1 ngân hàng con 100% vốn cùng 1 chi nhánh tại Lào, 1 ngân hàng con cùng 4chi nhánh tại Campuchia.

Với kết quả đạt được, SHB hiện nằm trong nhóm 5 ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân có quy mô lớn nhất Việt Nam.

Tổng thu nhập năm 2016 của Ngân hàng đạt 16.46 tỷ đồng, tăng 26,4% so với năm trước. Mảng dịch vụ luôn được ưu tiên phát triển với doanh số thanh toán quốc tế đạt 3 tỷ USD, doanh số kinh doanh ngoại tệ đạt 6,5 tỷ USD. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.156,4 tỷ đồng, tăng 14% so với năm trước.

Với nhiều giải pháp quyết liệt, quản trị rủi ro hiệu quả nhằm kiểm soát nợ xấu hiện tại và ngăn ngừa nợ xấu mới, tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2016 là 1,87%.

Các tỷ lệ an toàn vốn, an toàn về thanh khoản luôn đảm bảo đạt và vượt so với quy định của Ngân hàng Nhà nước, trong đó, tỷ lệ an toàn vốn đạt 13%.

Những thuận lợi bên trong nội bộ cũng như sự thích ứng linh hoạt với điều kiện môi trường bên ngoài đã giúp SHB hoàn thành hầu hết các mục tiêu và đạt được nhiều thành tựu, bước ngoặt quan trọng như:

- Hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 11.197 tỷ đồng, nâng cao năng lực quản trị, năng lực tài chính, giữ vững vị thế là một trong những NHTMCP tư nhân lớn nhất Việt Nam.
- Khai trương 2 ngân hàng con 100% vốn tại Lào và Campuchia sau hơn 5 năm hoạt động ở quy mô chi nhánh.
- Chính thức nhận sáp nhập Công ty tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel (VVF) và thành lập Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHB FC).

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu 2016/ 2015	Thực hiện 31/12/2016	Tăng trưởng 2016/ 2015		% thực hiện kế hoạch 2016
		(+/-)	%	%
Tổng tài sản (Tỷ đồng)	233.948	29.244	14,3	101,0
Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	11.197	1.711	18,0	100,0
Huy động từ TCKT và cá nhân (Tỷ đồng)	181.153	23.650	15,0	96,0
Dư nợ cho vay TCKT và cá nhân (Tỷ đồng)	162.376	30.949	23,5	102,9
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	1.156	139	13,7	90,0
Tỷ lệ an toàn vốn (%)	13			Hoàn thành
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,87			Hoàn thành

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Văn Lê	Tổng Giám đốc	0,248%
2	Lê Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc	-
3	Ngô Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	0,096%
4	Ninh Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc	0,005%
5	Đặng Tố Loan	Phó Tổng Giám đốc	0,076%
6	Nguyễn Huy Tài	Phó Tổng Giám đốc	-
7	Ngô Thị Vân	Kế toán trưởng	

Số lượng cán bộ nhân viên: Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng và các Công ty con của SHB đến 31/12/2016 là 6.351 người, tăng 4,4% so với năm 2015, với trên 92% có trình độ Đại học và trên đại học.

Chính sách đối với người lao động

Năm 2016, nhằm tối ưu hóa bộ máy, tập trung nguồn lực để phát triển kinh doanh, SHB đã thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy, hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của các Khối/Phòng/Ban theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, có chiều sâu trên toàn hệ thống.

Với mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực có phẩm chất, kinh nghiệm và trình độ đáp ứng được những yêu cầu của một ngân hàng hiện đại, tâm huyết với sự phát triển của ngân hàng, SHB tiếp tục nhiều chính sách, chế độ đãi ngộ nhằm thu hút, tạo động lực phát triển và sự gắn bó lâu dài của người lao động với ngân hàng.

Chính sách tuyển dụng: công khai, minh bạch với các tiêu chí đánh giá trình độ, kỹ năng của các ứng viên dựa trên các chuẩn mực về nghề nghiệp để làm căn cứ trong quá trình tuyển dụng,

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên: SHB luôn coi nhân lực là tài sản quý giá nhất, lấy con người là trung tâm cho động lực phát triển của SHB với chính sách đào tạo, phát triển theo chiến lược kinh doanh của ngân hàng, được xây dựng theo từng nhóm đối tượng.

Chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ, chế độ phúc lợi của SHB mang tính cạnh tranh với mục tiêu mang lại nguồn thu nhập ổn định để người lao động yên tâm gắn bó với ngân hàng.

Chi tiết các chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động, Quý vị vui lòng xem mục Phát triển bền vững.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Công ty con

Công ty TNHH 1 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản SHB (SHAMC)

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHAMC) được cấp phép thành lập theo quyết định số 508/2009/QĐ-NHNN, ngày 11/03/2009 và chính thức hoạt động vào ngày 5/12/2009.

Sau 8 năm đi vào hoạt động, Công ty ngày càng đóng vai trò quan trọng nhằm hỗ trợ SHB trong các hoạt động xử lý nợ, thực hiện công tác quản lý tài sản của Ngân hàng và của khách hàng an toàn, hiệu quả.

SHAMC tiếp tục tập trung vào các hoạt động chính là: mua bán, quản lý và khai thác tài sản xử lý nợ và hoạt động dịch vụ bảo vệ để hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của SHB. Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ và quản lý tài sản của SHB, SHAMC còn cung ứng các hoạt động kinh doanh dịch vụ đối với các TCTD khác trong lĩnh vực xử lý tài sản và nợ tồn đọng theo quy định của pháp luật.

Năm 2016, SHAMC đã đáp ứng 100% nhu cầu công tác bảo vệ tại địa điểm kinh doanh, đảm bảo an ninh an toàn, nhu cầu triển khai quản lý kho do các đơn vị đề nghị. Công tác kiểm tra thực hiện theo đúng tần suất quy định và tăng cường đối với các kho hàng bị đánh giá có nguy cơ rủi ro.

Tính đến cuối năm 2016 tổng số CBNV của Công ty là 646 người, tăng 11 người so với năm 2015. Tài sản của Công ty đã tăng mạnh từ 28 tỷ đồng năm 2009 lên 198,7 tỷ đồng đến 31/12/2016. Lợi nhuận trước thuế đạt 9,6 tỷ đồng.

Công ty cổ phần chứng khoán SHB (SHBS)

Công ty cổ phần chứng khoán SHB (SHBS) có tiền thân là Công ty cổ phần chứng khoán Habubank (HBBS). Sau khi HBB sáp nhập vào SHB thì HBBS trở thành công ty con của SHB và đổi tên thành Công ty cổ phần chứng khoán SHB (SHBS). SHBS thừa hưởng những giá trị lan tỏa của thương hiệu SHB, hội tụ những nhà lãnh đạo chiến lược có tầm vóc và nhận được sự hỗ trợ tối đa về tài chính cũng như các nguồn lực khác từ Ngân hàng mẹ nên SHBS đã có được những bước phát triển mạnh mẽ trong năm 2016.

Năm 2016 là năm SHBS thực hiện chủ trương tái cấu trúc hoạt động theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, theo đó SHBS tập trung xử lý những khoản nợ tồn đọng từ những năm trước để lại, đồng thời xây dựng đề án sáp nhập, hợp nhất với một Công ty chứng khoán khác nhằm tăng năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh trên thị trường đón đầu xu thế tăng trưởng của TTCK Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của SHBS vì thế cũng bị ảnh hưởng. Tuy nhiên kết quả hoạt động kinh doanh vẫn thu được những con số ấn tượng.

Tại thời điểm 31/12/2016, tổng số nhân sự của SHBS là 49 người, tổng doanh thu đạt 40,5 tỷ đồng.

Ngân hàng TNHH MTV SHB Lào

Ngân hàng TNHH MTV 100% vốn tại Lào được thành lập với vốn điều lệ 50 triệu USD, trên cơ sở chuyển đổi mô hình từ SHB Chi nhánh Lào. SHB Lào hoạt động độc lập và có cơ cấu bộ máy tổ chức riêng, có một đơn vị trực thuộc là chi nhánh Champasak, cung cấp các dịch vụ, sản phẩm tài chính ngân hàng, góp phần đa dạng hóa danh mục kinh doanh, hạn chế rủi ro, chủ động nâng cao khả năng phán quyết và thực hiện nhiều hơn nữa các nghiệp vụ kinh doanh theo quy định cũng như theo sự ủy quyền từ ngân hàng mẹ tại Việt Nam. SHB Lào ra đời mang tới cho SHB nhiều cơ hội trong việc khai thác, tận dụng tiềm năng rộng lớn và đầy hứa hẹn của thị trường Lào, thu hút đầu tư, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của SHB trên thị trường tài chính khu vực Đông Dương song hành với sứ mệnh phát triển tầm nhìn, thương hiệu SHB với thế giới, góp phần thúc đẩy quan hệ láng giềng hữu nghị giữa Việt Nam và Lào.

Tính đến 31/12/2016, Tổng số nhân sự của SHB Lào là 44 người. Tổng tài sản SHB Lào đạt 1.398 tỉ Kíp (tương đương 3.791 tỷ VNĐ) tăng 10,77% tương ứng 1.262 tỉ Kip so với năm 2015. Tổng dư nợ đạt 479,25 tỉ Kíp (tương đương 1.291 tỷ VNĐ) tăng 38,20% so với năm 2015, tương đương 346,79 tỉ Kip. Doanh số huy động vốn đạt 244 tỉ Kíp, tăng 119,52% tương ứng 111,24 tỉ Kip so với năm 2015. Lợi nhuận trước thuế đạt 7,9 tỉ Kíp (tương đương 21,4 tỷ VNĐ) tăng 140,36%, tương ứng 3,289 tỉ Kíp so với năm 2015.

Ngân hàng TNHH Sài Gòn – Hà Nội Campuchia

Với vốn điều lệ 50 triệu USD, SHB Campuchia là ngân hàng con 100% vốn thứ 2 của SHB tại thị trường Đông Dương sau SHB Lào. SHB Campuchia hoạt động độc lập, có cơ cấu bộ máy tổ chức riêng trên nền tảng mô hình chuyển đổi từ SHB chi nhánh Campuchia.

Sau 5 hoạt động, SHB Campuchia đã tạo được nền tảng cơ sở khách hàng đa dạng bao gồm cả các doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia và doanh nghiệp của nước sở tại, tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực kinh tế then chốt như cao su, ngành điện, cầu đường, khai thác khoáng sản. Trong thời gian tới, SHB Campuchia sẽ đẩy mạnh phát triển một cách toàn diện để khai thác hết tiềm năng và cung cấp được đầy đủ các sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Để hoàn thành mục tiêu đó, SHB Campuchia sẽ có lộ trình tăng vốn điều lệ lên 75 triệu USD từ nay đến năm 2018. Sau khi tăng vốn, Ngân hàng sẽ có thêm tiềm lực tài chính để chủ động triển khai các hoạt động tài chính – ngân hàng theo quy định trên địa bàn, thực hiện nhiều hơn nữa các nghiệp vụ kinh doanh theo quy định cũng như theo sự ủy quyền từ Ngân hàng mẹ tại Việt Nam, mở rộng mạng lưới trên toàn lãnh thổ Campuchia, tuân thủ triệt để các quy định hiện hành về an toàn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng của cả hai quốc gia Việt Nam và Campuchia.

Tính đến hết 31/12/2016, SHB Campuchia có 5 điểm giao dịch gồm 1 trụ sở và 4 chi nhánh. Tổng tài sản đạt 240,5 triệu USD. Tổng dư nợ đạt 191 triệu USD. Doanh số huy động vốn hơn 36 triệu USD tăng 19% so với năm 2015. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 2.75 triệu USD tăng 23% so với năm 2015 (2,23 triệu USD).

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	Tăng trưởng 2016/2015
1.Quy mô				
Tổng tài sản	Tỷ đồng	204.704	233.948	14,30%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	9.486	11.197	18,04%
Vốn tự có	Tỷ đồng	12.410	16.371	31,91%
2.Kết quả hoạt động kinh doanh				
Huy động từ TCKT và cá nhân	Tỷ đồng	157.503	181.153	15,00%
Dư nợ cho vay TCKT và cá nhân	Tỷ đồng	131.427	162.376	23,50%
Tổng thu nhập	Tỷ đồng	12.857	16.246	26,4%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.017	1.156	13,67%
3. An toàn				
Tỷ lệ an toàn vốn	%	11,40	13,00	Đảm bảo mức quy định của NHNN (≥ 9%)
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,72	1,87	Đảm bảo mức quy định của NHNN (≤ 3%)

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu: 1.119.689.100 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.119.192.914 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 60.372.747 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 1.058.820.167 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

- Theo tiêu chí Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông (%)
1	Cổ đông lớn	1	9,97%
2	Cổ đông nhỏ	27.851	90,03%
	Tổng cộng:	27.852	100%

(Cổ đông lớn là cổ đông chiếm trên 5% tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ngân hàng. Cổ đông nhỏ là các cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần dưới 5%.)

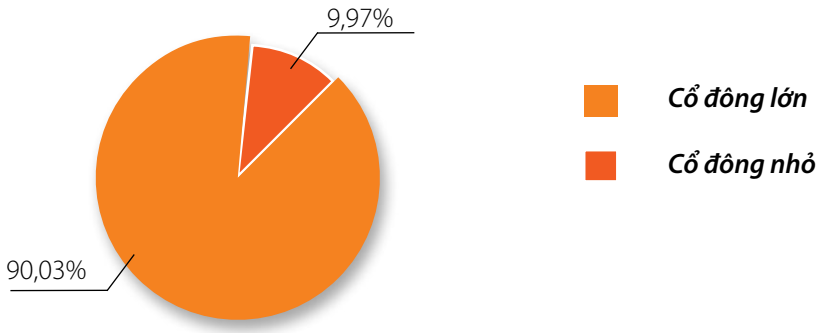

Tỷ lệ sở hữu cổ phần theo cơ cấu cổ đông lớn, nhỏ

- Theo tiêu chí Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Tổ chức	151	38,47%
2	Cá nhân	27.701	61,53%
	Tổng cộng:	27.852	100%

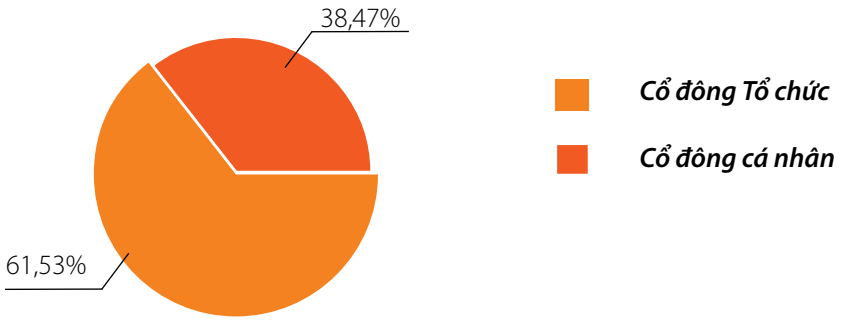

Tỷ lệ sở hữu cổ phần theo cơ cấu cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân

- Cổ đông trong nước và nước ngoài

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Cổ đông trong nước	27.660	91,12%
2	Cổ đông nước ngoài	192	8,88%
	Tổng cộng:	27.852	100%

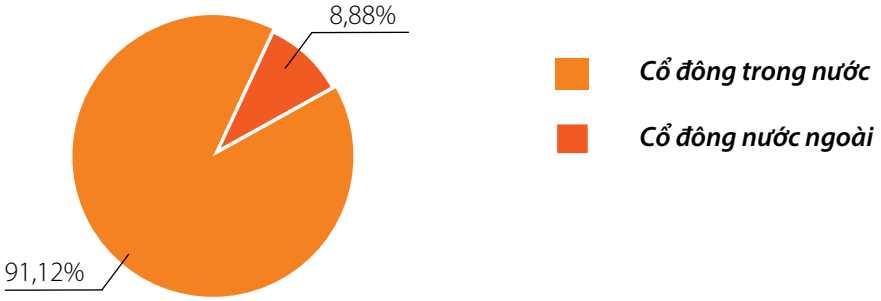

Tỷ lệ sở hữu cổ phần theo cơ cấu cổ đông trong nước, nước ngoài

Tình hình thay đổi vốn điều lệ:

Tăng vốn điều lệ từ 9.485.944.610.000 đồng lên 11.196.891.000.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông hiện hữu và nhận sáp nhập Công ty tài chính cổ phần Vinaconex - Viettel (VVF) trong năm 2016.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các giao dịch cổ phiếu của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan

- Giao dịch của cổ đông nội bộ: Không
- Giao dịch của người có liên quan đến cổ đông nội bộ: Chị gái ruột của Chủ tịch Hội đồng Quản trị mua 7.936.080 cổ phiếu tăng tỷ lệ sở hữu từ 0,564% lên 0,778%
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không
- Các giao dịch khác: không

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trải qua hơn 23 năm phát triển và xây dựng, SHB tự hào là một trong 5 Ngân hàng Thương mại cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam, thực hiện tốt cùng lúc 2 nhiệm vụ lớn: hoạt động kinh doanh phát triển an toàn, hiệu quả, hướng tới chuẩn mực quốc tế đồng thời tích cực đi đầu triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Chính phủ và Nhà nước.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016, cùng với đà phục hồi của nền kinh tế và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong lĩnh vực ngân hàng, SHB vẫn tiếp tục đạt được những thành công quan trọng nhờ năng lực, quyết tâm của cả hệ thống trong và ngoài nước, sự hợp tác ủng hộ của các đối tác, khách hàng và niềm tin của các cổ đông.

Quy mô tổng tài sản

Tổng tài sản năm 2016 tăng 14,3% lên mức 233.948 tỷ đồng, tiếp tục đưa SHB vào nhóm các ngân hàng NHTM cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam.

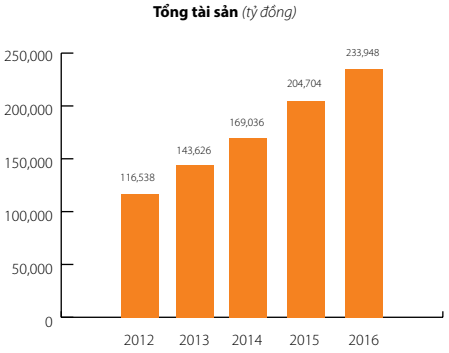

Hoạt động quản lý và huy động vốn

Nguồn vốn huy động luôn tăng trưởng tốt nhờ sự nỗ lực của toàn hệ thống khi 100% các Chi nhánh SHB đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch về huy động vốn.

- Trong năm 2016, trần lãi suất huy động kỳ hạn dưới 06 tháng tiếp tục được NHNN điều chỉnh giảm xuống còn 5,5% nối tiếp xu hướng giảm trần lãi suất huy động kéo dài từ năm 2012 đến nay. Do đó mặt bằng lãi suất huy động từ đầu năm đến cuối năm 2016 giảm khoảng 0,2%/năm và hiện ở mức tương đối thấp. Tuy nhiên, hoạt động huy động vốn của SHB không vì thế mà suy giảm thậm chí đạt được những kết quả rất tích cực.

- Tính đến thời điểm 31/12/2016, tổng nguồn vốn huy động toàn hệ thống đạt 214.462 tỷ đồng, tăng16% so với cùng kỳ 2015.

Không chỉ đạt tốc độ tăng trưởng cao, giá trị tuyệt đối lớn, cơ cấu huy động vốn của SHB cũng cho thấy sự tăng trưởng hiệu quả, bền vững. Vốn huy động từ thị trường I (tổ chức kinh tế và dân cư) tăng 15% so với năm 2015 lên mức 181.153 tỷ đồng. Trong đó, tỷ trọng vốn huy động bằng tiền gửi tiết kiệm của dân cư luôn chiếm tỷ trọng cao, 60% trong tổng tiền gửi của khách hàng. Bên cạnh đó, SHB không ngừng tìm kiếm các nguồn vốn ưu đãi từ các định chế tài chính trong và ngoài nước. Năm 2016, nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước (gồm WB, ADB, JICA, KFW,...) mà SHB được lựa chọn là Ngân hàng cho vay lại và Ngân hàng phục vụ là 1,5 tỷ USD với 18 dự án được triển khai trên toàn hệ thống. Đó là điều kiện thuận lợi và tiên quyết giúp Ngân hàng có thể chủ động trong việc sử dụng vốn đồng thời ngăn ngừa rủi ro thanh khoản, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Để đạt được kết quả như trên, SHB không ngừng cải tiến sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm linh hoạt, hiện đại phù hợp với mọi phân khúc khách hàng. Công tác giữ chân khách hàng cũ và mở rộng khách hàng mới được chú trọng. Trong đó, công tác tiếp thị và chăm sóc khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu, thể hiện qua phong cách phục vụ chuyên nghiệp, tư vấn hợp lý các sản phẩm nhằm tạo niềm tin cho khách hàng gửi tiền.

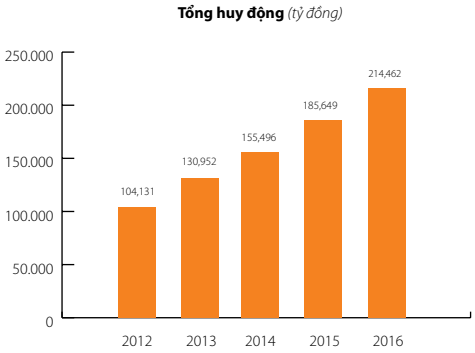

Hoạt động tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng

Nguồn vốn huy động dồi dào, ổn định là điều kiện quan trọng để SHB giải ngân cho vay nhiều lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế theo định hướng của Chính phủ và NHNN.

Đến 31/12/2016, tổng dư nợ cho vay khách hàng của SHB tăng 30.949 tỷ đồng lên mức 162.376 tỷ đồng. Không chỉ đẩy mạnh doanh số cho vay, SHB tiếp tục cơ cấu lại danh mục tín dụng theo ngành, khách hàng và tập trung vào một số ngành ít rủi

ro như: đẩy mạnh cho vay khách hàng cá nhân có thu nhập trung bình trở lên. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh xuất khẩu, nông nghiệp nông thôn; các tập đoàn kinh tế. Các tổng công ty lớn sử dụng nhiều dịch vụ ngân hàng trong và ngoài nước.

Dư nợ cho vay khách hàng *(tỷ đồng)*

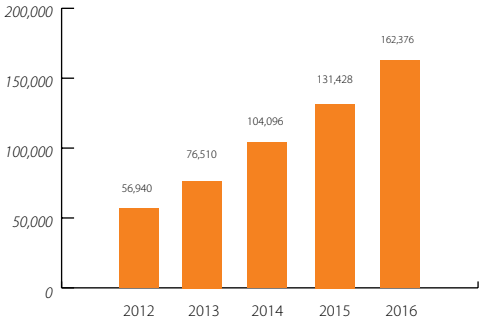

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và NHNN trong việc hướng dòng vốn đến các khu vực ưu tiên, năm 2016, SHB đã tích cực tham gia nhiều chương trình tín dụng như: Chương trình cho vay hỗ trợ doanh nghiệp với lãi suất ưu đãi, thu mua tạm trữ thóc gạo vụ hè thu, đông xuân; Cho vay hỗ trợ nhà ở theo nghị quyết 02; Tài trợ vốn cho doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Cho vay liên kết 4 nhà nhằm hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết hàng tồn kho bất động sản; Cho vay kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp.

Để đạt được kết quả ấn tượng như trên là do Ban lãnh đạo SHB đã tập trung tín dụng vào các ngành thuộc 3 khâu đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020. Trong đó ưu tiên vốn tín dụng cho cho sản xuất, nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ, sản xuất – chế biến, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhiều chương trình, sản phẩm tín dụng được SHB xây dựng chính sách riêng phù hợp cho từng lĩnh vực, ngành hàng, tiêu biểu như: Sản phẩm tài trợ chuỗi cung ứng thủy sản; Sản phẩm tài trợ vốn ngắn hạn đối với nhà phân phối tiêu dùng; Tài trợ trung dài hạn đầu tư xe ô tô, xe đầu kéo đối với doanh nghiệp vận tải; Sản phẩm vay vốn theo dự án tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEFP); Cho vay bổ sung vốn lưu động 24h đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đặc biệt, nhóm đối tác vệ tinh của các doanh nghiệp cũng luôn được SHB hỗ trợ khi các đầu mối liên quan đến đầu vào và đầu ra sản phẩm của họ đều được ngân hàng thiết kế các gói dịch vụ, chương trình riêng để chăm sóc. Đây giống như một chuỗi liên kết chặt chẽ, giúp doanh nghiệp hợp tác với ngân hàng yên tâm hơn trong vay vốn, sử dụng dịch vụ để sản xuất kinh doanh, khi cả đầu vào và đầu ra của mình đều nhận được sự hỗ trợ tương ứng.

Chỉ trong 6 tháng cuối năm 2016, SHB đã bơm gần 11.000 tỷ đồng nhằm cụ thể hóa tại 2 chương trình "Đồng hành phát triển cùng doanh nghiệp lớn" và chương trình "Lãi suất siêu ưu đãi dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ" có mức lãi suất siêu ưu đãi chỉ từ 5,5%/năm. Trước đó, SHB còn hỗ trợ tối đa các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng hóa xuất khẩu thông qua chính sách hưởng ưu đãi lãi suất và USD ngắn hạn chỉ từ 2,35% trong chương trình "Kết nối cùng doanh nghiệp xuất khẩu" và nhiều chương trình khác.

Bên cạnh đó, tăng trưởng tín dụng mảng ngân hàng bán lẻ với nhiều sản phẩm đa dạng, cạnh tranh, phù hợp với thu nhập của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau luôn là mục tiêu, chiến lược xuyên suốt của SHB. Các sản phẩm cho vay mua ô tô, mua bất động sản, hỗ trợ kinh doanh, thấu chi tài khoản, hỗ trợ du học, kinh doanh chứng khoán. được phát triển mạnh với sự hợp tác, liên kết của SHB với nhiều đối tác, luôn mang tới khách hàng những giá trị vượt trội.

Phát triển quy mô nhưng luôn chú trọng về chất lượng của các khoản tín dụng tạo nên một trong những thành công của SHB khi tiếp tục đưa tỷ lệ nợ xấu xuống dưới mức trung bình của toàn hệ thống.

SHB đã thực hiện quản lý rủi ro theo Khung khẩu vị rủi ro để có thể xác định các ngưỡng biên độ chịu rủi ro, chấp nhận rủi ro một cách chọn lọc và hợp lý. Công tác kiểm tra, giám sát từng nghiệp vụ luôn được chú trọng cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật nhằm cảnh báo, phát hiện sớm rủi ro, hạn chế tối đa phát sinh nợ xấu mới. Nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu của SHB giảm từ 8,8% sau nhận sáp nhập Habubank xuống còn 1,72% cuối năm 2015 và 1,87% cuối năm 2016.

Tỷ lệ nợ xấu

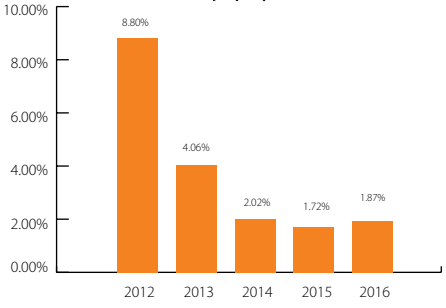

Hoạt động dịch vụ

Trên nền tảng công nghệ hiện đại, nhiều sản phẩm dịch vụ tiện ích được triển khai nhằm gia tăng tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ đồng thời giảm thiểu rủi ro trong hoạt động Ngân hàng.

Sản phẩm dịch vụ mới với sự đa dạng, nhiều tiện ích, luôn đảm bảo tính cạnh tranh cao từ sự nổi bật và khác biệt trên thị trường, dựa trên nhu cầu và đặc điểm của từng phân khúc khách hàng khác nhau.

Hoạt động thanh toán quốc tế

Với hệ thống các Ngân hàng Đại lý ở nước ngoài rộng khắp (hơn 400 đại lý tại khắp các châu lục) đảm bảo cho SHB cung cấp các dịch vụ thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại nhanh chóng, an toàn cho các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu với tỷ lệ điện thanh toán đạt chuẩn cao trên 98,5%. Ngoài ra, trở thành thành viên Hiệp hội Bao thanh toán quốc tế (FCI) giúp SHB cung cấp cho khách hàng dịch vụ Bao thanh toán xuất khẩu toàn diện hơn, chuyên nghiệp hơn, hỗ trợ các doanh nghiệp tiết kiệm được hạn mức tín dụng hiện có, loại bỏ rủi ro thanh toán xuất khẩu, tăng lợi thế cạnh tranh khi bán hàng theo phương thức D/A và T/T trả sau, tiết kiệm thời gian và chi phí trong việc quản lý, thu hồi các khoản phải thu, từ đó giúp tăng doanh thu xuất khẩu, nâng cao uy tín trên thị trường. Cuối năm 2016, doanh số thanh toán quốc tế của SHB đạt gần 3 tỷ USD. SHB nhiều năm liền là Ngân hàng có dịch vụ Thanh toán quốc tế tốt nhất do Bank of New York Mellon (Mỹ) trao tặng.

Hoạt động thanh toán trong nước

Mô hình thanh toán tập trung đã giúp SHB tăng tính hiệu quả quản lý vốn của mình, đẩy nhanh tốc độ thanh toán, đảm bảo tuyệt đối an toàn, chính xác nguồn vốn cho khách hàng. SHB cũng đã tích cực củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ Western Union, mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo nhất.

Hoạt động bảo lãnh

SHB đã phát triển dịch vụ bảo lãnh với nhiều hình thức như: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh dự thầu, Bảo lãnh thanh toán, Bảo lãnh vay vốn, Bảo lãnh nộp thuế nhập khẩu, Bảo lãnh hoàn tạm ứng, Bảo lãnh phát hành chứng từ có giá, Bảo lãnh quốc tế, các sản phẩm dịch vụ khác với tổng doanh số bảo lãnh năm 2016 lên đến gần 19 nghìn tỷ đồng.

- SHB đồng hành với sự phát triển của doanh nghiệp bằng nhiều sản phẩm hiện đại như: Sản phẩm tín dụng liên kết 4 nhà trong lĩnh vực xây dựng, bất động sản, vật liệu xây dựng; Triển khai các sản phẩm cho vay lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Chương trình tài trợ trọn gói chuỗi liên kết thực hiện các Dự án trọng điểm Quốc gia; Chương trình cho vay ưu đãi "Đồng hành doanh nghiệp – Vươn tới thành công"; Chương trình cho vay USD ưu đãi đối với doanh nghiệp xuất khẩu;

- Sản phẩm dịch vụ khách hàng cá nhân với trọng tâm là các sản phẩm với nhiều ưu đãi cho khách hàng khi đi du lịch, mua sắm, du học, các sản phẩm kết hợp chăm sóc sức khỏe toàn diện. Các sản phẩm tiêu dùng được thiết kế theo hướng thủ tục đơn giản, thuận tiện, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của khách hàng như cho vay mua nhà, mua ô tô, vay tiêu dùng trả góp… Bên cạnh đó, SHB cũng đã phân lớp, định vị thành công phân khúc khách hàng cá nhân VIP trên toàn hệ thống và đã bước đầu triển khai các sản phẩm chuyên biệt, chính sách chăm sóc dành cho nhóm khách hàng này.

- Năm 2016, SHB tiếp tục phát triển thẻ tín dụng quốc tế SHB Visa Platinum được tích hợp công nghệ bảo mật chip theo chuẩn EMV – dòng thẻ cao cấp dành cho khách hàng VIP như giới doanh nhân, nhà quản lý cùng với việc duy trì và phát triển các sản phẩm thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng hiện đại như thẻ Solid, The moment, Master Card, SHB Vinaphone, School Cash Card, Visa Card đồng thương hiệu SHB - Manchester City được tích hợp công nghệ bảo mật chip theo tiêu chuẩn EMV.

Bên cạnh đó, SHB đẩy mạnh khai thác các kênh giao dịch điện tử tiện ích như SHB Online, SHB Phone, SHB SMS, SHB Mobile là dịch vụ ngân hàng điện tử hiện đại ứng dụng trên trình duyệt web của máy tính, điện thoại và máy tính bảng, cho phép khách hàng giao dịch tài khoản, gửi, rút tiết kiệm, nạp tiền điện thoại, thanh toán điện, nước, truyền hình, vé máy bay ở mọi lúc, mọi nơi.

Công tác phát triển mạng lưới

Mạng lưới tại các địa bàn giàu tiềm năng trong và ngoài nước luôn được ưu tiên phát triển gắn liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phù hợp với khả năng quản trị điều hành của SHB.

Trong năm 2016, SHB tiếp tục mở rộng mạng lưới tại các địa bàn trong nước và tại 2 nước bạn Lào, Campuchia; Hoàn thành khảo sát tìm địa điểm làm trụ sở của một số chi nhánh tại 05 tỉnh mới; Hoàn thành xin phép mở mới các PGD và chi nhánh tại một số tỉnh; Tiếp tục giám sát các công trình đang thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ;

Đến cuối năm 2016, SHB có gần 500 điểm giao dịch trải rộng tại 40 tỉnh thành trong cả nước cùng với Ngân hàng con 100% vốn, 1 chi nhánh tại Lào và 1 ngân hàng con 4 chi nhánh tại Campuchia, củng cố bước đệm vững chắc cho SHB tiến vào thị trường tài chính khu vực.

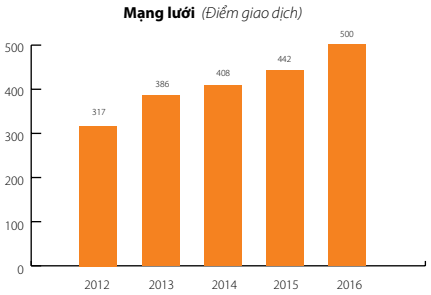

Hiện đại hóa Ngân hàng

Hệ thống công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư phát triển một cách mạnh mẽ, hiện đại nhằm hỗ trợ đắc lực cho công tác quản trị, điều hành và phát triển sản phẩm dịch vụ, luôn đáp ứng yêu cầu cao nhất về tính sẵn sàng, liên tục của hệ thống.

Hệ thống bảo mật an ninh được triển khai đồng bộ nhằm đảm bảo an toàn đối với hạ tầng CNTT và hoạt động Ngân hàng. Toàn bộ các dịch vụ công nghệ thông tin đều được đặt trong các phân vùng mạng riêng biệt và được bảo vệ bởi cặp thiết bị tường lửa/IPS riêng biệt hoạt động ở chế độ Active – Active sử dụng thiết bị của các hãng cung cấp hàng đầu thế giới như Cisco, Fortinet, CheckPoint,... Năm 2016, SHB đã vinh dự được đón nhận giải thưởng "Ngân hàng Ứng dụng Công nghệ thông tin an toàn hiệu quả 2016" do Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG tổ chức hàng năm.

Hệ thống các kênh phân phối hiện đại, áp dụng công nghệ cao được SHB xây dựng với tiện ích ngày càng được bổ sung và nâng cấp, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng qua tất cả các kênh giao dịch bao gồm ATM, POS, Internet Banking, Mobile Banking, SMS Banking, Phone Banking...

Hệ thống thông tin quản lý được xây dựng đồng bộ, đầy đủ nhằm phục vụ yêu cầu quản trị điều hành, quản lý, hỗ trợ khách hàng. Toàn bộ dữ liệu phục vụ báo cáo được xử lý tại một máy chủ riêng biệt. Dữ liệu báo cáo được đồng bộ online theo thời gian thực, đảm bảo dữ liệu báo cáo luôn kịp thời, chính xác. Hệ thống các ứng dụng được xây dựng theo hướng phục vụ khối lượng giao dịch quy mô lớn, vì vậy luôn đáp ứng sẵn sàng nhu cầu tăng trưởng quy mô hoạt động của SHB.

Các chương trình phần mềm được nâng cấp, xây dựng nhằm khai thác tối đa cơ sở dữ liệu để phục vụ hoạt động kinh doanh, quản lý các nguồn lực, quản trị rủi ro, nghiên cứu dự báo như: Phần mềm quản trị thông tin nhân sự; Hệ thống kết nối SHB với SHBS và SHS; Thẻ cào điện tử; Quay số trúng thưởng; Đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng khách hàng; Các tiện ích Thẻ; Ứng dụng QLRR Thẻ; Tiết kiệm online; Quản lý hạn mức online thẻ tín dụng; Chuyển tiền từ thiện;

Phát triển nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao là nhiệm vụ tối quan trọng khi các cán bộ CNTT tại SHB được tuyển chọn kỹ lưỡng, có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản. Bên cạnh đó, SHB xúc tiến mời các chuyên gia cao cấp từ các công ty công nghệ thông tin lớn gia nhập đội ngũ phát triển công nghệ của Ngân hàng.

Công tác quản lý rủi ro

Luôn tuân thủ chặt chẽ mọi quy định của NHNN về các tỷ lệ an toàn hoạt động

Bộ máy SHB được thiết kế đảm bảo sự quản lý chặt chẽ theo ngành dọc, thống nhất từ các khối kinh doanh tới các đơn vị kinh doanh, từ các khối/ban hỗ trợ tại Trụ sở chính tới các phòng/bộ phận hỗ trợ tại các chi nhánh/phòng giao dịch trong hệ thống. Sự thống nhất về quản lý theo ngành dọc đảm bảo sự vận hành xuyên suốt từ các cấp lãnh

đạo cao nhất tới từng đơn vị kinh doanh, hạn chế rủi ro cho Ngân hàng.

Các chính sách, quy định, quy trình quản lý rủi rotín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động,...được rà soát, chỉnh sửa liên tục nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động của SHB như: Số dư tín dụng được kiểm soát trong phạm vi khẩu vị rủi ro và biên độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng;Rà soát, đánh giá chặt chẽ hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh; Phân tích các khoản nợ có vấn đề, các khoản vay tiềm ẩn rủi ro cao, gửi thông tin cảnh báo đến các đơn vị kinh doanh để có biện pháp thu hồi nợ kịp thời.

Công tác kiểm toán nội bộ liên tục được tăng cường, bao gồm cả kiểm toán toàn diện và kiểm toán theo chuyên đề với việc tập trung kiểm toán các nghiệp vụ chính như tín dụng, đầu tư, ủy thác, huy động vốn, kế toán, đồng thời duy trì triển khai kiểm toán một số nội dung mới như Kiểm toán mạng lưới nhằm góp phần cảnh báo và phát hiện kịp thời những sai sót trong hoạt động của hệ thống, đề xuất biện pháp chỉnh sửa kịp thời và hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Việc kiểm tra, kiểm soát và phòng chống rửa tiền, theo dõi và đôn đốc chấn chỉnh sau kiểm tra, thực hiện các kiến nghị của Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng, của Kiểm toán nội bộ tại các đơn vị luôn được SHB chú trọng và hành động kịp thời.

Ngoài những chỉ số ấn tượng về hoạt động kinh doanh, SHB luôn tuân thủ sự an toàn, bền vững với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ khả năng chi trả của các loại đồng tiền và tỷ lệ sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn luôn đảm bảo trong ngưỡng quy định của NHNN.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

SHB có nguồn nhân lực trẻ với độ tuổi bình quân dao động trong khoảng 29 – 31 tuổi, là độ tuổi giàu nhiệt huyết, đam mê cống hiến phát triển với hơn 92% có trình độ đại học và trên đại học.

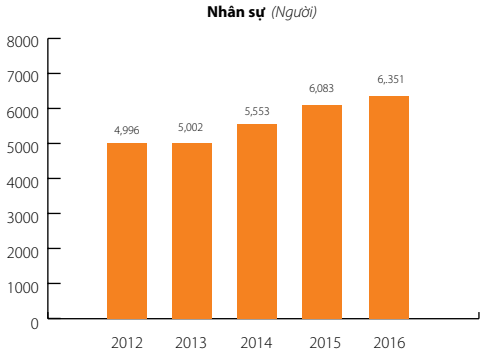

Việc tuyển chọn nhân sự với tiêu chuẩn cao về trình độ, sức khỏe, đạo đức luôn được SHB chú trọng với việc duy trì website tuyển dụng trực tuyến, bản tin tuyển dụng nội bộ và chương trình "Thực tập sinh tài năng – SHB's Talent Internship" đảm bảo tính chuyên nghiệp, minh bạch, công bằng, nâng cao hình ảnh, uy tín của thương hiệu SHB trên thị trường lao động.

- Công tác đào tạo năm 2016 có nhiều chuyển biến với chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng chuẩn chức danh đối với các chức danh chính trong ngân hàng, trọng tâm là các khóa đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu và kỹ năng mềm.

Bên cạnh hàng trăm khóa đào tạo bên ngoài và nội bộ trực tiếp đào tạo, SHB phát triển đào tạo thông qua các ứng dụng công nghệ cao trong đào tạo như: Hệ thống quản lý học tập – thi trực tuyến SHB - LMS; Hệ thống khảo sát – đánh giá chất lượng sau khóa học trực tuyến SHB – Survey; Diễn đàn trao đổi học tập; Đào tạo qua cầu truyền hình nhằm tiết giảm tối đa các chi phí liên quan tới đào tạo cũng như nâng cao năng suất lao động của CBNV.

Đẩy mạnh triển khai các dự án trên toàn hệ thống: Dự án phần mềm nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, quản trị thông tin nhân sự; Dự án tái cấu trúc hệ thống lương; Thực hiện đánh giá lao động theo KPIs đem lại nhiều thay đổi theo hướng chuyên nghiệp hóa để nâng cao năng lực quản trị nhân sự, đáp ứng yêu cầu của công tác nhân sự đối với hoạt động kinh doanh.

Chung tay bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững

Thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, SHB đã đẩy mạnh các biện pháp giảm phát thải nhà kính bên cạnh chính sách tín dụng xanh, hướng dòng vốn phục vụ cho các dự án, công trình "xanh" như xử lý nước thải, rác thải, thủy điện, nhiệt điện,...nhằm thúc đẩy ý thực bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp. Tổng giá trị các dự án năng lượng tái tạo được SHB tài trợ hoặc tư vấn trong năm 2016 là hơn 600 triệu USD. Hoạt động đào tạo, tuyên truyền được chú trọng nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân viên về hoạt động tín dụng xanh, nâng cao ý thức sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

SHB cũng luôn ý thức rõ tầm quan trọng và sự cần thiết trong việc đóng góp vào sự phát triển bền vững và thịnh vượng của cộng đồng. Tổng số tiền SHB đã tham gia ủng hộ cho công tác an sinh xã hội trong giai đoạn 5 năm qua là hàng trăm tỷ đồng, chưa tính đến các chương trình đóng góp từ ngày lương, ngày công lao động với các chương trình ủng hộ Quỹ, đồng bào lũ lụt, thiên tai, hộ nghèo, gia đình chính sách các địa bàn trong cả nước.

Trong tương lai, SHB sẽ tiếp tục gắn bó với công tác an sinh xã hội, tham gia đóng góp vào sự phát triển cộng đồng với tư cách là một doanh nghiệp lớn.

NHỮNG TIẾN BỘ MÀ NGÂN HÀNG ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2016

Nâng cao năng lực và quy mô hoạt động

Với việc tăng vốn điều lệ lên hơn 11.197 tỷ đồng trong năm 2016, SHB đã tạo đà cho việc nâng cao các tỷ lệ an toàn hoạt động, từng bước tiếp cận các tỷ lệ an toàn theo chuẩn quốc tế.

Thành lập 2 ngân hàng con 100% vốn tại Lào và Campuchia cùng với nhận sáp nhập thành công Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel (VVF), thành lập Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHB FC) không chỉ giúp SHB tiếp tục nâng quy mô vốn điều lệ, mở rộng phạm vi và quy mô hoạt động, chuyên biệt hóa mảng tín dụng tiêu dùng của mình, mà còn đem lại một mạng lưới khách hàng lớn rộng với các sản phẩm được đa dạng hóa hơn, góp phần giúp SHB tiến gần hơn tới mục tiêu trở thành một trong các Ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam.

Tăng trưởng tín dụng an toàn hiệu quả

Trong bối cảnh hoạt động của các doanh nghiệp vẫn gặp một số khó khăn, để giải ngân tín dụng an toàn, tạo nguồn thu ổn định cho Ngân hàng, SHB đã xây dựng được nền tảng khách hàng vững chắc đồng thời phát triển thêm các khách hàng mới có năng lực tài chính, trình độ quản lý tốt, thị trường tiêu thụ ổn định, kinh doanh hiệu quả.

Cho vay đối với các khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, công nghiệp hỗ trợ, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ hiện đại là những đối tượng luôn được SHB khuyến khích phát triển và có tỷ trọng dư nợ cao.

Thực hiện tốt các chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, SHB cũng đã tích cực tham gia các chương trình tín dụng ưu tiên như: Chương trình tín dụng liên kết 4 nhà nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường xây dựng, bất động sản; Chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp tại nhiều tỉnh, thành phố; Chương trình cho vay phát triển thủy sản theo Nghị định 67 của Chính phủ; Cho vay tạm trữ lúa gạo; Tài trợ các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Tài trợ nhiều dự án xây dựng cơ sở hạ tầng trọng điểm quốc gia;...

Tỷ lệ nợ xấu tiếp tục được kiểm soát ở mức thấp

Công tác thu hồi xử lý nợ quá hạn, nợ xấu được SHB đặc biệt chú trọng trong năm 2016 và triển khai tích cực với các giải pháp đồng bộ như:

Giao chỉ tiêu công tác xử lý nợ xấu đến từng đơn vị kinh doanh, từng cá nhân trong hệ thống; xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ; đôn đốc khách hàng trả nợ; chuyển hồ sơ tới cơ quan chức năng để xử lý đối với khách hàng có hành vi vi phạm pháp luật trong việc lập hồ sơ vay vốn, thế chấp tài sản đảm bảo; bán nợ cho VAMC theo kế hoạch;...

Hỗ trợ khách hàng với việc xem xét miễn, giảm lãi suất, cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ phù hợp với dòng tiền của khách hàng,...

Giám sát chặt chẽ mục đích sử dụng vốn của khách hàng; nâng cao chất lượng công tác kiểm tra khách hàng trước, trong và sau khi giải ngân; hỗ trợ khách hàng sử dụng vốn có hiệu quả thông qua việc tư vấn tài chính, tư vấn xây dựng chiến lược kinh doanh, tìm kiếm khách hàng tiêu thụ sản phẩm và hợp tác kinh doanh, giúp doanh nghiệp yên tâm hơn trong vay vốn để sản xuất kinh doanh, khi cả đầu vào và đầu ra của mình đều nhận được sự hỗ trợ tương ứng.

Các giải pháp xử lý đồng bộ giúp tỷ lệ nợ xấu của SHB chỉ còn 1,87% tính đến thời điểm 31/12/2016, hoàn thành kế hoạch Đại hội cổ đông đặt ra.

Đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động

Năm 2016, là một trong 2 ngân hàng được vinh danh Top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất thị trường bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đã tiếp tục làm đầy thêm những đóng góp tích cực của SHB vào sự phát triển của thị trường chứng khoán giai đoạn 2009-2016, khẳng định sự ghi nhận của các cơ quan quản lý nhà nước đối với chất lượng quản trị và minh bạch thông tin của SHB.

Là doanh nghiệp niêm yết, SHB luôn đặt mục tiêu hoạt động minh bạch và chấp hành nghiêm túc việc công bố thông tin là một cấu phần quan trọng trong công tác quản trị doanh nghiệp và là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Minh bạch thông tin giúp SHB tạo được niềm tin, sự tín nhiệm của các cổ đông, đối tác, khách hàng, là cơ sở giúp SHB vượt qua mọi thách thức, đạt được vị thế và tầm cao mới trong tương lai.

Xây dựng và phát triển mạng lưới các kênh phân phối hiện đại

Hệ thống mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch trong và ngoài nước liên tục được mở rộng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, hiện thực hóa mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam.

SHB chính thức khai trương ngân hàng con 100% vốn tại Lào và Campuchia, là sự kiện đánh dấu bước ngoặt lớn trong lộ trình phát triển, mở rộng quy mô và hệ thống mạng lưới vươn ra quốc tế của SHB. Đồng thời, SHB được NHNN cấp phép mở văn phòng đại diện tại Myanma.

Bên cạnh kênh phân phối truyền thống (chi nhánh, phòng giao dịch), SHB đẩy mạnh các kênh phân phối hiện đại qua ngân hàng điện tử như ATM, POS, Internet/Mobile/SMS/ Phone Banking...với các tiện ích ngày càng được bổ sung và nâng cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho khách hàng. Đồng thời, SHB đẩy mạnh chiến lược liên kết với các công ty chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản,... nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tăng doanh thu, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Công tác mở rộng đi cùng với việc chú trọng sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức mạng lưới, tổ chức chi nhánh và phòng giao dịch tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với khả năng quản trị điều hành.

Công tác đối ngoại, hợp tác trong nước và quốc tế phát triển mạnh mẽ

Với những kết quả đạt được trong năm 2016, SHB vinh dự được đón tiếp các vị lãnh đạo cấp cao đến thăm và động viên, khích lệ tinh thần.

Tiếp nối những thành công đạt được, trong năm 2016 SHB tiếp tục ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với nhiều Tập đoàn lớn quốc tế như: Câu lạc bộ bóng đá hàng đầu thế giới Manchester City, Barcelona. Hoạt động hợp tác quốc tế được đẩy mạnh nhằm quảng bá hình ảnh, gia tăng vị thế của SHB, tìm kiếm cơ hội hợp tác trong phạm vi khu vực và thế giới. Đến nay, SHB đã có quan hệ hợp tác với 400 tổ chức định chế tài chính quốc tế.

Hoạt động hợp tác trong nước, SHB tiếp tục ký kết với nhiều Doanh nghiệp, Tập đoàn, Tổng công ty như VNPT, Tập đoàn Ôtô Trường Hải, Tập đoàn Than Khoáng sản việt nam, Công ty Cổ phần Viễn thông Quân đội, các Tập đoàn, Tổng công ty thuộc lĩnh vực dầu khí, xăng dầu, điện lực, viễn thông,... khẳng định uy tín, tiềm lực mạnh mẽ, hoạt động an toàn, hiệu quả, bền vững của SHB đã thuyết phục các đối tác đặt niềm tin hợp tác lâu dài.

SHB tiếp tục được lựa chọn làm ngân hàng phục vụ, ngân hàng cho vay lại cho nhiều dự án ODA

Là một trong những ngân hàng thương mại có kinh nghiệm thực hiện sớm nhất công tác triển khai các dự án ODA (từ năm 2004), SHB luôn được các Bộ Ngành và nhà tài trợ đánh giá cao và tin tưởng lựa chọn làm ngân hàng phục vụ, ngân hàng cho vay lại cho nhiều dự án ODA.

Tham gia triển khai các dự án ODA, SHB nhận được nguồn vốn trung dài hạn ổn định với mức lãi suất thấp; có được một lượng lớn nguồn ngoại tệ duy trì KKH, chủ động trong việc xác định tỷ giá mua bán ngoại tệ; có cơ hội phát triển thêm một lượng lớn khách hàng. … ngoài việc nâng cao hiệu quả kinh doanh SHB đã khẳng định được vị thế so với các ngân hàng trên thị trường, đồng thời nâng cao uy tín trong xã hội.

Hiện nay, SHB đang triển khai 18 dự án ODA với tư cách là ngân hàng cho vay lại và ngân hàng phục vụ với tổng giá trị là 1,5 tỷ USD do các Tổ chức quốc tế và Chính phủ các nước tài trợ. Trong đó, SHB đã được Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính lựa chọn là Ngân hàng phục vụ 11 dự án với tổng giá trị 900 triệu USD; Ngân hàng cho vay lại 7 dự án với tổng giá gần 600 triệu USD.

Trong năm 2016, SHB được lựa chọn triển khai thêm các dự án cho vay lại và dự án ngân hàng phục vụ do các tổ chức quốc tế song phương và đa phương tài trợ trong các lĩnh vực năng lượng, chương trình phát triển ngành nước Việt Nam, phát triển đô thị,...

Ngoài ra trong năm 2016, SHB cũng tiếp tục được Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) lựa chọn là Ngân hàng phát hành trong Chương trình tài trợ thương mại toàn cầu (TFP) với hạn mức tài trợ thương mại được nâng lên tới 125 triệu USD.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Quán triệt chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 và nghiên cứu dự báo môi trường kinh doanh năm 2017, SHB xác định các mục tiêu chính của toàn hệ thống đến cuối năm 2017 như sau:

*** Nhóm mục tiêu phát triển kinh doanh.**

1. Tiếp tục giữ vững vị thế nằm trong Top 05 ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân lớn nhất tại Việt Nam về vốn, tài sản và hiệu quả.

2. Tiếp tục các phương án tăng vốn điều lệ, nhằm nâng cáo các tỷ lệ an toàn hoạt động và phục vụ cho hoạt động mở rộng kinh doanh.

3. Đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh nhằm chiếm lĩnh thị trường, tăng trưởng thị phần trong tất cả các hoạt động kinh doanh chính của ngân hàng như huy động thị trường I, tín dụng và các sản phẩm dịch vụ tiện ích mang tính cạnh tranh cao.

4. Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ, sản phẩm Ngân hàng bán lẻ hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, chú trọng chất lượng dịch vụ và sản phẩm phù hợp.

5. Tối ưu hóa danh mục tài sản, tăng trưởng doanh thu, quản lý chi phí hiệu quả, nâng cao năng suất lao động thông qua việc thường xuyên rà soát, kiểm soát danh mục tài sản nợ/có.

6. Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh, đi đôi với công tác kiểm soát, giám sát chặt chẽ, nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của các đơn vị mạng lưới CN/PGD.

7. Phát triển mạnh khách hàng cá nhân để tiến gần hơn tới mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam.

8. Triển khai nghiệp vụ bán lẻ tiêu dùng thông qua hoàn thiện tổ chức bộ máy và phương hướng hoạt động kinh doanh của Công ty tài chính SHB.

*** Nhóm mục tiêu hoạt động**

9. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành, cải cách, đổi mới công tác phát triển nguồn nhân lực nhằm tạo lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao.

10. Nâng cao công tác quản trị rủi ro, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro từng nghiệp vụ kinh doanh nhằm nâng cao khả năng cảnh báo phát hiện sớm rủi ro đối với các hoạt động của SHB.

11. Tăng cường quản lý, giám sát đôn đốc thu hồi nợ xấu, nợ có vấn đề, thiết lập quy trình quản lý nợ chặt chẽ, đi đôi với chỉ tiêu kinh doanh, nhằm đảm bảo hoạt động tăng trưởng tín dụng đi đôi với chất lượng tín dụng

12. Tiếp tục đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành, hạn chế rủi ro đồng thời phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng đồng bộ, tiện ích và cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động của cán bộ nhân viên.

13. Tập trung đẩy mạnh công tác triển khai các dự án Ngân hàng phục vụ, dự án cho vay lại từ nguồn vốn ODA do các tổ chức tài chính quốc tế tài trợ; Đẩy mạnh huy động vốn từ các định chế tài chính trong nước và quốc tế đặc biệt là nguồn vốn có kỳ hạn dài, chi phí hợp lý.

14. Tiếp tục cơ cấu danh mục tín dụng các lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính phủ và NHNN, các ngành nghề giàu tiềm năng phát triển trên cơ sở các điều kiện kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước.

15. Đẩy mạnh công tác truyền thông, quan hệ quốc tế nhằm quảng bá thương hiệu và nâng cao vị thế của SHB trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.

16. Đẩy mạnh hoạt động của Đảng bộ, Đoàn thanh niên, Công đoàn nhằm giáo dục đạo đức tư tưởng, nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó của người lao động, giữ gìn và phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc truyền thống SHB, từ đó, tạo ra sức mạnh tập thể đóng góp vào sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản dự kiến thực hiện đến cuối năm 2017

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Tăng trưởng 2016/2015 %
Tổng tài sản (Tỷ đồng)	270.000	15,0%
Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	12.036	7,5%
Huy động từ TCKT và cá nhân (Tỷ đồng)	217.382	20,0%
Dư nợ cho vay (Tỷ đồng)	191.603	18,0%
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	1.750	51,3%
Cổ tức dự kiến	9% VĐL	
Tỷ lệ nợ xấu	<3%	
Tỷ lệ an toàn vốn	>9%	
Tỷ lệ dư nợ trên nguồn vốn huy động (LDR)	< 80%	
Tỷ lệ sử dụng nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	< 40%	
ROA	0,7%-0,8%	
ROE	10%-11%	

Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh khác

Mạng lưới hoạt động:

+ Hoàn thành khai trương 05 chi nhánh trong nước, bao gồm Đắklắk, Hà Nam, Hà Tĩnh, Bình Định, Tây Ninh.
+ Hoàn thành thủ tục cấp phép và khai trương các PGD được NHNN phê duyệt.
+ Triển khai kế hoạch hoạt động kinh doanh Công ty tài chính tiêu dùng SHB.
+ Hoàn thiện giải thể công ty SHBS,.
+ Thực hiện các thủ tục xin mở văn phòng đại diện SHB tại Myanmar.

Quỹ lương:

1.400 tỷ đồng (tăng 12,2% so với năm 2016 do số lượng nhân sự dự kiến tăng thêm theo kế hoạch phát triển mạng lưới Chi nhánh và Phòng Giao dịch).

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Mục tiêu của kinh doanh là sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả để tạo ra sản phẩm, giúp cuộc sống của mọi người trở nên tốt đẹp hơn

Charles Koch

Chủ tịch kiêm CEO Tập đoàn Koch Industries

Phát huy các thế mạnh sẵn có, quyết tâm thực hiện các mục tiêu nhằm đưa SHB phát triển bền vững, gia tăng hiệu quả, vị thế trên thị trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Những kết quả đạt được

Tiếp nối những thành công đạt được, đúc rút kinh nghiệm các mặt còn hạn chế, Hội đồng quản trị xây dựng định hướng chính sách phù hợp với các giải pháp thực thi quyết liệt. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh của SHB đã có bước tăng trưởng nhanh, bền vững, an toàn và đạt được những kết quả tốt trong năm 2016.

- Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Quyết liệt xử lý, thu hồi nợ xấu giúp Ngân hàng giảm tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2016 xuống chỉ còn 1,87%.
- Nguồn vốn huy động đặc biệt là huy động vốn thị trường 1 tăng trưởng mạnh giúp đảm bảo thanh khoản dồi dào cho Ngân hàng.
- Tham gia tài trợ vốn cho nhiều dự án trọng điểm quốc gia.
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước và ở nước ngoài.
- Tiết giảm đáng kể chi phí quản lý, chi phí hoạt động góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
- Tái cấu trúc thành công tổ chức bộ máy và hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của các Phòng/Ban/Trung tâm, Chi nhánh, Phòng giao dịch theo định hướng phát triển kinh doanh của Hội đồng quản trị.
- Quá trình tái cấu trúc đối với các doanh nghiệp sau khi nhận sáp nhập ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội đến nay đều đã đi vào ổn định, kinh doanh có lãi, đảm bảo việc làm cho hàng ngàn người lao động và có nguồn trả nợ cho SHB.
- Chính thức nhận sáp nhập Công ty tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel (VVF) và thành lập Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHB FC), góp phần vào hiện thực hóa chiến lược trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam.
- Đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông (7,5%) theo kế hoạch Đại hội cổ đông thông qua.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2016 là một năm tiếp tục có những điểm sáng trong hoạt động kinh doanh của SHB tiếp nối thành công vững chắc đã đạt được trong những năm qua. Có được những thành công ấy trong bối cảnh cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng khốc liệt, Hội đồng quản trị SHB đã luôn theo sát mọi diễn biến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, đôn đốc, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chủ trương chính sách đã được Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình với tinh thần trách nhiệm cao, điều hành hoạt động linh hoạt và chỉ đạo sát sao các đơn vị, có những giải pháp, đề xuất kịp thời lên HĐQT giúp đảm bảo mọi hoạt động tại từng đơn vị trong toàn hệ thống được kiểm tra, kiểm soát đầy đủ, kịp thời, an toàn, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với mục tiêu đưa SHB trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng hàng đầu tại Việt Nam và Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế đến năm 2020, Hội đồng quản trị luôn xác định chiến lược phù hợp trong từng giai đoạn với chiến lược cạnh tranh, luôn tạo sự khác biệt trên cơ sở định hướng trong giai đoạn 2017 – 2020 như sau:

- *Tiếp tục giữ vững vị thế nằm trong top 05 ngân hàng TMCP tư nhân lớn nhất Việt Nam.*

Đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh nhằm chiếm lĩnh thị trường; Tăng trưởng thị phần trong tất cả các hoạt động kinh doanh chính của Ngân hàng như huy động thị trường I, tín dụng và các sản phẩm dịch vụ tiện ích mang tính cạnh tranh cao; Nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư nhằm đa dạng hóa các kênh sinh lời cho Ngân hàng; Tăng trưởng doanh thu từ dịch vụ, phấn đấu đạt 35 -40% thu nhập thuần; Quản lý chi phí hiệu quả; Nâng cao năng lực tài chính, phát triển an toàn, bền vững theo các chuẩn mực quốc tế.

- *Phát triển và cơ cấu lại mạng lưới hoạt động*

Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh, đi đôi với công tác kiểm soát, giám sát chặt chẽ, nhằm phát huy tối đa hoạt động của các đơn vị mạng lưới. Hoàn thành thủ tục cấp phép và khai trương các PGD được NHNN phê duyệt; Triển khai kế hoạch hoạt động kinh doanh Công ty tài chính tiêu dùng SHB; Thực hiện các thủ tục xin mở văn phòng đại diện SHB tại Myanmar.

- *Hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách*

Thường xuyên hoàn thiện hệ thống thể chế, quy chế, chính sách phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình hoạt động thực tế của Ngân hàng.

- *Nâng cao năng lực quản trị*

Không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực quản trị và điều hành trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh; Luôn theo sát diễn biến của thị trường trong và ngoài nước nhằm điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp trong từng giai đoạn và mang tính chất lâu dài; Đề ra định hướng kinh doanh với các giải pháp linh hoạt đem đến sự phát triển ổn định, bền vững.

- *Tăng cường quản trị rủi ro*

Từng bước xây dựng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp theo Basel II; Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu thức nhận diện và đánh giá rủi ro làm cơ sở phát hiện và hạn chế rủi ro; kiện toàn hệ thống bộ máy quản trị rủi ro của ngân hàng đồng thời khẩn trương triển khai các giải pháp quản trị rủi ro và phòng chống rửa tiền theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước phù hợp với các quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

- *Đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ*

Đẩy mạnh công tác phát triển sản phẩm, dịch vụ; tăng cường nghiên cứu, đánh giá tác động của thị trường tới các sản phẩm hiện có của SHB; khảo sát, đánh giá nhu cầu của khách hàng để phát triển các sản phẩm, dịch vụ đặc trưng.

- *Tích cực xử lý nợ xấu*

Thúc đẩy nhanh quá trình giải quyết dứt điểm các khoản nợ xấu; trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro theo quy định; đảm bảo duy trì tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn năm 2016 dưới 3%.

- *Thu hút, đào tạo nhân lực chất lượng cao*

Hoàn thiện chính sách nhân sự công bằng, môi trường lành mạnh; Chú trọng công tác đào tạo, đặc biệt chú trọng đào tạo về năng lực quản trị, điều hành đối với cấp quản lý từ trưởng/phó phòng trở lên; Thường xuyên cập nhật, đào tạo nghiệp vụ đối với toàn thể CBNV với chủ trương mỗi CBNV là một giảng viên kiêm chức hướng dẫn, đào tạo cho đồng nghiệp và CBNV khác trong phạm vi công việc, lĩnh vực hoạt động của mình.

- *Văn hóa doanh nghiệp là cốt lõi*

Giữ gìn và phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc truyền thống SHB; nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó của người lao động tạo ra sức mạnh tập thể đóng góp vào sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Những điều tuyệt vời trong kinh doanh không bao giờ được thực hiện bởi một người, chúng đến từ cả một tập thể

Steve Jobs
CEO của Apple

Với tôn chỉ hoạt động "Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp" và chiến lược kinh doanh luôn đổi mới, SHB cam kết sẽ mang lại giá trị lợi ích cho khách hàng và sự thịnh vượng cho các cổ đông - nhà đầu tư.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất với các thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của SHB

Thành viên và cơ cấu

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch HĐQT	3,010%
2	Nguyễn Văn Lê	Thành viên HĐQT	0,248%
3	Trần Ngọc Linh	Thành viên HĐQT	0,218%
4	Đỗ Quang Huy	Thành viên HĐQT	-
5	Phạm Ngọc Tuân	Thành viên HĐQT	-

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Các Ủy ban và Hội đồng nghiệp vụ là cơ quan được HĐQT thành lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp của HĐQT, gồm:

+ Ủy ban Nhân sự
+ Ủy ban Quản lý rủi ro
+ Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO)
+ Hội đồng Tín dụng
+ Hội đồng Đầu tư
+ Hội đồng Quản lý và xử lý nợ có vấn đề

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị luôn theo sát mọi diễn biến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; đôn đốc, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chủ trương, chính sách đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua.

Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị cũng thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của Ủy ban nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị đầy đủ và toàn diện nhất về tình hình hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự được tổ chức và hoạt động nhằm thực thi một số chức năng về nhân sự và lương thưởng do HĐQT phân quyềnthực hiện.

Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy chế, quy định, chính sách liên quan đến vấn đề nhân sự; các vấn đề trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.

Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác với người điều hành, cán bộ, nhân viên Ngân hàng.

Triển khai công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy trình, quy chế trong công tác nhân sự. Trên cơ sở đó, tham mưu cho HĐQT sửa đổi các quy định hiện hành và ban hành các quy định mới phù hợp với tình hình thực tế và chiến lược phát triển của SHB.

Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro là cơ quan được thiệt lập nhằm thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân quyền liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro của Ngân hàng.

Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy chế, quy định, chính sách liên quan đến quản trị rủi ro.

Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và đề xuất các biện pháp phòng ngừa đối với những rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của ngân hàng để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có

Là cơ quan thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân quyền liên quan tới công tác hoạch định chiến lược, chính sách quản trị rủi ro đối với hạng mục Tài sản Nợ - Có.

Chỉ đạo các đơn vị kinh doanh của SHB điều hành kinh doanh theo chiến lược, chính sách đã xác định để tạo lập hợp lý các hạng mục tài sản nợ - tài sản có trong bảng cân đối kế toán của ngân hàng nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Ngân hàng và cổ đông trong dài hạn.

Hội đồng Tín dụng

Là cơ quan thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân quyền liên quan tới chính sách tín dụng.

Tham mưu cho HĐQT định hướng và cơ cấu dư nợ trên toàn hệ thống theo mặt hàng, lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn kinh doanh.

Phê duyệt chính sách tín dụng gồm lãi suất, phí, các điều kiện tín dụng, các biện pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng đối với từng đối tượng khách hàng và nhóm khách hàng có liên quan.

Phê duyệt các khoản tín dụng vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc như các khoản tín dụng vượt trên 10% vốn tự có của SHB và các khoản vay vượt giới hạn tín dụng.

Hội đồng Đầu tư

Là cơ quan thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân quyền liên quan tới hoạt động đầu tư

Tổ chức thẩm định phương án, dự án đầu tư và triển khai hoạt động đầu tư thuộc các lĩnh vực được phép để tăng doanh thu và lợi nhuận cho SHB

Hội đồng Quản lý và Xử lý nợ có vấn đề

Là cơ quan được HĐQT thiết lập nhằm thực hiện xử lý các khoản nợ có vấn đề

Xây dựng chiến lược, biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro nợ quá hạn, nợ xấu nhằm đạt được các mục tiêu an toàn, hiệu quả hoạt động ngân hàng

Chỉ đạo, phê duyệt các biện pháp xử lý nợ, phòng ngừa xử lý nợ có vấn đề trong toàn hệ thống SHB.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Phạm Hòa Bình	Trưởng Ban	0,006%
2	Nguyễn Hữu Đức	Phó Trưởng Ban	-
3	Nguyễn Thị Hoạt	Thành viên chuyên trách	-
4	Bùi Thanh Tâm	Thành viên kiêm nhiệm	-

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Ngân hàng với các thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông

Có trách nhiệm kiểm soát, đánh giá việc chấp hành các quy định nội bộ, các quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị ngân hàng.

Thực hiện việc kiểm toán nội bộ các hoạt động kinh doanh và các báo cáo tài chính của SHB.

Thông qua 5 cuộc họp thực hiện trong năm 2016, hoạt động động của Ban kiểm soát đã đạt được những kết quả như sau:

Họp BKS ngày 05/02/2016

Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý IV/2016:

Căn cứ Phương hướng công tác BKS Quý IV/2015 nêu tại Biên bản họp BKS Quý III/2015 số 80/BB-BKS ngày 21/10/2015, BKS đã kiểm điểm và đánh giá những công việc (gồm có 21 mục công việc) thực hiện trong Quý IV/2015).

Đã đề ra Phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý I/2016 (gồm 15 mục công việc).

Họp BKS ngày 13/4/2016

Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý I/2016 (gồm 26 mục công việc).

Đề ra Phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý II/2016 (gồm 17 mục, chi tiết).

Họp Ban kiểm soát ngày 29/7/2016

Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý II/2016 theo 18 mục công việc

Đề ra Phương hướng, nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý III/2016 (gồm 14 mục công việc).

Họp Ban kiểm soát ngày 26/8/2016

Đánh giá kết quả công việc trong thời gian bổ nhiệm thử thách đối với Giám đốc Khối KTNB để trình HĐQT xem xét bổ nhiệm chính thức chức danh Giám đốc Khối KTNB SHB.

Họp Ban kiểm soát ngày 06/10/2016

a) Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý III/2016 (gồm 27 mục công việc của BKS

đã thực hiện trong quý).

b) Đề ra phương hướng công tác của BKS trong Quý IV/2016 (gồm 14 mục công việc).

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016 đã bám sát vào các chức năng, nhiệm vụ của mình theo các quy định của pháp luật, Điều lệ, và các quy định nội bộ của SHB; đã hoàn thành Kế hoạch và Phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS đề ra trong năm và trong từng Quý; thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của HĐQT và đề nghị của TGĐ.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Chi thù lao HĐQT và BKS đạt 10,2 tỷ đồng, đạt 52,14% so với kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua. Như vậy, trong năm 2015, SHB chưa sử dụng hết kế hoạch thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 phê duyệt.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Chị gái ruột của Chủ tịch Hội đồng Quản trị mua thêm cổ phiếu tăng từ 5.350.000 cổ phiếu lên 7.936.080 cổ phiếu tăng tỷ lệ sở hữu từ 0,564% lên 0,778% với mục đích đầu tư.

Thực hiện các quy định về quản trị công ty

Được thành lập từ năm 1993, trải qua hơn 20 năm hoạt động, SHB đã thực hiện và dần hoàn thiện hoạt động quản trị công ty của ngân hàng, tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Thông tư 121/2012/TT-BTC ban hành ngày 26/07/2012 và đảm bảo hoạt động ngân hàng hiệu quả, an toàn. Cụ thể:

- Ngân hàng đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
- Điều lệ ngân hàng đã được chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư 121/2012/TT-BTC.
- Tuân thủ đầy thủ trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội cổ đông thường niên theo đúng quy định. Công bố đầy đủ tài liệu họp trên website làm cơ sở để cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua tại địa hội. Tổ chức Đại hội cổ đông chu đáo, tích cực, thể hiện uy tín của ngân hàng.
- HĐQT và BKS có báo cáo đầy đủ tại Đại hội đồng cổ đông.
- Việc ứng cử, đề cử, thành phần, tiêu chuẩn của thành viên HĐQT, BKS đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 121/2012/TT-BTC. HĐQT và BKS hoạt động đúng trách nhiệm và nghĩa vụ.
- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các TCTD và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, cán bộ quản lý khác công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- Ngân hàng tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo và công bố thông tin và được đánh giá là một trong những doanh nghiệp minh bạch nhất trên thị trường.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Kinh doanh đơn giản là ý tưởng giúp cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn

Richard Branson
Chủ tịch tập đoàn Virgin

Với những nền tảng được đầu tư vững chắc, SHB đang hội tụ đầy đủ các yếu tố cần thiết cho việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược, đem lại lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm với cộng đồng - xã hội luôn là yếu tố gắn kết chặt chẽ song hành với hoạt động của SHB trên chặng đường 23 năm xây dựng và phát triển. Đây cũng là một trong những mục tiêu quan trọng SHB luôn hướng tới và thực hiện tốt với lòng nhiệt thành, sự sẻ chia và thấu hiểu cộng đồng sâu sắc. Với vai trò, vị thế Top 5 Ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam, SHB đã - đang và sẽ tiếp tục nỗ lực mang lại những giá trị tốt đẹp nhất cho cộng đồng – xã hội, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, an sinh xã hội đất nước.

Năm 2016 đánh dấu bước phát triển vượt bậc của SHB trong hoạt động kinh doanh cũng như những đóng góp thiết thực cho cộng đồng, xã hội với tổng số tiền đã tham gia ủng hộ cho công tác an sinh xã hội trong giai đoạn 5 năm qua lên tới hàng trăm tỷ đồng.

Xóa đói giảm nghèo

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng khu điều trị cho bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Nhơn - Bình Định nhằm thể hiện sự quan tâm của SHB đối với công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân tỉnh Bình Định, đặc biệt là các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh.
- Tài trợ chương trình Chia sẻ yêu thương do Truyền hình Công an nhân dân (ANTV) thực hiện nhằm chia sẻ và chung tay giúp đỡ các em nhỏ và đồng bào khó khăn tại tỉnh Lạng Sơn.
- Phát huy tinh thần nhân văn vốn đã trở thành nét văn hóa truyền thống của SHB, CBNV Ngân hàng đã quyên góp và trích ngân sách mua chăn, áo ấm tặng bà con nghèo, mua cặp sách, sách vở cho trẻ em nghèo xã Hưng Thịnh, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng trong chương trình "Áo ấm mùa đông" do công đoàn SHB phát động.
- Chia sẻ với những khó khăn trong cuộc sống với bà con nghèo, mong muốn mang lại một cái Tết đủ đầy, tươi vui, ấm áp và tràn đầy tình yêu thương, SHB hỗ trợ hàng trăm triệu đồng cho Quỹ vì người nghèo và trao tặng hàng trăm phần quà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng chính sách và trẻ em.
- Với chương trình ủng hộ biển đảo tổ quốc, SHB đã thăm và tài trợ kinh phí mua tàu chi viện Trường Sa; Ủng hộ vận động chương trình "Vì Trường Sa thân yêu"; Ủng hộ ngư dân Quảng Ngãi chương trình "Tiếp sức ngư dân vươn khơi bám biển".
- Đồng hành cùng người nghèo, hỗ trợ phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, SHB đã cùng một số ngân hàng thực hiện các dự án trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên với số tiền khoảng 15.000 tỷ đồng để hỗ trợ đầu tư thủy điện, giao thông, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, giúp Tây Nguyên phát triển từng ngày.

Tri ân gia đình có công với cách mạng

- Nhằm thể hiện lòng tri ân của tập thể cán bộ nhân viên SHB đối với các thế hệ người có công với cách mạng, SHB đã ủng hộ để xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng tại Hội nghị biểu dương Doanh nghiệp doanh nhân tiêu biểu, triển khai chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng và Phát động tháng cao điểm "Vì người nghèo" năm 2016.

Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ

- Nhằm góp phần phát triển nền thể thao đỉnh cao của nước nhà, SHB đầu tư xây dựng Trung tâm thể dục thể thao SHB Đà Nẵng và kỳ vọng đây sẽ là nơi để các tài năng bóng đá trẻ trong cả nước đến học tập với sự hợp tác của các chuyên gia nước ngoài, theo mô hình học viện thể thao tiên tiến trên thế giới.

- Với mong muốn nhân rộng những giá trị nhân văn sâu sắc tới cộng đồng và góp phần duy trì và phát triển một loại hình văn hóa nghệ thuật lâu đời của Việt Nam, SHB đã tài trợ dự án "Chắp cánh niềm tin" với Nhà hát Tuổi trẻ, tổ chức 100 đêm diễn kịch miễn phí dành tặng cho khán giả cả nước.
- Hưởng ứng Lễ phát động "Thanh niên khởi nghiệp, xây dựng Tp. Hồ Chí Minh – Thành phố khởi nghiệp cho giới trẻ" do Hội LHTN Việt Nam – Hội Sinh viên Việt Nam – Hội Doanh nhân trẻ Tp. HCM phối hợp tổ chức, SHB đã tài trợ và là đơn vị đồng sáng lập Quỹ đầu tư khởi nghiệp và sáng tạo Tp. HCM (HSIF)

- Hiện thực hóa ước mơ được gặp gỡ, giao lưu với các ngôi sao hàng đầu thế giới của người yêu bóng đá Việt Nam, cũng như quảng bá hình ảnh đất nước con người Việt Nam ra thế giới, SHB đã mời CLB Bóng đá hàng đầu thế giới Manchester City đến Việt Nam du đấu và tổ chức nhiều hoạt động giao lưu với cộng đồng (thăm làng trẻ em SOS, giao lưu với sinh viên trường ĐHQGHN, giao lưu fan hâm mộ…). Nhân sự kiện đặc biệt này, SHB đã trích từ nguồn thu bán vé trao tặng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội.

- Tài trợ toàn bộ ngân sách để xây dựng trường mầm non Mỹ Thuận (xã Mỹ Khánh, Phong Điền, Cần Thơ), SHB khẳng định sự quan tâm đối với thế hệ con cháu của những người có công với cách mạng và sự nghiệp giải phóng đất nước.

Khắc phục hậu quả thiên tai

- Chia sẻ với hậu quả do thiên tai gây ra trong đợt mưa lớn kỷ lục trong vòng 40 năm qua tại Quảng Ninh, SHB đã ủng hộ "Quỹ hỗ trợ thiên tai" của Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam.

Các hoạt động khác

Không chỉ chung tay xây dựng tổ quốc, SHB còn tích cực đóng góp cho sự phát triển cộng đồng quốc tế, góp phần thắt chặt tình hữu nghị láng giềng 3 nước Đông Dương Việt Nam – Lào - Campuchia.

- Nhân sự kiện khai trương Ngân hàng 100% vốn tại Lào, Campuchia SHB đã chia sẻ, ủng hộ để góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động bản xứ, góp phần ổn định an sinh xã hội nước bạn.
- Chương trình Những tấm lòng vàng SHB Campuchia được tổ chức thường xuyên dành cho các trẻ em nghèo trên địa bàn: Tặng quà cho Trại trẻ mồ côi Lasalle Pothum, làng Pothum, xã Areyksat, huyện Lavea Em, tỉnh Kandal; Trẻ em nghèo đang được chùa Phước Thiên, ấp Neak Loeung, huyện Peam Ror, tỉnh Prey Veng dạy học; Trẻ em nghèo Trường tiểu học Prey Thom, làng Prey Thom, xã Reaksmey Samaki, huyện Aoral, tỉnh Kampong Speu.
- Ủng hộ Quỹ Phụ nữ vì Hòa bình và Phát triển Campuchia, Quỹ Mặt trận Giải phóng dân tộc, Tài trợ đội bóng đá Preah Khan Reach, Ủng hộ xây đền Pi Tho Nu tỉnh Svay Rieng, Ủng hộ xây trường học tỉnh Kampong Thom, Công đức xây chùa Phước Thiên, ấp Neak Loeung, huyện Peam Ror, tỉnh Prey Veng.

  Và nhiều hoạt động khác…

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng và các Công ty con của SHB đến 31/12/2016 là 6.351 người, tăng 4,4% so với năm 2015, với trên 92% có trình độ Đại học và trên đại học.

Mức thu nhập trung bình của người lao động ngày càng cải thiện, đạt 16,4 triệu đồng/người năm 2016.

Cơ cấu nhân sự theo giới tính

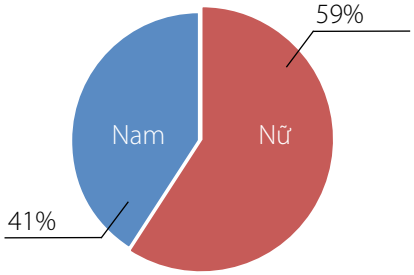

Cơ cấu nhân sự theo trình độ

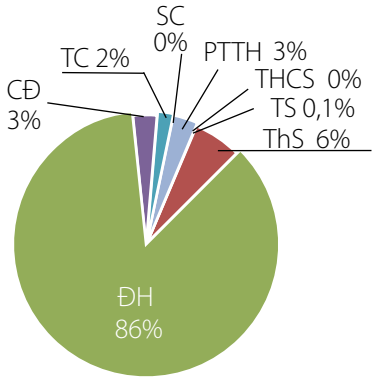

Cơ cấu nhân sự theo cấp cán bộ

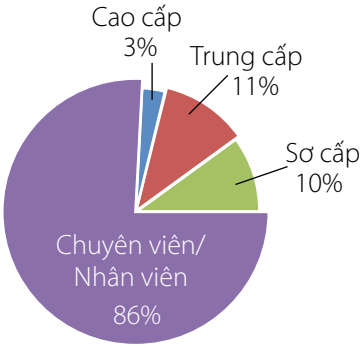

Cơ cấu nhân sự theo thâm niên công tác

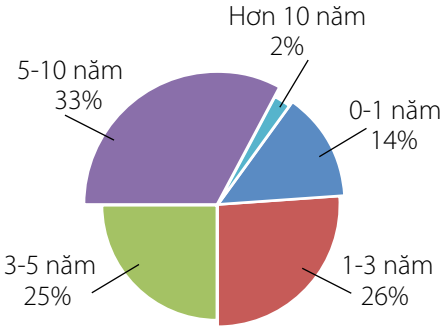

Với mục tiêu xây dựng lực lượng lao động có kinh nghiệm, tâm huyết và trình độ đáp ứng được những yêu cầu của một ngân hàng hiện đại, SHB tiếp tục nhiều chính sách nhằm thu hút và giữ chân nhân tài.

Chính sách tuyển dụng

Công khai, minh bạch cùng với các tiêu chí đánh giá trình độ, kỹ năng của ứng viên dựa trên các chuẩn mực về nghề nghiệp là căn cứ để tuyển dụng

Công tác tuyển dụng bổ nhiệm nội bộ được ban lãnh đạo chú trọng, ưu tiên nguồn nhân sự trong nội bộ dự tuyển nhằm tạo sự gắn bó, khuyến khích động viên nhân viên phát triển. Đối với ứng viên từ nguồn bên ngoài, SHB ưu tiên các ứng viên có kinh nghiệm, các ứng viên tốt nghiệp học lực khá, giỏi các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước và được thỏa thuận mức lương mong muốn theo kinh nghiệm, năng lực, trình độ.

Các ứng viên là sinh viên năm cuối luôn được chào đón tham gia chương trình "Thực tập sinh tài năng" để có cơ hội tự khẳng định bản thân và trở thành nhân viên chính thức của SHB.

Tại các tỉnh/thành trong nước và nước ngoài có sự hiện diện của SHB, lao động địa phương được ưu tiên tuyển dụng bởi nền tảng am hiểu thị trường địa phương một cách cặn kẽ và sự gắn bó, tâm huyết của người lao động.

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Luôn coi nhân lực là tài sản quý giá nhất của Ngân hàng, phát huy tối đa nguồn lực con người, lấy con người là trung tâm cho động lực phát triển của SHB

SHB tạo mọi điều kiện để mỗi cá nhân người lao động phát triển nghề nghiệp, chú trọng việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao với kế hoạch đào tạo được xây dựng trên cơ sở chiến lược phát triển kinh doanh của Ngân hàng, theo phân tích xu thế phát triển của thị trường tài chính, dựa trên khảo sát nhu cầu hàng năm của cán bộ nhân viên.

Với chủ trương mọi người lao động đều có cơ hội được đào tạo và phát triển nên mọi chi phí các khóa đào tạo do SHB tổ chức cũng như các khóa đào tạo do SHB cử tham dự đều được Ngân hàng tài trợ.

Trong năm 2016, SHB đã tổ chức trên 100 chuyên đề/nội dung đào tạo cho các cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống với tổng số trên 20.000 lượt cán bộ tham gia. Tổng số giờ học bình quân mỗi cán bộ một kỳ là gần 20 giờ với điểm đánh giá chất lượng đào tạo bình quân 4,03/5.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo từng nhóm đối tượng

SHB thực hiện đào tạo trên cơ sở khung tiêu chuẩn năng lực của từng chức danh và theo cấp độ năng lực yêu cầu của từng vị trí. Các chương trình đào tạo tại SHB đa dạng, liên tục cải tiến, cập nhật về nội dung, hình thức, phù hợp với nhiều đối tượng.

Với cán bộ nhân viên tân tuyển, SHB xây dựng các chương trình đào tạo hội nhập cùng với bố trí cán bộ có kinh nghiệm lâu năm kèm cặp nhằm cung cấp cho người lao động các kiến thức tổng quan về SHB, các kiến thức nền tảng trong công việc, nhanh chóng hội nhập và làm quen với văn hóa của SHB.

Với cán bộ nhân viên có kinh nghiệm, năng lực, SHB chú trọng đào tạo nghiệp vụ nâng cao, chuyên sâu nhằm mục đích quy hoạch cán bộ nguồn, tạo cơ hội thăng tiến nghề nghiệp.

Với các cấp quản lý, SHB triển khai các chương trình đào tạo nâng cao khả năng quản lý, điều hành, kỹ năng xây dựng, hoạch định chiến lược, quản lý sự thay đổi,... Hàng năm SHB tạo điều kiện để cán bộ quản lý có điều kiện tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nước ngoài

Công tác đánh giá hiệu quả cuối khoá học được định kỳ tổ chức bằng các đợt kiểm tra, đánh giá nghiệp vụ trên toàn hệ thống để khuyến khích cán bộ nhân viên tự đào tạo, bổ sung các nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng còn yếu và thiếu.

Các ứng dụng công nghệ trong đào tạo luôn được chú trọng phát triển thông qua việc triển khai hệ

thống học tập và kiểm tra trực tuyến như thư viện điện tử (bao gồm tài liệu học tập, slide trình chiếu, video hướng dẫn giải đáp thắc mắc,...), các phần mềm quản lý học tập và đào tạo của mỗi cá nhân, diễn đàn trao đổi thảo luận, khảo sát trực tuyến... Hệ thống đào tạo hiện đại đã giúp việc học tập của các cán bộ nhân viên trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn.

Chế độ lương và khen thưởng

"Sống nhờ lương, giàu nhờ thưởng" là phương châm SHB luôn nỗ lực thực hiện để người lao động yên tâm gắn bó với Ngân hàng.

Quyền lợi của người lao động luôn được đảm bảo với mức lương theo đúng quy định tại Quy chế Tiền lương SHB, trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Ngân hàng, của người lao động và theo quy định của pháp luật hiện hành. Chính sách tiền lương được gắn với kết quả đánh giá thực hiện công việc định kỳ, tạo động lực làm việc, thúc đẩy CBNV hoàn thành mục tiêu kế hoạch đặt ra. Việc nâng bậc lương định kỳ hàng năm được đảm bảo công khai, công bằng, minh bạch, thể hiện được chính sách phát triển của SHB.

Chế độ thưởng được thực hiện đầy đủ với tất cả cán bộ, nhân viên vào các dịp lễ, tết của quốc gia và kỷ niệm ngày thành lập Ngân hàng. Đặc biệt, chính sách khen thưởng được SHB ghi nhận kịp thời với Bằng khen/Giấy khen hàng quý/năm do Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trao tặng và các chuyến du lịch nước ngoài (Châu Âu, Châu Á,…) nhằm động viên, khuyến khích dành cho tập thể/cá nhân người lao động có sáng kiến mới, vượt chỉ tiêu kế hoạch, đạt thành tích xuất sắc...

Chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, phụ cấp

Sự khác biệt giữa SHB và các ngân hàng khác là hiện SHB đang chi trả thay người lao động các khoản trích nộp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và công đoàn phí. Đây là một trong những chính sách nổi bật, không chỉ giúp đảm bảo và cải thiện thu nhập cho người lao động mà còn là một trong những chính sách để thu hút nhân sự về làm việc tại Ngân hàng.

SHB đã liên kết với các bệnh viện hàng đầu tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên định kỳ 1 năm/lần, với chi phí trung bình 1 triệu đồng/người.

Bên cạnh các chế độ phụ cấp độc hại, phụ cấp trang điểm, phụ cấp kiêm nhiệm, thu hút… thì tất cả cán bộ, nhân viên của SHB đều được nhận phụ cấp tiền xăng và gửi xe hàng tháng. Ban lãnh đạo tại trụ sở chính cũng như tại các chi nhánh được bố trí xe ô tô riêng đưa đón đi làm việc và công tác bên ngoài, đảm bảo chi phí hợp lý.

Các chính sách khác và sinh hoạt công đoàn

Ngoài việc thực hiện chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, SHB còn áp dụng nhiều chương trình phúc lợi hữu ích cho nhân viên hàng năm như: cấp phát đồng phục làm việc, trang bị đầy đủ các công cụ làm việc hiện đại phù hợp với nghiệp vụ công tác, tổ chức nghỉ mát hàng năm cho toàn thể cán bộ nhân viên, chính sách cho vay ưu đãi mua nhà, ô tô, cho nhân viên vay vốn với lãi suất thấp, mua cổ phiếu với giá bằng mệnh giá phát hành với tỷ lệ theo chức danh công việc,…

Các hoạt động sinh hoạt đoàn thể, tổ chức hội thao bóng đá và hội diễn văn nghệ quần chúng thường xuyên được tổ chức trên toàn hệ thống nhằm tạo sự đoàn kết, gắn kết người lao động với Ngân hàng, tạo không khí vui vẻ đầm ấm để tạo động lực cho cán bộ nhân viên.

Các chương trình hoạt động xã hội, ủng hộ từ thiện, bảo vệ môi trường,... luôn được SHB chú trọng, qua đó nhằm xây dựng tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng của cán bộ nhân viên.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Là một trong những ngân hàng có quy mô lớn nhất thị trường Việt Nam, tiên phong thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước, SHB xác định chiến lược phát triển bền vững không chỉ có tăng trưởng tài chính hiệu quả, an toàn của chính Ngân hàng mà còn thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

SHB là đơn vị cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, vì vậy, nguyên vật liệu chính cho quá trình kinh doanh chủ yếu là giấy in, mực in, văn phòng phẩm. Nhiều biện pháp được SHB sử dụng nhằm tiết kiệm nguyên vật liệu, công cụ lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường như:

- Tăng cường phát triển các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ hiện đại, đồng thời giảm thiểu quy trình sử dụng giấy tờ rườm rà nhằm đem đến những tiện ích cho khách hàng, tiết kiệm thời gian xử lý giao dịch, chi phí văn phòng phẩm. Các sản phẩm huy động, cho vay, thanh toán, thẻ... đã, đang và sẽ hướng đến giao dịch, phê duyệt online, vì vậy, số lượng giấy tờ, bút mực,.. các công cụ lao động khác giảm đáng kể qua từng năm.

- Hệ thống trao đổi thông tin điện tử được nâng cấp, mở rộng từ trụ sở chính tới các chi nhánh như họp, phỏng vấn tuyển dụng qua cầu truyền hình, thi tuyển trực tuyến, phát hành bản tin và tạp chí điện tử,…góp phần quan trọng giảm thiểu lượng giấy tờ in ấn và nâng cao hiệu suất lao động.

- Tái sử dụng giấy đã in 1 mặt; Đăng ký định mức sử dụng cho từng phòng/ban hàng năm; Phân loại văn phòng phẩm theo các dạng cấp 1 lần, cấp theo đề nghị hàng tháng, theo yêu cầu sử dụng bất thường; Theo dõi và so sánh việc sử dụng định kỳ.

- Bên cạnh đó, Ngân hàng luôn truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in thừa và tăng cường trao đổi thông tin, công văn, báo cáo thông qua email nội bộ, tái sử dụng các văn phòng phẩm cũ.

Nhờ các biện pháp quản lý hiệu quả, năm 2016, chi phí giấy in, mực in, văn phòng phẩm các loại của SHB giảm hơn 1 tỷ đồng so với 2015.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng sử dụng cho quá trình hoạt động kinh doanh tại SHB chủ yếu là điện năng cho việc thắp sáng, duy trì hoạt động của máy tính, điều hòa nhiệt độ, xăng dầu phục phục cho xe đưa đón cán bộ nhân viên,..

SHB đã thực hiện tiết kiệm tối đa năng lượng điện tiêu thụ cũng chính là biện pháp giảm thiểu chi phí kinh doanh thông qua việc trang bị các bóng đèn tiết kiệm năng lượng, điều hòa nhiệt độ đáp ứng các tiêu chuẩn về phát thải khí nhà kính và được bảo dưỡng liên tục. Bên cạnh đó, việc tiết kiệm năng lượng được lãnh đạo và các cán bộ nhân viện nghiêm túc thực hiện như tắt cầu dao điện khi ra về, chú ý đóng cửa ra vào để điều hòa hoạt động hiệu quả, bố trí chỗ ngồi hợp lý để tiết kiệm điện cho thiết bị chiếu sáng…; Nỗ lực giảm chi phí điện năng giúp SHB tiết kiệm khoảng 2 tỷ đồng/năm.

Chi phí xăng dầu được giao định mức và kiểm tra lịch trình cụ thể đối với các lãnh đạo đơn vị thường xuyên có hoạt động đi lại bằng xe cơ quan. Các hoạt động khác sẽ phải đăng ký trước lộ trình và thời gian nhằm đảm bảo phục vụ được tối đa công việc của cán bộ nhân viên mà vẫn tiết kiệm được chi phí xăng dầu và hao mòn xe.

Tiêu thụ nước

SHB sử dụng nước chủ yếu dùng cho hoạt động sinh hoạt của toàn thể cán bộ nhân viên và toà nhà như nước uống, vệ sinh, lau rửa sàn nhà, công cụ lao động,..và nằm trong chi phí thuê toà nhà. Nước thải sinh hoạt được đưa về một nơi tập trung để xử lý theo quy định của Tòa nhà.

Chi phí nước uống cho cán bộ, nhân viên và tiếp khách do SHB chi trả với tinh thần tiết kiệm cao nhất như nước rót vừa đủ uống, sử dụng bình nước nhỏ trong các cuộc họp nội bộ. Với các cuộc hội họp, tiếp khách bên ngoài, Ngân hàng trang bị các chai nước có dung tích nhỏ để tránh lãng phí.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Nguồn chất thải có khả năng gây hại cho môi trường tại SHB chủ yếu là các chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động văn phòng như giấy in hỏng, bìa carton, dụng cụ văn phòng phẩm không còn sử dụng được,....và nguồn chất thải khí chủ yếu đến từ các phương tiện giao thông ra vào, lưu thông qua tòa nhà. Vì vậy, SHB đã bố trí nhân sự phụ trách về môi trường và thực hiện các phương án bảo vệ môi trường.

- *Công tác vệ sinh môi trường bên ngoài* khu làm việc do công ty môi trường thuê ngoài đảm nhiệm (tính trong chi phí thuê toà nhà) với hoạt động chính:
    + Dọn dẹp, lau chùi nền nhà vệ sinh, bồn cầu, sảnh, cầu thang, hành lang, tường nhà, tầng hầm….với tần suất khoảng 1 tiếng một lần để đảm bảo những khu vực này luôn luôn sạch sẽ.
    + Trang bị nước rửa tay tại khu vệ sinh để đảm bảo việc khử trùng cho người lao động.
    + Đảm bảo việc cấp nước xả bồn cầu và nước rửa tay khu vệ sinh hoạt động tốt.
    + Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh của tòa nhà sẽ phân loại rác thu gom tất cả rác trong thùng ra điểm tập kết rác trước cửa tòa nhà.
- *Công tác vệ sinh, dọn dẹp bên trong* các phòng làm việc do bộ phận hành chính quản trị của Ngân hàng đảm nhiệm với các hoạt động chính:
    + Dọn dẹp các thùng rác đựng giấy in, tài liệu, bìa carton, bút mực hỏng, vỏ chai nước, vỏ hoa quả….trong các phòng làm việc, phòng họp. Tần suất dọn dẹp khoảng 3 lần/ ngày hoặc hơn tùy theo lượng khối lượng rác thải.
    + Chăm sóc, cắt tỉa cây cảnh trong các khu, phòng làm việc của tòa nhà đảm bảo tươi xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
    + Tại các tầng hầm và trước cửa khu nhà làm việc, SHB bố trí nhân viên bảo vệ nhắc nhở, yêu cầu các phương tiện giao thông đi vào tòa nhà tắt máy trước khi vào cổng tòa nhà để giảm khí thải và tiếng ồn. Hệ thống quạt thông gió tại tầng hầm lắp đặt theo đúng tiêu chuẩn đảm bảo không khí thông thoáng.
- Các kỹ thuật thông tin hiện đại như cầu truyền hình, điện thoại, video được ứng dụng tối đa để tổ chức các cuộc họp nội bộ, phỏng vấn nhân sự trên toàn quốc nhằm giảm thiểu thời gian đi lại cũng như tần suất sử dụng các phương tiện máy bay, tàu xe, góp phần giảm lượng thải khí CO2 ra môi trường.
- Bên cạnh đó, mỗi cán bộ ngân hàng luôn nêu cao tinh thần tự giữ gìn, dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ bàn làm việc của chính mình và khu vực xung quanh; Tăng cường trao đổi tài liệu, công văn qua email nội bộ nhằm giảm thiểu lượng giấy in thừa; tái sử dụng các văn phòng phẩm cũ.

Với ý thực chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, trong suốt chặng đường hoạt động, SHB không bị xử phạt vi phạm lần nào liên quan đến vấn đề môi trường.

HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Nhận thức rõ hệ thống ngân hàng đóng vai trò như một mắt xích trung gian có tác động đến môi trường thông qua hoạt động của khách hàng, đóng vai trò quan trọng trong việc "xanh hóa" dòng vốn đầu tư, hướng các nguồn lực tài chính vào những lĩnh vực xanh, góp phần thúc đẩy khách hàng vay vốn chuyển đổi dự án và mục đích sử dụng vốn vay sang các dự án thân thiện với môi trường, SHB chủ động triển khai các giải pháp quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, lồng ghép các tiêu chí về môi trường trong quá trình thẩm định tín dụng. Thực hiện triển khai xây dựng chương trình, chính sách tín dụng giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong nhóm lĩnh vực ưu tiên, trong đó có các lĩnh vực/dự án hỗ trợ tăng trưởng xanh như: doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp nông thôn.

SHB luôn kiểm soát an toàn bền vững khi tài trợ cho các dự án với điều kiện được đặt ra trong quá trình thẩm định là các dự án đó phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên. Các dự án phát triển nguồn năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường thiên nhiên luôn được SHB ưu tiên tài trợ phát triển trên cơ sở bền vững thương mại, vẫn đảm bảo tính bền vững xã hội và môi trường như các dự án thủy điện nhỏ và vừa, sinh khối, xử lý nước thải, rác thải... nhằm tăng dần tỷ trọng tín dụng xanh trong cơ cấu danh mục đầu tư tín dụng.

Với định hướng ưu tiên phát triển " tín dụng xanh" và những chính sách tín dụng phù hợp để đưa nguồn vốn ưu đãi tới gần các doanh nghiệp nhất và góp phần cùng cơ quan chủ quản hiện thực hóa các mục tiêu: đảm bảo an ninh năng lượng, giảm thiểu biến đổi khí hậu cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại Việt Nam, Trong năm 2016, SHB được lựa chọn tham phục vụ và cho vay lại nhiều dự án do các Tổ chức quốc tế tài trợ cho Việt Nam trong lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo, giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện, chương trình phát triển ngành nước Việt Nam, xử lý nước thải sinh hoạt, …

SHB
Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hãy thiết lập mục tiêu và đảm bảo mọi thứ đều tập trung vào mục tiêu đó

Warren Buffet
CEO Berkshire Hathaway

Với tôn chỉ hoạt động "Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp" và chiến lược kinh doanh luôn đổi mới, SHB cam kết sẽ mang lại giá trị lợi ích cho khách hàng và sự thịnh vượng cho các cổ đông - nhà đầu tư.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

Trang

Thông tin chung 70

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 73

Báo cáo kiểm toán độc lập 74

Bảng cân đối kế toán hợp nhất 76

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 77

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 80

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 82

THÔNG TIN CHUNG

Giấy phép Hoạt động số	0041/NH-GP	ngày 13 tháng11 năm 1993
	Giấy phép Hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	1800278630	ngày 17 tháng 6 năm 2013
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Ngân hàng đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 1 tháng 3 năm 2017.	
Hội đồng Quản trị	**Ông Đỗ Quang Hiển**	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Lê	Thành viên
	Ông Trần Ngọc Linh	Thành viên
	Ông Phạm Ngọc Tuân	Thành viên
	Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên
	Ông Lê Quang Thung	Thành viên *(miễn nhiệm ngày 21/4/2016)*
	Ông Võ Đức Tiến	Thành viên *(bổ nhiệm ngày 21/4/2016)*
Ban Kiểm soát	Ông Phạm Hòa Bình	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Hữu Đức	Phó ban
	Ông Bùi Thanh Tâm	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hoạt	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	**Ông Nguyễn Văn Lê**	Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc *(miễn nhiệm ngày 1/9/2016)*
	Ông Lê Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Ngô Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Ninh Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Đặng Tố Loan	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Huy Tài	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Ngô Thị Vân	Kế toán Trưởng
Người đại diện theo pháp luật	**Ông Nguyễn Văn Lê**	Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Số 77 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là "SHB") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

(a) báo cáo tài chính hợp nhấtđược trình bày từ trang 83 đến trang 169 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của SHB tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SHB cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng SHB sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Lê

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhấtđính kèm củaNgân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội("Ngân hàng")và các công ty con (gọi chung là "SHB"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhấttại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấtvà báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc SHB phê duyệt phát hànhngày 31 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 83 đến trang 169.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhấtnày dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhấtcó còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của SHB. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhấtcủa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nộivà các công ty con (gọi chung là "SHB") tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhấtchonămkết thúc cùng ngày của SHB, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3(c)của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó mô tả chính sách kế toán về ghi nhận dự phòng và thoái lãi phảithu đã ghi nhận cho các khoản tồn đọng tài chính thực hiện theo Đề án "Sáp nhập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội 2016 - 2020". Đối với các khoản tồn đọng tài chính, chủ yếu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("HBB"), SHB đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép áp dụng các chính sách kế toán đặc thù trên cơ sở các giải pháp xử lý tài chính kiến nghị trong Đề án Sáp nhập HBB vào SHB chỉnh sửa, bổ sung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt ngày 8 tháng 11 năm 2016 ("Đề án"). Cho mỗi năm từ năm 2016 đến năm 2024, SHB ghi nhận một khoản phân bổ dự phòng rủi ro và thoái thu lãi phải thu đã ghi nhận với giá trị được xác định theo Đề án cho các khoản tồn đọng nói trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của SHB cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 14 tháng 4 năm 2016 và có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến các chính sách kế toán áp dụng riêng.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-138/4

Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:2594-2014-007-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

		Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt và vàng**	**4**	**1.291.694**	**1.917.860**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước**	**5**	**2.718.757**	**4.362.518**
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**	**6**	**30.136.422**	**29.793.709**
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		23.230.559	25.935.846
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		6.911.000	3.863.000
3	Dự phòng rủi ro		(5.137)	(5.137)
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	**7**	**40.899**	**54.378**
1	Chứng khoán kinh doanh		65.382	70.927
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(24.483)	(16.549)
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**8**	**44.578**	**-**
VI	**Cho vay khách hàng**		**160.578.800**	**130.005.807**
1	Cho vay khách hàng	9	162.376.185	131.427.193
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(1.797.385)	(1.421.386)
VIII	**Chứng khoán đầu tư**	**11**	**18.846.623**	**17.316.651**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		10.788.497	7.479.883
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		9.439.853	10.399.493
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(1.381.727)	(562.725)
IX	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**12**	**222.949**	**303.409**
4	Đầu tư dài hạn khác		229.393	313.397
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(6.444)	(9.988)
X	**Tài sản cố định**		**3.962.052**	**4.056.266**
1	Tài sản cố định hữu hình	13	424.046	361.018
a	*Nguyên giá*		*962.704*	*813.363*
b	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(538.658)*	*(452.345)*
2	Tài sản cố định vô hình	14	3.538.006	3.695.248
a	*Nguyên giá*		*3.726.916*	*3.848.511*
b	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(188.910)*	*(153.263)*
XI	**Bất động sản đầu tư**	**15**	**16.815**	**16.955**
a	Nguyên giá bất động sản đầu tư		17.401	17.401
b	Hao mòn bất động sản đầu tư		(586)	(446)
XII	**Tài sản Có khác**	**16**	**16.088.151**	**16.876.587**
1	Các khoản phải thu		1.705.468	1.950.668
2	Các khoản lãi, phí phải thu		7.875.554	8.872.126
4	Tài sản Có khác		6.719.575	6.124.385
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(212.446)	(70.592)
	TỔNG TÀI SẢN		**233.947.740**	**204.704.140**

		Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
	NỢ PHẢI TRẢ			
I	**Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước**	**17**	**2.572.420**	**4.224.915**
II	**Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**	**18**	**33.309.432**	**28.145.783**
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		23.299.257	24.319.748
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		10.010.175	3.826.035
III	**Tiền gửi của khách hàng**	**19**	**166.576.217**	**148.828.876**
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**	**8**	**-**	**100.011**
V	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro**	**20**	**808.887**	**414.632**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	**21**	**13.767.675**	**8.259.448**
VII	**Các khoản nợ khác**	**22**	**3.681.536**	**3.472.713**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		3.204.877	3.053.554
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		476.659	419.159
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**220.716.167**	**193.446.378**
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	**Vốn và các quỹ**	**23**	**13.231.573**	**11.257.762**
1	Vốn		11.293.347	9.582.401
a	*Vốn điều lệ*		*11.196.891*	*9.485.945*
c	*Thặng dư vốn cổ phần*		*101.716*	*101.716*
d	*Cổ phiếu quỹ*		*(5.260)*	*(5.260)*
2	Các quỹ của tổ chức tín dụng		1.038.259	863.808
3	Lợi nhuận chưa phân phối		897.661	808.832
4	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		2.306	2.721
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**13.231.573**	**11.257.762**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**233.947.740**	**204.704.140**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất *(tiếp theo)*
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

		Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I	**NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN**			
1	Bảo lãnh vay vốn		176.415	193.394
2	Cam kết giao dịch hối đoái		20.258.207	10.735.194
	Cam kết mua ngoại tệ		-	*560.318*
	Cam kết bán ngoại tệ		-	*1.238.878*
	Cam kết giao dịch hoán đổi		*20.258.207*	*8.935.998*
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		10.670.815	7.841.919
5	Bảo lãnh khác		12.157.598	9.336.269
6	Các cam kết khác		250.000	1.000.000

Người lập	Người soát xét	Người phê duyệt
Nguyễn Thị Hạnh Hoa	Ngô Thị Vân	Nguyễn Văn Lê
Kế toán	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

		Thuyết minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		14.568.653	11.991.798
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(10.393.205)	(8.295.644)
I	**Thu nhập lãi thuần**	**25**	**4.175.448**	**3.696.154**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		409.808	189.988
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(71.743)	(92.550)
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**	**26**	**338.065**	**97.438**
III	**Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**27**	**102.040**	**26.565**
IV	**(Lỗ)/lãithuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**28**	**(10.104)**	**4.160**
V	**Lãi/(lỗ)thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**29**	**10.539**	**(69.645)**
5	Thu nhập từ hoạt động khác	30	736.223	304.992
6	Chi phí hoạt động khác	30	(371.907)	(130.408)
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**		**364.316**	**174.584**
VII	**(Lỗ)/thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**		**(14.193)**	**8.564**
VIII	**Chi phí hoạt động**	**31**	**(2.507.759)**	**(2.078.640)**
IX	**Lợi nhuậnthuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**2.458.352**	**1.859.180**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**32**	**(1.301.913)**	**(842.126)**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế** *(mang sang trang sau)*		**1.156.439**	**1.017.054**

		Thuyết minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
XI	**Tổng lợi nhuậntrước thuế** *(mang sang từ trang trước)*		**1.156.439**	**1.017.054**
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	(243.378)	(221.437)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	-	(461)
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	**33**	**(243.378)**	**(221.898)**
XIII	**Lợi nhuậnsau thuế**		**913.061**	**795.156**
	Phân bổ:			
	Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng		913.248	795.130
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(187)	(26)
XV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu** *(VND/cổ phiếu) (điều chỉnh lại)*	**34**	**896**	**780**

Người lập	Người soát xét	Người phê duyệt
Nguyễn Thị Hạnh Hoa	Ngô Thị Vân	Nguyễn Văn Lê
Kế toán	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

		2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	15.541.712	10.044.545
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(10.241.882)	(6.972.978)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	361.578	97.438
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và chứng khoán	100.724	2.832
05	Thu nhập/(chi phí) khác	311.318	(33.707)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	52.998	198.121
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(2.385.383)	(1.937.547)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(246.439)	(224.991)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	**3.494.626**	**1.173.713**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(5.491.877)	2.700.849
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(2.259.425)	(1.451.426)
11	(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(44.578)	18.611
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(30.948.992)	(29.957.833)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất	(167.263)	(317.712)
14	Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	479.771	(512.566)
	Những thay đổi về nợ hoạt động		
15	(Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	(1.652.495)	3.463.757
16	Tăng tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	5.163.649	2.892
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	17.747.341	25.601.257
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	5.508.227	4.348.448
19	Tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	394.255	200.145
20	(Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(100.011)	100.011
21	Tăng/(giảm) khác về nợ hoạt động	46.377	(163.877)
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**	**(7.830.395)**	**5.206.269**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc *(tiếp theo)* ngày 31 tháng 12 năm 2016

			2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định		(173.680)	(103.775)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		538.765	145
08	Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		44.380	27.649
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		2.127	8.565
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**411.592**	**(67.416)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(288)	(2.761)
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		**(288)**	**(2.761)**
IV	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**(7.419.091)**	**5.136.092**
V	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**		**33.761.238**	**28.625.146**
VII	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM**	**(i)**	**26.342.147**	**33.761.238**

Các giao dịch phi tiền tệ trọng yếu từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Tăng vốn từ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	710.946	620.150
Tăng vốn do sáp nhập VVF	1.039.713	-

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập	Người soát xét	Người phê duyệt
Nguyễn Thị Hạnh Hoa	Ngô Thị Vân	Nguyễn Văn Lê
Kế toán	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động ngân hàng s0041/NH-GPố 0041/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cngày 13 tháng11 năm 1993ấp ngày 13 tháng 11 năm 1993 với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Nhơn Ái. Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội theo Quyết định số 1764/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNNVN ngày 11 tháng 9 năm 2009. Năm 2012, Ngân hàng nhận sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội ("HBB") theo Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015.

Hiện nay, Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800278630 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, được điều chỉnh lần thứ 25 vào ngày 1 tháng 3 năm 2017.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

(b) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số vốn cổ phần của Ngân hàng là 11.197 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 9.486 tỷ VND). Ngân hàng đã phát hành 1.119.689.100 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 10.000 Việt Nam Đồng.

(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 77 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, năm mươi ba (53) chi nhánh tại Việt Nam, bốn (4) chi nhánh tại Campuchia vàmột (1) chi nhánh tại Lào, và hai trăm ba mươi hai (232)phòng giao dịch (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1 Hội sở chính, 53 chi nhánh bao gồm 4 chi nhánh tại Campuchia và 1 chi nhánh tại Lào, và 174 phòng giao dịch).

(d) Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016và cho năm kết thúc cùng ngày bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là "SHB").

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có bốn (4) công ty con như sau (31 tháng 12 năm 2015: 2 công ty con):

Tên công ty	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu củaNgân hàng
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội ("SHB AMC")	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100,00%
Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB ("SHBS")	Đầu tư và kinh doanh chứng khoán	98,47%
Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào ("SHB Lào")	Tài chính/ Ngân hàng	100,00%
Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Campuchia ("SHB Campuchia")	Tài chính/ Ngân hàng	100,00%

(e) Tổng số nhân viênTại ngày 31 tháng 12 năm 2016, SHB có 6.351 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6.083 nhân viên).

(f) Thay đổi trong cơ cấu Ngân hàng

Ngày 15 tháng 1 năm 2016, Chi nhánh tại Lào đã được chuyển đổi mô hình hoạt động thành hình thức ngân hàng con 100% vốn của Ngân hàng với tên gọi chính thức là Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào. Ngân hàng có vốn điều lệ là 50 triệu USD và có trụ sở chính đặt tại thủ đô Vientiane, CHDCND Lào.

Ngày 12 tháng 9 năm 2016, Chi nhánh tại Campuchia đã được chuyển đổi mô hình hoạt động thành hình thức ngân hàng con 100% vốn của Ngân hàng với tên gọi chính thức là Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Campuchia. Ngân hàng có vốn điều lệ là 50 triệu USD và có trụ sở chính đặt tại thủ đô Phnompenh, Vương quốc Campuchia.

Ngày 12 tháng 9 năm 2016, NHNNVN đã có Công văn số 6812/NHNN-TTGSNH về việc chấp thuận nguyên tắc cho Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (VVF) sáp nhập vào SHB, thành lập Công ty con là Công ty Tài chính Tín dụng Tiêu dùng SHB theo Đề án sáp nhập đã được Đại hội đồng cổ đông SHB thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 10 năm 2015 và Đại hội đồng cổ đông VVF thông qua tại Nghị quyết số 01NQ/2015/VVF-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 11 năm 2015. Ngày 12 tháng 12 năm 2016, NHNNVN đã ra Quyết định số 2400/QĐ-NHNN chấp thuận việc sáp nhập VVF vào Ngân hàng, theo đó, Ngân hàng tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của VVF.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhấtđính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chínhhợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấtvà các luồng lưu chuyển tiền tệhợp nhất của SHBtheo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam.

Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chínhhợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhấtđược lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của SHB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của SHBlà Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính hợp nhấtnày được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), và được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất ("triệu VND").

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được SHBáp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cở sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của SHB. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ SHB và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của SHB tại đơn vị nhận đầu tư. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của SHB trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của SHB trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệđược quy đổi sang VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trảbằng ngoại tệ vào thời điểm cuối năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

(c) Chính sách kế toán về ghi nhận dự phòng và thoái thu lãi phải thu đã ghi nhận cho các khoản tồn đọng tài chính thực hiện theo Đề án Sáp nhập HBB vào SHB 2016 - 2020

- Đối với các khoản tồn đọng tài chính, chủ yếu từ HBB, Ngân hàng đã được NHNNVN cho phép áp dụng các chính sách kế toán đặc thù trên cơ sở các giải pháp xử lý tài chính kiến nghị trong Đề án Sáp nhập HBB vào SHB chỉnh sửa, bổ sung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt ngày 8 tháng 11 năm 2016 ("Đề án"). Các khoản tồn đọng này bao gồm:
- trái phiếu của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") (Thuyết minh 3(g)(iv) và11);
- các khoản cho vay Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("Vinashin"), (được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - "SBIC"), một số công ty thành viên thuộc SBIC và các đơn vị trước đây thuộc SBIC đã chuyển sang Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN"), và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ("Vinalines"), bao gồm cả dư nợ đã hoán đổi và chưa hoán đổi thành trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh 3(g), 3(k), 10, 11 và 16(iii));
- dự phòng các khoản nợ xấu của HBB (Thuyết minh 10); và
- các khoản phải thu khó đòi của HBB (Thuyết minh 16 (iii)).

Cho mỗi năm từ năm 2016 đến năm 2024, SHB ghi nhận một khoản phân bổ dự phòng rủi ro và thoái thu lãi phải thu đã ghi nhận với giá trị được xác định theo Đề án cho các khoản tồn đọng nói trên.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại NHNNVN,tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhấtvà chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhất.

(e) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác, được mua với mục đích bán lại để thu lợi nhuận trong ngắn hạn.

(ii) Ghi nhận

SHB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày SHB trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kế toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán giảm thấp hơn giá gốc.

Giá thị trường của chứng khoán kinh doanh niêm yết được xác định căn cứ trên giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chứng khoán kinh doanh chưa được niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UpCom tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ Đồng theo quy định tại Thông tư số 228/2009-TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89").

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết và không được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá chứng khoán khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư 228. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ được hạch toán theo giá gốc.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(iV) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc SHB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(f) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dưgốc trừđi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09") có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 2014. Theo đó, SHBtrích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại thuyết minh 3(k).

Theo Thông tư 02, SHBkhông phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(g) Chứng khoán đầu tư

(i) Phân loại

Tại thời điểm mua, chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán sẵn sàng để bán. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

(ii) Ghi nhận

SHB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày Ngân hàngnhận phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu chứng khoán này. Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

(iii) Đo lường

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; sau đó được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường với lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UpCom") được xác định là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung ("OTC") được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá từ ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này sẽ được hạch toán theo giá gốc.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng giảm giá/rủi ro. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng khoản chênh lệch giảm so với giá thị trường. Giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro của các trái phiếu này được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được đề cập trong Thuyết minh 3(k). Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung cho các khoản mua giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam phát hành.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi SHB mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

(i) Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc SHBđã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(ii) Trái phiếu đặc biệt do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng.

Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Ngân hàngnhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Ngân hàngghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Ngân hàngghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC ("Thông tư 19") và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19 ("Thông tư 14") quy định rằng dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo nguyên tắc phân bổ đều hàng năm sao cho đến khi trái phiếu đặc biệt đáo hạn, tổ chức tín dụng trích lập đủ 100% giá trị trái phiếu và không phải thực hiện trích lập dự phòng chung cho các trái phiếu đặc biệt này. Theo quy định của Thông tư 19, việc lập dự phòng được thực hiện mỗi năm trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày mỗi trái phiếu đặc biệt đến hạn. Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấttrên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng".

Áp dụng chính sách kế toán theo Đề án

Áp dụng chính sách kế toán theo Đề án nêu tại Thuyết minh 3(c), SHBthực hiện trích lập dự phòng đối với trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành trong vòng 8 năm.

(h) Góp vốn, đầu tư dài hạn

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và SHB không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế mà SHB đang đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của SHBtại đơn vị đó.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(i) Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán đãbán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toánhợp nhấtvà phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán đãmua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

(j) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừđi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo theo hợp đồng của SHB đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản vay này chấm dứt, hay khi SHBchuyển giao các khoản vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản vay được bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), SHBtiến hành xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày tại Thuyết minh 3(k).

(k) Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

(i) Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ"), các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiềnđược thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Ngoại trừ các khoản cho vay Vinashin, Vinalines và các khoản nợ xấu của HBB, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng tương ứng đối với khoản nợ vay gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được chiết khấu.

Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc Nợgia hạn nợ lần đầu; hoặc Nợ được miễn, giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đầy chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc Khoảnnợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%

Nhóm		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
4	Nợ nghi ngờ	Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ batrở lên, kể cảchưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Từ ngày 20 tháng 3 năm 2014 đến trước ngày 1 tháng 4 năm 2015, theo Điều 10, khoản 3a của Thông tư 02, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Khoản nợ và việc cấp tín dụng không vi phạm các quy định của pháp luật;
- Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;
- Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;
- Khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Ngân hàng đáp ứng được các quy định của NHNNVN về các giới hạn tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, bao gồm cả tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn trong trường hợp cơ cấu lại khoản nợ ngắn hạn để thành khoản nợ trung, dài hạn.

Chỉ khi các điều kiện trên được đáp ứng, Ngân hàng có thể thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản cho vay dựa trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ và giữ nguyên nhóm nợ của các khoản cho vay như đã được phân loại hiện tại. Điều 10, Khoản 3a của Thông tư 02 có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2014 và hết hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 2015.

Giá trị khấu trừ của tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Thông tư 02, cụ thể như sau:

- Tài sản đảm bảo có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của Ngân hàng, các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng và tài sản đảm bảo có giá trị từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá.

- Đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Ngân hàng.

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định như sau:

Loại tài sản bảo đảm	Tỷ lệ khấu trừ tối đa
Tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam	100%
Vàng miếng, không bao gồm vàng miếng không có giá niêm yết, tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ	95%
Trái phiếu chính phủ, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành; thẻ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành:	
Có thời hạn còn lại dưới 1 năm	95%
Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm	85%
Có thời hạn còn lại trên 5 năm	80%
Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%
Chứng khoán do doanh nghiệp khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá (trừ các chứng khoán và giấy tờ có giá được quy định tại Điểm c, Khoản 6, Điều 12, Thông tư 02), do tổ chức tín dụng có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	50%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá (trừ các chứng khoán và giấy tờ có giá được quy định tại Điểm c, Khoản 6, Điều 12, Thông tư 02), do tổ chức tín dụng không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%

Loại tài sản bảo đảm	Tỷ lệ khấu trừ tối đa
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	10%
Bất động sản	50%
Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác và các loại tài sản bảo đảm khác	30%

Tài sản đảm bảo nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 12, Khoản 3 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải xem như bằng không.

Ngân hàng thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến 4 tại ngày 30 tháng 11.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấtvà được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như các khoản cho vay này được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Áp dụng chính sách kế toán theo Đề án

Áp dụng chính sách kế toán theo Đề án nêu tại Thuyết minh 3(c), đối với các khoản cho vay Vinashin và Vinalines và các khoản nợ xấu của HBB, Ngân hàng ghi nhận dự phòng với giá trị được xác định theo Đề án.

(i) Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng liên quan đến giao dịch chứng khoán, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng mua bán chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, công ty con của Ngân hàng

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được áp dụng tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản phải thu khác như được đề cập trong Thuyết minh 3(p).

(ii) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(iii) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không có dự phòng nào được lập cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi SHBđược yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(k).

(l) Các công cụ tài chính phái sinh

(i) Các hợp đồng ngoại hối

SHB ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của SHB.

Các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chínhhợp nhấttheo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toánhợp nhất. Lãi hoặc lỗ từ hợp đồng ngoại hối kỳ hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanhhợp nhấttrong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền không hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn ngoại tệ. Các hợp đồng này được hạch toán tương tự như đối với các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh từ các ảnh hưởng lãi suất được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

(m) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị haomòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và

vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
▪ Máy móc thiết bị	3 -5 năm
▪ Phương tiện vận tải	6- 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 7 năm

(n) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 8 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 30 - 46 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản vô hình khác được khấu hao trong vòng từ 4 đến 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

(o) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Không tính khấu hao cho quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng không xác định.

(p) Các tài sản có khác

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừđi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

SHB xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí dự phòng rủi ro" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được xác định theo hướng dẫn của Thông tư 228 vàThông tư 89 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
▪ Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
▪ Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
▪ Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
▪ Từ ba (03) năm trở lên	100%

Áp dụng chính sách kế toán theo Đề án

Áp dụng chính sách kế toán theo Đề án nêu tại Thuyết minh 3(c), đối với các khoản phải thu khó đòi của HBB, SHB ghi nhận dự phòng và thoái thu lãi phải thu đã ghi nhận với giá trị được xác định theo Đề án.

(q) Dự phòng khác

Một khoản dự phòng ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày ở Thuyết minh 3(e)(e), (f)3(f),(g) 3(g)(h), 3(h), 3(k)(p) và 3(p) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, SHBcó nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(r) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

(s) Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phân bổ phụ trội và chiết khấu. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(t) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(u) Sáp nhập VVF

Giao dịch sáp nhập với VVF được hạch toán tại ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Ngân hàng. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm đánh giá.

(v) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi cấn trừ các ảnh hưởng về thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu này được phân loại là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ tổng vốn chủ sở hữu.

(w) Các quỹ dự trữ

(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng ("Nghị định 57"), Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn cổ phần

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phầnkhông được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(ii) Các quỹ dự trữ của công ty con

Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ("SHAMC")

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc trích lập các quỹ trước khi phân phối lợi nhuận còn lại được SHB AMC thực hiện tương tự như Ngân hàng. Các quỹ dự trữ và các quỹ vốn chủ sở hữu sẽ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế vào cuối năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB ("SHBS")

SHBS trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được Công ty thực hiện việc trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào ("SHB Lào")

Theo Luật Ngân hàng Thương mại Lào ban hành ngày 16 tháng 1 năm 2007, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng một phần lợi nhuận thuần để trích lập các quỹ sau:

- Quỹ dự trữ theo luật định
- Quỹ phát triển kinh doanh và các quỹ khác

Theo Quy định số 508/BFIS ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2009 của NHNN Lào, tỷ lệ trích lập quỹ dự trữ theo luật định áp dụng cho các chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ được NHNN Lào gửi thông báo cụ thể đến từng chi nhánh. Theo hướng dẫn của Vụ Kế toán NHNN Lào quy định, tỷ lệ trích lập cho quỹ này áp dụng cho Chi nhánh là 10% lợi nhuận sau thuế.

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ theo luật định	10% lợi nhuận sau thuế	Không giới hạn
Quỹ phát triển kinh doanh và các quỹ khác	Theo quyết định của Ban Giám đốc	Không giới hạn

Các công ty con khác

Các công ty con khác trích lập các quỹ dự trữ theo hướng dẫn của Ngân hàng. Các tỷ lệ trích lập thông thường phù hợp với các tỷ lệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Nghị định 57.

(x) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của SHB.

(y) Doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhấttrên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(k) được ghi nhận khi SHBthực sự thu được. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(k) thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

Thu nhập lãi từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của SHBS được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhấtkhi dịch vụ đã được cung cấp.

(iii) Thu nhập từ đầu tư

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấtkhi quyền nhận cổ tức của SHBđược xác lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, SHBchỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tưđược ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(z) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấttrên cơ sở dồn tích.

(aa) Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(ab) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấttheo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấtnhư một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(ac) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(ad) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

SHB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(ae) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của SHB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của SHB là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(af) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của SHB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi SHB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

(ag) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào SHB cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. SHB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

4. Tiền mặt và vàng

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	765.199	1.588.869
Tiền mặt bằng ngoại tệ	525.163	308.074
Vàng tiền tệ	1.332	20.917
	1.291.694	1.917.860

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHNNVN (i)	1.880.377	2.368.278
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	185.140	637.167
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia (iii)	653.240	1.357.073
	2.718.757	4.362.518

(i) Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("DTBB"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2016	31/12/2015
Số dư bình quân tháng trước của:		
▪ Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn dưới12 tháng	8,00%	8,00%
▪ Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
▪ Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
▪ Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Dự trữ bắt buộc bằng VND	1,20%	1,20%
Dự trữ bắt buộc bằng USD	0,00%	0,00%
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,05%	0,05%
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng USD	0,00%	0,00%

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Kip Lào ("LAK") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập Công ty con của SHB tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2016	31/12/2015
▪ Tiền gửi bằng ngoại tệ khác LAK có thời hạn dưới12 tháng	10,00%	10,00%
▪ Tiền gửi bằng ngoại tệ khác LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên	0,00%	0,00%
▪ Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng	5,00%	5,00%
▪ Tiền gửi bằng LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên	0,00%	0,00%

Các khoản tiền gửi ký quỹ tại Ngân hàng Nhà nước Lào không được hưởng lãi suất.

(iii) Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Campuchia Riels ("KHR") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2016	31/12/2015
▪ Tiền gửi bằng ngoại tệ khác KHR	12,50%	12,50%
▪ Tiền gửi bằng KHR	8,00%	8,00%

Khoản dự trữ 8,00% bằng KHR không được hưởng lãi suất. Khoản dự trữ 12,50% bằng ngoại tệ, trong đó, khoản dự trữ 8,00% không được hưởng lãi suất và 4,50% còn lại được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Ngân hàng Quốc gia Campuchia quy định về xác định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn.

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Dự trữ bắt buộc bằng USD	0,23%	0,10%
Dự trữ bắt buộc bằng KHR	0,00%	0,00%
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng USD	0,00%	0,50%
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng KHR	0,00%	0,75%

6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	11.706.516	4.904.093
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	613.878	1.664.526
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	8.165.137	15.405.137
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.745.028	3.962.090
	23.230.559	25.935.846
Cho vay các TCTD khác		
Bằng VND	6.911.000	3.863.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác (i)	(5.137)	(5.137)
	30.136.422	29.793.709

Phân tích chất lượng dự nợ tiềngửi và cho vay các TCTD khác như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	17.816.028	23.225.090
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	5.137	5.137
	17.821.165	23.230.227

Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác bao gồm:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Dự phòng cụ thể	5.137	5.137

Biến động dự phòng cụ thể tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	5.137	5.137
Tăng do sáp nhập VVF	15.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm *(Thuyết minh 32)*	(15.000)	-
Số dư cuối năm	5.137	5.137

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4,50% -5,50%	3,90% - 5,40%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,10% - 1,11%	0,15% - 1,20%
Cho vay bằng VND	3,50% - 6,00%	3,80% - 6,50%

7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các các TCKT trong nướcphát hành	1.008	70.927
Chứng khoán vốn do các các TCTD trong nướcphát hành	64.374	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (i)	(24.483)	(16.549)
	40.899	54.378

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Chứng khoán vốn		
Đã niêm yết	25.427	26.570
Chưa niêm yết	39.955	44.357
	65.382	70.927

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	16.549	19.049
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)	7.934	(2.500)
Số dư cuối năm	24.483	16.549

8. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(nợ phải trả) tài chính khác

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày cuối năm như sau:

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		
	Triệu VND	Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Tại 31 tháng 12 năm 2016				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	7.407.386	13.424	-	13.424
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	1.675.003	31.154	-	31.154
	9.082.389	44.578	-	44.578
Tại 31 tháng 12 năm 2015				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	4.533.809	-	(8.028)	(8.028)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	799.679	-	(91.983)	(91.983)
	5.333.488	-	(100.011)	(100.011)

9. Cho vay khách hàng

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân	161.341.033	130.402.393
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	808.887	784.280
Các khoản trả thay khách hàng	47.338	35.933
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng vàcác giấy tờ có giá	6.299	6.823
	162.203.557	131.229.429
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	172.628	197.764
	162.376.185	131.427.193

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	156.920.432	127.042.671
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	2.239.145	1.924.083
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	263.785	181.863
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	993.341	798.176
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	1.786.854	1.282.636
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	172.628	197.764
	162.376.185	131.427.193

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	73.797.009	56.097.040
Nợ trung hạn	38.022.985	35.346.301
Nợ dài hạn	50.383.563	39.786.088
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	172.628	197.764
	162.376.185	131.427.193

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2016 Triệu VND	%	31/12/2015 Triệu VND	%
Cho vay các TCKT				
Công ty Nhà nước	*7.231.657*	*4,45*	*5.855.667*	*4,46*
Công ty TNHH MTV Vốn Nhà nước	*12.412.504*	*7,64*	*10.171.688*	*7,74*
Công ty TNHH khác	*24.494.250*	*15,08*	*26.459.450*	*20,13*
Công ty Cổ phần vốn Nhà nước lớn hơn 50% (Nhà nước chiếm cổ phần chi phối)	*15.114.294*	*9,31*	*10.991.218*	*8,36*
Công ty cổ phần khác	*69.049.630*	*42,52*	*51.319.976*	*39,05*
Công ty hợp danh	*96.250*	*0,06*	*3.122*	*0,00*
Doanh nghiệp tư nhân	*1.565.104*	*0,96*	*1.263.687*	*0,96*
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	*59.215*	*0,04*	*78.411*	*0,06*
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	*64.345*	*0,05*	*42.875*	*0,03*
Cho vay cá nhân				
Hộ kinh doanh, cá nhân	*30.331.453*	*18,68*	*23.230.822*	*17,68*
Cho vay khác				
Thành phần kinh tế khác	*1.784.855*	*1,11*	*1.812.513*	*1,39*
	162.203.557	*99,89*	*131.229.429*	*99,85*
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	*172.628*	*0,10*	*197.764*	*0,15*
	162.376.185	*100,00*	*131.427.193*	*100,00*

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2016 Triệu VND	%	31/12/2015 Triệu VND	%
Nông lâm nghiệp, thủy sản	34.501.644	21,25	26.984.705	20,53
Khai khoáng	8.483.683	5,22	6.534.738	4,97
Công nghiệp chế biến, chế tạo	25.232.054	15,54	20.032.465	15,24
SX&PP điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	8.427.214	5,19	6.233.780	4,74
Cung cấp nước, QL&XL rác thải, nước thải	154.238	0,09	109.289	0,08
Xây dựng	22.636.557	13,94	19.309.760	14,69
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	25.922.633	15,96	20.587.147	15,66
Vận tải, kho bãi	3.326.876	2,05	3.406.075	2,59
Dịch vụ lưu trú & ăn uống	1.213.657	0,75	931.310	0,71
Thông tin & truyền thông	143.909	0,09	112.641	0,09
Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	983.861	0,61	641.715	0,49
Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.597.684	6,53	9.315.326	7,09
Hoạt động chuyên môn, khoa học & công nghệ	591.889	0,36	351.226	0,27
Hoạt động hành chính & dịch vụ hỗ trợ	1.237.078	0,76	1.473.191	1,12
Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị xã hội, QLNN, ANQP, Bảo đảm Xã hội bắt buộc	51.676	0,03	19.266	0,01
Giáo dục và đào tạo	179.654	0,11	44.792	0,03
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	137.533	0,08	82.149	0,06
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	313.037	0,19	201.605	0,15
Hoạt động dịch vụ khác	17.758.144	10,94	14.830.420	11,28
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	310.536	0,19	27.829	0,02
	162.203.557	99,90	131.229.429	99,85
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	172.628	0,10	197.764	0,15
	162.376.185	100,00	131.427.193	100,00

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Cho vay bằng VND	7,00% - 15,00%	5,00% - 11,23%
Cho vay bằng USD	2,00% - 8,00%	1,00% - 5,04%
Cho vay bằng ngoại tệ khác	2,00% - 6,00%	1,00% - 5,04%

10. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Dự phòng chung (i)	1.066.332	948.355
Dự phòng cụ thể (ii)	731.053	473.031
	1.797.385	1.421.386

Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2016			2015		
	Tại Việt Nam Triệu VND	Tại chi nhánh nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND	Tại Việt Nam Triệu VND	Tại chi nhánh nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư đầu năm	897.197	51.158	948.355	899.152	36.965	936.117
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh32)	120.589	(3.552)	117.037	(1.955)	13.175	11.220
Tăng do sáp nhập VVF	940	-	940	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	1.018	1.018
Số dư cuối năm	1.018.726	47.606	1.066.332	897.197	51.158	948.355

Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2016			2015		
	Tại Việt Nam Triệu VND	Tại chi nhánh nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND	Tại Việt Nam Triệu VND	Tại chi nhánh nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư đầu năm	469.952	3.079	473.031	101.811	9.320	111.131
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh32)	354.384	54.938	409.322	684.287	15.325	699.612
Tăng do sáp nhập VVF	15.403	-	15.403	-	-	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(167.263)	-	(167.263)	(316.146)	(21.566)	(337.712)
Chênh lệch tỷ giá	-	560	560	-	-	-
Số dư cuối năm	672.476	58.577	731.053	469.952	3.079	473.031

Đối với các khoản cho vay Vinashin và Vinalines và các khoản nợ xấu của HBB, Ngân hàng ghi nhận dự phòng với giá trị được xác định theo Đề án nêu tại Thuyết minh 3(c).

11. Chứng khoán đầu tư

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán nợ		
▪ Chứng khoán Chính phủ	6.426.047	3.972.390
▪ Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	2.599.788	131.064
▪ Chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế("TCKT") trong nước phát hành	1.729.064	3.328.316
Chứng khoán vốn		
▪ Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	796	11.689
▪ Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	32.802	36.424
	10.788.497	7.479.883
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán (i)	(125.790)	(97.342)
	10.662.707	7.382.541
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
▪ Chứng khoán Chính phủ	-	1.726.735
▪ Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	999.879	999.866
▪ Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành *(bao gồm trái phiếu đặc biệt)*	8.439.974	7.672.892
	9.439.853	10.399.493
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (ii)	(1.255.937)	(465.383)
	8.183.916	9.934.110
	18.846.623	17.316.651

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán				
Trái phiếu Chính phủ	5 năm	6,00% - 6,30%	2 - 10 năm	5,60% - 12,70%
Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	3 - 10 năm	8,00% - 9,20%	1 - 10 năm	10,33% - 11,75%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	3 - 15 năm	8,90% - 16,25%	3 - 15 năm	8,30% - 16,25%

	31/12/2016		31/12/2015	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn				
Trái phiếu Chính phủ	-	-	2 - 5 năm	6,50% - 13,20%
Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	10 năm	8,20%	10 năm	8,20%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	7 - 10 năm	8,90% - 15,25%	5 - 10 năm	8,20% - 15,25%

(i) Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán (*)	33.050	37.629
Dự phòng chung chứng khoán sẵn sàng để bán (**)	17.740	59.713
Dự phòng cụ thể chứng khoán sẵn sàng để bán (***)	75.000	-
	125.790	97.342

(*) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán ***đầu tư*** sẵn sàng để bán trong năm như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dưđầu năm	37.629	6.921
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	(4.579)	30.708
	33.050	37.629

(**) Biến độngdự phòng chungchứng khoán đầu tư sẵn sàng để bánnhư sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dưđầu năm	59.713	26.685
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	(41.973)	33.028
	17.740	59.713

(***) Biến độngdự phòng cụ thểchứng khoán đầu tư sẵn sàng để bánnhư sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng do sáp nhập VVF	30.000	-
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	45.000	-
	75.000	-

(ii) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Dự phòng rủi ro trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành(*)	1.050	1.050
Dự phòng rủi rotrái phiếu VAMC (**)	1.254.887	464.333
	1.255.937	465.383

(*) Biến động dự phòng rủi ro trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.050	390
Trích lập dự phòng trong năm	-	660
Số dư cuối năm	1.050	1.050

(**) Biến động dự phòng rủi ro trái phiếu VAMC như sau (Thuyết minh 3(g)(iv)):

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	464.333	333.039
Trích lậpdự phòng trong năm (Thuyết minh32)	790.554	131.294
Số dư cuối năm	1.254.887	464.333

Phân tích chất lượng chứng khoán nợ chưa niêm yết (không bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh và trái phiếu đặc biệt) được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.200.317	4.490.888
Nợ dưới tiêu chuẩn	684.000	728.850
	5.884.317	5.219.738

12. Góp vốn, đầu tư dài hạn

Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Đầu tư góp vốn dài hạn khác- giá gốc (i)	229.393	313.397
Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn (ii)	(6.444)	(9.988)
	222.949	303.409

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	198.236	214.486
Đầu tư vào các tổ chức tài chính	31.157	98.911
	229.393	313.397

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	9.988	20.558
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 31)	(1.464)	(10.570)
Sử dụng dự phòng trong năm	(2.080)	-
Số dư cuối năm	6.444	9.988

13. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Các tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	234.555	293.825	173.193	86.450	25.340	813.363
Mua trong năm	80.549	21.033	30.670	6.127	3.122	141.501
Tăng do sáp nhập VVF	25.005	112	2.174	2.866	-	30.157
Thanh lý, nhượng bán	(15.144)	(148)	(3.979)	(1.766)	(1.739)	(22.776)
Chênh lệch tỷ giá	325	45	23	66	-	459
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	325.290	314.867	202.081	93.743	26.723	962.704
Hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	66.560	191.458	102.961	73.442	17.924	452.345
Khấu hao trong năm	17.171	36.230	19.881	8.516	7.468	89.266
Tăng do sáp nhập VVF	5.775	112	2.173	2.340	-	10.400
Thanh lý, nhượng bán	(5.867)	(276)	(3.991)	(1.697)	(1.522)	(13.353)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	83.639	227.524	121.024	82.601	23.870	538.658
Giá trị còn lại						
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	167.995	102.367	70.232	13.008	7.416	361.018
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	241.651	87.343	81.057	11.142	2.853	424.046

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Các tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	202.342	296.991	169.702	84.808	24.519	778.362
Mua trong năm	31.594	17.847	5.621	2.718	2.931	60.711
Tăng do hoàn thành, mua sắm TSCĐ	146	5.978	-	63	-	6.187
Thanh lý, nhượng bán	(166)	(27.107)	(2.215)	(1.271)	(2.110)	(32.869)
Chênh lệch tỷ giá	639	116	85	132	-	972
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	234.555	293.825	173.193	86.450	25.340	813.363
Hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	49.477	177.643	85.821	63.940	17.575	394.456
Khấu hao trong năm	17.037	40.282	19.201	10.702	2.367	89.589
Thanh lý, nhượng bán	(95)	(26.525)	(2.098)	(1.272)	(2.018)	(32.008)
Chênh lệch tỷ giá	141	58	37	72	-	308
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	66.560	191.458	102.961	73.442	17.924	452.345
Giá trị còn lại						
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	152.865	119.348	83.881	20.868	6.944	383.906
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	167.995	102.367	70.232	13.008	7.416	361.018

Các thông tin khác về tài sản cốđịnh hữu hình

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	192.613	152.948

14. Tài sản cố định vô hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.629.594	183.424	35.493	3.848.511
Mua trong năm	5.356	21.668	4.695	31.719
Tăng do sáp nhập VVF	-	2.756	-	2.756
Thanh lý, nhượng bán	(156.032)	-	-	(156.032)
Biến động khác	(38)	-	-	(38)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.478.880	207.848	40.188	3.726.916
Hao mòn lũy kế				
Số dư tạingày 1 tháng 1 năm 2016	5.489	130.729	17.045	153.263
Khấu hao trong năm	158	28.310	5.481	33.949
Tăng do sáp nhập VVF	-	1.709	-	1.709
Biến động khác	-	-	(11)	(11)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.647	160.748	22.515	188.910
Giá trị còn lại				
Số dư tạingày 1 tháng 1 năm 2016	3.624.105	52.695	18.448	3.695.248
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.473.233	47.100	17.673	3.538.006

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	3.629.594	179.022	35.493	3.844.109
Mua trong năm	-	4.402	-	4.402
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.629.594	183.424	35.493	3.848.511
Hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	5.332	103.343	13.590	122.265
Khấu hao trong năm	157	27.386	3.455	30.998
Số dư tạingày 31 tháng 12 năm 2015	5.489	130.729	17.045	153.263
Giá trị còn lại				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	3.624.262	75.679	21.903	3.721.844
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.624.105	52.695	18.448	3.695.248

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Nguyên giá của TSCĐ vô hình phân bổ hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.360	16.441

15. Bất động sản đầu tư

Biến động của bất động sản đầu tư cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.822	13.579	17.401
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.822	13.579	17.401
Hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	446	-	446
Khấu hao trong năm	140	-	140
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	586	-	586
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.376	13.579	16.955
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.236	13.579	16.815

Biến động của bất động sản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá đầu năm và cuối năm			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	3.822	13.579	17.401
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.822	13.579	17.401
Hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	306	-	306
Khấu hao trong năm	140	-	140
Số dư tạingày 31 tháng 12 năm 2015	446	-	446
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	3.516	13.579	17.095
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.376	13.579	16.955

16. Tài sản Có khác

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Các khoản phải thu	1.705.468	1.950.668
▪ *Các khoản phải thu (i)*	*1.590.973*	*1.773.024*
▪ *Mua sắm TSCĐ và XDCB dở dang(ii)*	*114.495*	*177.644*
Các khoản lãi, phí phải thu	7.875.554	8.872.126
Tài sản Có khác (iii)	6.719.575	6.124.385
▪ *Các khoản ủy thác đầu tư*	*1.926.309*	*1.926.959*
▪ *Tài sản Có khác*	*4.793.266*	*4.197.426*
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (iv)	(212.446)	(70.592)
	16.088.151	16.876.587

(i) Các khoản phải thu

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ	73.950	144.779
▪ *Phải thu cán bộ công nhân viên*	*66.244*	*114.039*
▪ *Phải thu nội bộ khác*	*7.706*	*30.740*
Các khoản phải thu bên ngoài	1.517.023	1.628.245
▪ *Tài sản ký quỹ*	*19.096*	*17.006*
▪ *Tạm ứng nộp ngân sách nhà nước (Thuyết minh 38)*	*229*	*229*
▪ *Phải thu ngân sách*	*62.751*	*50.914*
▪ *Phải thu của SHBS*	*63.086*	*78.801*
▪ *Chi phí chờ phân bổ*	*286.613*	*267.743*
▪ *Đặt cọc môi giới chứng khoán*	*70.000*	-
▪ *Phải thu khác*	*782.625*	*622.836*
▪ *Các khoản bán nợ VAMC chưa nhận được trái phiếu*	*232.623*	*590.716*
	1.590.973	*1.773.024*

(ii) Mua sắm TSCĐ và XDCB dở dang

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Mua sắm trụ sở, quyền sử dụng đất	33.778	38.991
Xây dựng cơ bản dở dang	71.552	109.947
Các tài sản khác	9.165	28.706
	114.495	177.644

(iii) Tài sản Có khác

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Ủy thác tồn đọng từ HBB (*)		
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	651	651
Ủy thác REPO tài sản	1.405.398	1.406.048
Ủy thác khác	520.260	520.260
	1.926.309	1.926.959
Tài sản Có khác		
Vật liệu và công cụ	9.050	8.133
Chi phí chờ phân bổ	165.682	1.230.936
Tài sản gán nợ chờ xử lý	1.278.693	1.063.259
Các khoản chờ thanh toán liên Ngân hàng	2.123.118	409.066
Nợ cho vay chờ xử lý - Vinashin	948.584	1.048.584
Hàng hóa bất động sản của SHBAMC	133.139	213.448
Tài sản Có khác	135.000	224.000
	4.793.266	4.197.426
	6.719.575	6.124.385

(iv) Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Dự phòng rủi ro các khoản phải thu	82.746	70.592
Dự phòng rủi ro các khoản ủy thác tồn đọng tài chính (*)	129.700	-
	212.446	70.592

(*) Đối với các khoản tồn đọng tài chính (chủ yếu từ HBB) hiện bao gồm trong các khoản lãi, phí phải thu và Tài sản Có khác, Ngân hàng ghi nhận dự phòng/thoái thu lãi phải thu đã ghi nhận với giá trị được xác định theo Đề án nêu tại Thuyết minh 3(c).

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Dự phòng rủi ro ủy thác tồn đọng Triệu VND	Dự phòng rủi ro các khoản phải thu Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư đầu năm	-	70.592	70.592
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh31)	129.700	18.259	147.959
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(6.105)	(6.105)
Số dư cuối năm	129.700	82.746	212.446

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Dự phòng rủi ro ủy thác tồn đọng Triệu VND	Dự phòng rủi ro các khoản phải thu Triệu VND
Số dư đầu năm	-	51.997
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh31)	-	18.595
Số dư cuối năm	-	70.592

17. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Vay NHNN		
Vay theo hồ sơ tín dụng	1.038.428	268.629
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	1.533.992	3.956.286
	2.572.420	4.224.915

Các khoản nợ Chính phủ và NHNN bao gồm khoản vay theo hồ sơ tín dụng của Ngân hàng tại NHNNVN kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 3,5%/năm (31/12/2015: kỳ hạn 15 ngày đến 1 năm, lãi suất từ 3% đến 5%/năm).

18. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	11.834.285	4.832.380
Bằng ngoại tệ	56.375	55.791
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	9.236.500	14.850.000
Bằng ngoại tệ	2.172.097	4.581.577
	23.299.257	24.319.748
Vay các TCTD khác bằng VND	8.511.444	3.038.422
Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	1.082.467	14.995
Tiền vay từ Dự án tài chính (*)	416.264	772.618
	10.010.175	3.826.035
	33.309.432	28.145.783

(*) Đây là các khoản vay theo Dự án Tài chính Nông thôn II và Dự án Tài chính Nông thôn III từ Tổ chức Phát triển Quốc tế thuộc Ngân hàng Thế giới thông qua Bộ Tài chính để cho các hộ gia đình vay lại với mục tiêu phát triển nông thôn và giảm nghèo. Lãi suất cho vay tới các hộ gia đình tùy theo mức lãi suất áp dụng của Ngân hàng trong từng giai đoạn.

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,90% - 5,90%	3,80% - 5,40%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,10% - 1,75%	0,60%- 5,00%
Tiền vay bằng VND	3,30% - 6,00%	3,75% - 6,50%
Tiền vay bằng ngoại tệ	1,51% - 2,36%	1,88%

19. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	17.487.501	17.282.328
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.573.423	3.019.900
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	132.528.676	113.419.890
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	13.793.905	14.423.689
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	204	-
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	24.185	2.057
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng VND	1.156.856	385.712
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	11.467	277.976
Chuyển tiền phải trả		
Chuyển tiền phải trả bằng ngoại tệ	-	17.324
	166.576.217	148.828.876

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Công ty Nhà nước	3.462.816	5.103.029
Công ty TNHH một thành viên vốn Nhà nước 100%	11.192.275	12.170.752
Công ty TNHH khác	6.278.950	4.694.217
Công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	13.612.181	11.952.400
Công ty cổ phần khác	17.585.129	14.167.414
Công ty hợp danh	114	243.639
Doanh nghiệp tư nhân	1.486.953	70.760
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.308.756	1.034.625
Hợp tác xã và Liên hiệp hợp tác xã	111.576	40.950
Hộ kinh doanh, cá nhân	102.675.897	90.954.479
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể và hiệp hội	2.987.414	1.083.214
Thành phần kinh tế khác	5.874.156	7.313.397
	166.576.217	148.828.876

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,00% - 8,30%	1,00% - 7,10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 5,85%	0,00%- 1,00%

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo chính sách của Ngân hàng theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của NHNNVN.

20. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

	31/12/2016		31/12/2015	
	Triệu VND	Lãi suất/năm	Triệu VND	Lãi suất/ năm
Vay trung, dài hạn từ Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II và III (i)	389.848	0,40% - 0,41%	402.291	5,64%
Vay dài hạn Dự án Phát triển Năng lượng tái tạo (ii)	419.039	4,73% - 5,75%	12.341	4,76%
	808.887		414.632	

(i) Đây là các khoản vay theo Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II và Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn III từ Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) thông qua Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế ODA để cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ hợp lệ vay lại. Lãi suất cho vay tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ tùy theo mức lãi suất áp dụng của Ngân hàng trong từng giai đoạn. Gốc và lãi của các khoản vay này được thanh toán 3 tháng 1 lần.

(ii) Đây là các khoản vay dài hạn từ Dự án Phát triển Năng lượng Tái tạo từ Hiệp hội Phát triển Quốc tế thông qua Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, để cho các dự án đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo vay lại. Lãi suất cho vay tới các dự án bằng lãi suất bình quân gia quyền của lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn từ 0 đến 12 tháng do NHNNVN công bố hàng quý, được điều chỉnh bởi biên độ lãi suất và tỷ lệ giảm trừ do Bộ Tài chính quy định. Gốc và lãi của các khoản vay được thanh toán 6 tháng 1 lần.

21. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Kỳ phiếu (i)	13.767.675	8.217.648
Trái phiếu do SHBS phát hành	-	41.800
	13.767.675	8.259.448

(i) Kỳ phiếu được phân loại theo kỳ hạn như sau:

Kỳ hạn	31/12/2016		31/12/2015	
	Triệu VND	Lãi suất/ năm	Triệu VND	Lãi suất/ năm
Dưới 12 tháng	9.567.675	6,50% - 7,20%	6.017.648	6,50% - 7,50%
Từ 12 tháng đến 5 năm	1.200.000	7,00%	1.200.000	7,00%
Trên 5 năm	3.000.000	8,20%	1.000.000	8,20%
	13.767.675		8.217.648	

22. Các khoản nợ khác

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Các khoản lãi, phí phải trả	3.204.877	3.053.554
Các khoản phải trả và công nợ khác	476.659	419.159
Các khoản phải trảnội bộ	27.639	23.722
▪ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24.009	13.680
▪ Các khoản phải trả nội bộ khác	3.630	10.042
Các khoản phải trả bên ngoài	449.020	395.437
▪ Thuế và các khoản phải trả cho ngân sách Nhà nước (i)	117.598	79.542
▪ Các khoản chờ thanh toán và nợ phải trả khác	274.454	313.461
▪ Doanh thu chưa thực hiện	56.747	13
▪ Phải trả hoạt động khác	221	2.421
	3.681.536	3.472.713

(i) Thuế và các khoản phải trả cho ngân sách Nhà nước

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	41.891	1.414
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.315	63.597
Các loại thuế khác	15.392	14.531
	117.598	79.542

Chi tiết thuế phải nộp được trình bày tại Thuyết minh 38.

23. Vốn và các quỹ

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của Ngân hàng trong năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	**9.485.945**	**101.716**	**(5.260)**	**20.013**	**588.896**	**254.899**	**-**	**2.721**	**808.832**	**11.257.762**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(187)	913.248	913.061
Phân loại lại quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	5.000	(20.000)	15.000	-	-		-
Tăng do sáp nhập VVF (*)	1.000.000	-	-	-	31.938	16.307	1.022	-	27.546	1.076.813
Tăng vốn do trả cổ tức bằng cổ phiếu	710.946	-	-	-	-	-	-	-	(710.946)	-
Quỹ của các cổ đông thiểu số	-	-	-	-	228	-	-	(228)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(15.901)	(15.901)
Tạm trích các quỹ	-	-	-	-	81.870	43.090	-	-	(124.960)	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	(4)	-	-	(158)	(162)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	**11.196.891**	**101.716**	**(5.260)**	**25.013**	**682.932**	**329.292**	**1.022**	**2.306**	**897.661**	**13.231.573**
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	**8.865.795**	**101.716**	**(5.260)**	**13**	**517.699**	**216.751**	**-**	**2.908**	**783.350**	**10.482.972**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(26)	795.182	795.156
Thuế giữ lại của SHB Campuchia	-	-	-	-	-	-	-		(6.276)	(6.276)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	20.000	-	-	-	-	(20.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(15.426)	(15.426)
Tăng vốn từ trả cổ tức bằng cổ phiếu	620.150	-	-	-	-	-	-	-	(620.150)	
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-	1.497	1.497
Tạm trích các quỹ	-	-	-	-	71.197	38.148	-	-	(109.345)	
Trả cổ tức của SHBS	-	-	-	-	-	-	-	(161)	-	(161)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	**9.485.945**	**101.716**	**(5.260)**	**20.013**	**588.896**	**254.899**	**-**	**2.721**	**808.832**	**11.257.762**

(*)Vốn của SHB đã được cộng thêm 1.000 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 do sáp nhập với VVF theo Công văn số 6812/NHNN-TTGSNH của NHNN.

Vốn cổ phần

	31/12/2016	
	Số cổ phiếu	Triệu VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.119.689.100	11.196.891
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	1.119.689.100	11.196.891
Số cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	496.186	4.962
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.119.192.914	11.191.929

	31/12/2015	
	Số cổ phiếu	Triệu VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	948.594.461	9.485.945
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	948.594.461	9.485.945
Số cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	496.186	4.962
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	948.098.275	9.480.983

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

Biến động vốn cổ phần trongnăm như sau

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	Triệu VND	Số cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu năm	948.098.275	9.480.983	886.083.361	8.860.833
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	71.094.639	710.946	62.014.914	620.150
Tăng do sáp nhập VVF	100.000.000	1.000.000	-	-
Số dư cuối năm	1.119.192.914	11.191.929	948.098.275	9.480.983

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 7,5% (24 tháng 4 năm 2015: trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 7%).

25. Thu nhập lãi thuần

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ		
Tiền gửi tại các TCTD khác	328.026	537.162
Cho vay khách hàng và cho vay các TCTD khác	12.894.127	9.871.676
Các khoản đầu tư chứng khoán nợ	961.944	889.712
Thu phí từ nghiệp vụ bão lãnh	79.775	146.268
Các hoạt động tín dụng khác	304.781	546.980
	14.568.653	11.991.798
Chi phí lãi và các chi phí tương tự cho		
Trả lãi tiền gửi	9.301.976	7.670.102
Trả lãi tiền vay	301.591	121.652
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	722.892	414.761
Chi phí hoạt động tín dụng khác	66.746	89.129
	10.393.205	8.295.644
Thu nhập lãi thuần	4.175.448	3.696.154

26. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	135.519	94.129
Dịch vụ ngân quỹ	17.618	15.771
Dịch vụ đại lý	91.519	3.092
Dịch vụ tư vấn	100.350	16
Dịch vụ khác	64.802	76.980

	409.808	189.988
Chi phí hoạt động dịch vụ cho		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	21.980	20.210
Dịch vụ ngân quỹ	19.206	10.879
Dịch vụ khác	30.557	61.461
	71.743	92.550
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	338.065	97.438

27. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Lãi từ kinh doanh ngoại hối		
▪ Hợp đồng tiền tệ giao ngay	333.005	169.969
▪ Thu nhập kinh doanh vàng	1.285	3.386
▪ Các công cụ phái sinh tiền tệ	187.792	117.301
	522.082	290.656
Lỗ từ kinh doanh ngoại hối		
▪ Hợp đồng tiền tệ giao ngay	276.716	124.328
▪ Chi phí kinh doanh vàng	1.248	8.504
▪ Các công cụ phái sinh tiền tệ	142.078	131.259
	420.042	264.091
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	102.040	26.565

28. (Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
(Lỗ)/lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(2.170)	1.660
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	(7.934)	2.500
(Lỗ)/lãithuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(10.104)	4.160

29. Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Lãi/(lỗ) từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	8.987	(5.909)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 11(i))	4.579	(30.708)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng chung chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 11(i))	41.973	(33.028)
Trích lập dự phòng cụ thể chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 11(i))	(45.000)	-
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	10.539	(69.645)

30. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác		
Thu hồi nợ đã xóa sổ trong những năm trước	52.998	198.121
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	538.765	919
Thu nhập khác	144.460	105.952
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác	736.223	304.992
Chi phí hoạt động kinh doanh khác		
Chi hỗ trợ công tác xã hội	29.885	28.828
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	160.710	890
Chi về hoạt động kinh doanh khác	181.312	100.690
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	371.907	130.408
	364.316	174.584

31. Chi phí hoạt động

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	35.777	28.389
Chi phí cho nhân viên	1.393.682	1.217.053
Trong đó:		
• *Chi lương và phụ cấp*	*1.246.423*	*1.098.820*
• *Các khoản chi đóng góp theo lương*	*73.781*	*68.511*
• *Chi trợ cấp và chi khác cho nhân viên*	*73.478*	*49.722*
Chi về tài sản	413.712	392.414
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	*123.355*	*120.727*
Chi cho hoạt động quản lý công vụ:	397.015	330.970
Trong đó:		
• *Công tác phí*	*13.921*	*16.625*
• *Chi về hoạt động đoàn thể của TCTD*	*103*	*828*
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	121.078	101.789
Hoàn nhập dựphòng giảm giá góp vốn đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12)	(1.464)	(10.570)
Chi dự phòng rủi ro khác (Thuyết minh 1616)	147.959	18.595
	2.507.759	2.078.640

32. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Thuyết minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Hoàn nhập dự phòng cụ thể cho tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	6	(15.000)	-
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	10	117.037	11.220
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	10	409.322	699.612
Trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	11	790.554	131.294
		1.301.913	842.126

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	240.523	221.437
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.855	-
Chi phí thuế thu nhập	243.378	221.437
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	461
Chi phí thuế thu nhập	243.378	221.898

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	**1.156.439**	**1.017.054**
Điều chỉnh:		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(2.127)	(8.565)
- Lợi nhuận của chi nhánh nước ngoài	(74.165)	(57.742)
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.884	231

Thu nhập chịu thuế TNDN	**1.085.031**	**950.978**
Chi phí thuế TNDN của Ngân hàng	217.006	209.364
Chi phí thuế TNDN của các chi nhánh nước ngoài	26.372	12.534
	243.378	221.898

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Ngân hàng chưa tính các ưu đãi là 20% cho năm 2016 (2015: 22%).

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Lợi nhuận thuần trong nămthuộc về cổ đông phổ thông	913.248	795.130

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015 (điều chỉnh lại)	2015 (theo báo cáo trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.019.192.914	886.083.361	886.083.361
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức trong năm 2015	-	62.014.914	62.014.914
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức trong năm 2016	-	71.094.639	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để sáp nhập VVF	273.973	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	1.019.466.887	1.019.192.914	948.098.275

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016	2015 (điều chỉnh lại)	2015 (theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	896	780	839

35. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1.291.694	1.917.860
Tiền gửi tại NHNN	2.718.757	4.362.518
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	12.320.394	6.568.619
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	10.011.302	20.912.241
	26.342.147	33.761.238

36. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số lượng cán bộ, công nhân viên (người)	6.351	6.083
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên	1.246.423	1.098.820
Thu nhập bình quân/tháng (triệu VND)	16,35	15,03

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Các điều khoản của những giao dịch này được thực hiện theo các quy định của Ngân hàng.

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số dư	
	31/12/2016 Triệu VND Phải thu/(Phải trả)	31/12/2015 Triệu VND Phải thu/(Phải trả)
Cổ đông lớn		
Cho vay	-	2.242.072
Ủy thác đầu tư	-	651
Đầu tư vào các bên liên quan	71.849	102.700
Lãi phải thu từ cho vay, ủy thác đầu tư, đầu tư trái phiếu	266.958	850.551
Tiền gửi không kỳ hạn	(188.869)	(811.795)
Tiền gửi có kỳ hạn	(1.152.610)	(1.613.122)
Vốn góp của các bên liên quan	(1.116.063)	(1.351.002)

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giao dịch	
	31/12/2016 Triệu VND Doanh thu/(Chi phí)	31/12/2015 Triệu VND Doanh thu/(Chi phí)
Thu cổ tức từ công ty liên quan	-	1.350
Thu lãi cho vay	81.445	164.562
Thu lãi ủy thác đầu tư	-	15.822
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	13.024	11.404

38. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	1/1/2016		Tăng do sáp nhập VVF	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016	
	Phải trả Triệu VND	Phải thu Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Phải trả Triệu VND	Phải thu Triệu VND	Triệu VND
Thuế GTGT	1.414	-	16	106.762	(66.301)	41.891	-
Thuế TNDN	63.597	-	(221)	243.378	(246.439)	60.315	-
Tạm ứng nộp thuế TNDN	-	(229)	-	-	-	-	(229)
Các loại thuế khác	14.531	-	32	86.412	(85.583)	15.392	-
	79.542	(229)	(173)	436.552	(398.323)	117.598	(229)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	1/1/2015		Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015	
	Phải trả Triệu VND	Phải thu Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Phải trả Triệu VND	Phải thu Triệu VND
Thuế GTGT	2.544	-	22.867	(23.997)	1.414	-
Thuế TNDN	66.820	-	221.768	(224.991)	63.597	-
Tạm ứng nộp thuế TNDN	-	(130)	(229)	130	-	(229)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả của chi nhánh Campuchia	461	-	-	(461)	-	-
Các loại thuế khác	35.819	-	86.102	(107.390)	14.531	-
	105.644	(130)	330.508	(356.709)	79.542	(229)

39. Mức độ tập trung của tài sản, nợ phải trả và các cam kết ngoại bảng theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho vay khách hàng - gộp Triệu VND	Tiền gửi của khách hàng Triệu VND	Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng Triệu VND	Công cụ tài chính phái sinh Triệu VND	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán - gộp Triệu VND
Trong nước	156.851.206	165.812.143	22.989.942	44.578	20.228.350
Ngoài nước	5.524.979	764.074	14.886	-	-
	162.376.185	166.576.217	23.004.828	44.578	20.228.350

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho vay khách hàng - gộp Triệu VND	Tiền gửi của khách hàng Triệu VND	Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng Triệu VND	Công cụ tài chính phái sinh Triệu VND	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán - gộp Triệu VND
Trong nước	125.955.583	148.071.567	17.370.008	100.011	17.950.302
Ngoài nước	5.471.610	757.309	1.574	-	-
	131.427.193	148.828.876	17.371.582	100.011	17.950.302

40. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo vùng địa lý

	Nước ngoài Triệu VND	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
2016					
Thu nhập lãi thuần	215.550	2.585.463	465.820	908.615	4.175.448
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	15.752	300.093	2.847	19.373	338.065
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.334	87.288	1.254	9.164	102.040
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	(10.104)	-	-	(10.104)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	10.539	-	-	10.539
Lãi thuần từ hoạt động khác	3.618	345.363	4.538	10.797	364.316
Lỗ từ góp vốn, mua cổ phần	-	(14.193)	-	-	(14.193)
Chi phí hoạt động	(95.296)	(1.793.843)	(179.763)	(438.857)	(2.507.759)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**143.958**	**1.510.606**	**294.696**	**509.092**	**2.458.352**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(55.487)	(1.122.844)	(48.309)	(75.273)	(1.301.913)
Tổng lợi nhuận trước thuế	**88.471**	**387.762**	**246.387**	**433.819**	**1.156.439**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Tiền mặt và vàng	41.746	951.919	88.211	209.818	1.291.694
Tiền gửi tại NHNN	838.380	1.865.248	7.661	7.468	2.718.757
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	575.023	29.558.448	2.282	669	30.136.422
Cho vay khách hàng	5.418.798	109.206.683	15.704.015	30.249.304	160.578.800
Đầu tư tài chính	-	19.155.049	-	-	19.155.049
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	34.562	3.909.288	10.220	24.797	3.978.867
Tài sản Có khác	255.928	13.477.792	423.218	1.931.213	16.088.151
Tổng tài sản	**7.164.437**	**178.124.427**	**16.235.607**	**32.423.269**	**233.947.740**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	713.447	35.168.361	4	40	35.881.852
Tiền gửi của khách hàng	764.075	124.571.538	10.602.363	30.638.241	166.576.217
Huy động khác	-	13.789.777	782.100	4.685	14.576.562
Nợ phải trả khác	591.071	2.406.184	217.221	467.060	3.681.536
Tổng nợ phải trả	**2.068.593**	**175.935.860**	**11.601.688**	**31.110.026**	**220.716.167**

	Nước ngoài Triệu VND	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
2015					
Thu nhập lãi thuần	164.737	2.072.809	469.298	989.310	3.696.154
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	(4.347)	88.553	(214)	13.446	97.438
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.156	12.830	1.185	11.394	26.565
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	4.160	-	-	4.160
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	(69.645)	-	-	(69.645)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	36	171.306	(736)	3.978	174.584
Lãi từ góp vốn, mua cổ phần	-	8.564	-	-	8.564
Chi phí hoạt động	(75.086)	(1.497.310)	(147.885)	(358.359)	(2.078.640)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**86.496**	**791.267**	**321.648**	**659.769**	**1.859.180**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(28.500)	(710.773)	(61.110)	(41.743)	(842.126)
Tổng lợi nhuận trước thuế	**57.996**	**80.494**	**260.538**	**618.026**	**1.017.054**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Tiền mặt và vàng	28.866	1.652.681	68.392	167.921	1.917.860
Tiền gửi tại NHNN	1.994.240	2.330.481	28.134	9.663	4.362.518
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	2.444.191	27.346.841	2.055	622	29.793.709
Cho vay khách hàng	5.417.373	80.023.530	15.181.352	29.383.552	130.005.807
Đầu tư tài chính	-	17.674.438	-	-	17.674.438
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	24.064	4.013.602	10.304	25.251	4.073.221
Tài sản Có khác	668.944	13.702.194	815.007	1.690.442	16.876.587
Tổng tài sản	**10.577.678**	**146.743.767**	**16.105.244**	**31.277.451**	**204.704.140**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	207.615	27.936.720	3	1.445	28.145.783
Tiền gửi của khách hàng	757.339	111.771.225	8.703.388	27.596.924	148.828.876
Huy động khác	-	12.876.370	3.554	19.071	12.898.995
Nợ phải trả khác	1.911.751	1.047.363	191.846	421.764	3.572.724
Tổng nợ phải trả	**2.876.705**	**153.631.678**	**8.898.791**	**28.039.204**	**193.446.378**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực hoạt động

	Tín dụng Triệu VND	Đầu tư Triệu VND	Kinh doanh và huy động vốn Triệu VND	Dịch vụ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
2016					
Doanh thu trực tiếp	14.404.075	996.624	366.598	1.252.332	17.019.629
31 tháng 12 năm 2016					
Tài sản bộ phận	174.434.984	21.636.499	28.969.169	143.512	225.184.164
Tài sản phân bổ	3.681.654	86.870	2.401.348	2.593.704	8.763.576
Tổng tài sản	178.116.638	21.723.369	31.370.517	2.737.216	233.947.740
Nợ phải trả bộ phận	689.084	-	219.174.892	472.956	220.336.932
Nợ phải trả phân bổ	159.320	3.759	103.916	112.240	379.235
Tổng nợ phải trả	848.404	3.759	219.278.808	585.196	220.716.167

	Tín dụng Triệu VND	Đầu tư Triệu VND	Kinh doanh và huy động vốn Triệu VND	Dịch vụ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
2015					
Doanh thu trực tiếp	11.392.541	957.915	210.159	824.402	13.385.017
31 tháng 12 năm 2015					
Tài sản bộ phận	141.467.937	20.393.828	33.577.428	115.791	195.554.984
Tài sản phân bổ	3.856.393	22.561	3.176.560	2.093.642	9.149.156
Tổng tài sản	145.324.330	20.416.389	36.753.988	2.209.433	204.704.140
Nợ phải trả bộ phận	249.633	-	192.400.579	379.410	193.029.622
Nợ phải trả phân bổ	175.663	1.028	144.697	95.368	416.756
Tổng nợ phải trả	425.296	1.028	192.545.276	474.778	193.446.378

41. Hợp nhất VVF

Như được trình bày tại Thuyết minh 1(f), trong năm Ngân hàng đã thực hiện các thủ tục để sáp nhập VVF, một công ty tài chính được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của VVF là cung cấp các dịch vụ tài chính đã đăng ký theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 1 năm 2017, Ngân hàng hoàn thành việc phát hành 100.000.000 cổ phiếu, tương đương với 1.000.000 triệu VND, để hoán đổi với 100.000.000 cổ phiếu của VVF, tương đương với 100% vốn điều lệ của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel. Giấy phép thành lập và hoạt động số 304/GP-NHNN do Thống đốc NHNNVN cấp ngày 14 tháng 11 năm 2008 cho Công ty Tài chính Cổ Vinaconex-Viettel, đã được thu hồi theo Quyết định số 2400/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2016, chính thức hết hiệu lực từ ngày 14 tháng 3 năm 2017.

Việc sáp nhập này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua Triệu VND	Các điều chỉnh tài sản và nợ phải trả Triệu VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Triệu VND
Tiền gửi tại NHNNVN	189	-	189
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	271.293	-	271.293
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	266.000	-	266.000
Cho vay khách hàng	100.883	-	100.883
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(16.782)	-	(16.782)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	150.000	-	150.000
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(75.000)	-	(75.000)
Đầu tư dài hạn khác	1.000	-	1.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(389)		(389)
Tài sản cố định hữu hình	19.756	-	19.756
Tài sản cố định vô hình	1.047	-	1.047
Tài sản Có khác - gộp	334.510	-	334.510
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(261)	-	(261)
Các khoản nợ khác	(12.533)	-	(12.533)
Tài sản thuần có thể xác định được của VVF	1.039.713	-	1.039.713

42. Quản lý rủi ro tài chính

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà SHB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Tổng Giám đốcSHB sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà SHB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(a) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Định hướng của SHB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp SHB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, SHB phải duy trì cơ cấu danh mục tài sản, công nợ và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, SHB thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhấtcủa SHB có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, SHB cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, SHB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của SHB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại NHNN và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. SHB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của SHB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép SHB giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết

(b) Rủi ro tín dụng

SHB chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi SHB đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi SHB cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà SHB gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của SHB. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ngoài ra SHB còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

SHB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

SHB tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của SHBcó sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị giảm giá

Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị giảm giá trị của SHBbao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228 và Thông tư 89. SHBđánh giá rằng SHBhoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá chủ yếu bao gồm các khoản cho vay khách hàng được SHBphân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản phải thu quá hạn theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 nhưng có đầy đủ tài sản đảm bảo, bao gồm bất động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác.

Chi tiết về các tài sản đảm bảo SHB nắm giữ làm tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Bất động sản	142.242.648	124.880.041
Động sản	41.864.819	42.037.461
Giấy tờ có giá	22.282.769	20.497.771
Các tài sản đảm bảo khác	178.136.039	131.183.721
	384.526.275	318.598.994

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình SHBhuy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của SHB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

SHB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và sự sẵn có của hệ thống thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảm thiểu rủi ro. Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của SHB. SHBcũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của SHB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Tại 31 tháng 12 năm 2016 (Triệu VND)	Quá hạn		Trong hạn					
	Dưới 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.291.694	-	-	-	-	1.291.694
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.718.757	-	-	-	-	2.718.757
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	5.137	-	18.921.818	7.317.744	3.896.860	-	-	30.141.559
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	65.382	-	-	-	-	65.382
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	44.578	-	-	-	-	44.578
Cho vay khách hàng - gộp	2.932.788	2.445.468	10.602.289	15.620.627	55.182.077	44.947.205	30.645.731	162.376.185
Chứng khoán đầu tư - gộp	150.000	-	133.682	240.974	1.453.233	15.336.115	2.914.346	20.228.350
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	229.393	229.393
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	3.469.197	452	10.512	193.955	304.751	3.978.867
Tài sản có khác - gộp	1.034.295	-	14.518.431	7.753	61.388	668.259	10.471	16.300.597
	4.122.220	**2.445.468**	**51.765.828**	**23.187.550**	**60.604.070**	**61.145.534**	**34.104.692**	**237.375.362**
Nợ phải trả								
Nợ phải trả NHNN và các TCTD khác	-	-	20.431.787	9.847.813	5.318.443	277.837	5.972	35.881.852
Tiền gửi của khách hàng	-	-	57.453.274	37.128.279	67.283.471	4.708.374	2.819	166.576.217
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	9.041	16.126	104.254	321.735	357.731	808.887
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.901.785	244.268	8.620.909	-	3.000.713	13.767.675
Các khoản nợ khác	-	-	3.681.536	-	-	-	-	3.681.536
	-	**-**	**83.477.423**	**47.236.486**	**81.327.077**	**5.307.946**	**3.367.235**	**220.716.167**
Mức chênh thanh khoản ròng	**4.122.220**	**2.445.468**	**(31.711.595)**	**(24.048.936)**	**(20.723.007)**	**55.837.588**	**30.737.457**	**16.659.195**

Tại 31 tháng 12 năm 2015 (Triệu VND)	Quá hạn		Trong hạn					
	Dưới 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.917.860	-	-	-	-	1.917.860
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.362.518	-	-	-	-	4.362.518
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	5.137	23.027.209	5.673.500	1.093.000	-	-	29.798.846
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	70.927	-	-	-	-	70.927
Cho vay khách hàng - gộp	1.812.968	2.373.791	8.573.588	13.767.222	24.854.623	42.715.336	37.329.665	131.427.193
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	200.428	1.392.520	2.201.134	11.500.217	2.585.077	17.879.376
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	313.397	313.397
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	3.619.029	243	8.694	213.551	231.704	4.073.221
Tài sản có khác - gộp	1.048.584	-	15.325.845	7.988	118.966	440.020	5.776	16.947.179
	2.861.552	**2.378.928**	**57.097.404**	**20.841.473**	**28.276.417**	**54.869.124**	**40.465.619**	**206.790.517**
Nợ phải trả								
Nợ phải trả NHNN và các TCTD khác	-	-	22.806.164	8.204.433	1.138.931	216.420	4.750	32.370.698
Tiền gửi của khách hàng	-	-	54.966.012	32.387.676	57.124.807	4.348.147	2.234	148.828.876
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	100.011	-	-	-	-	100.011
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	6.090	12.044	76.906	300.305	19.287	414.632
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	31.200	1.670.000	4.352.635	1.205.613	1.000.000	8.259.448
Các khoản nợ khác	-	-	3.472.713	-	-	-	-	3.472.713
	-	**-**	**81.382.190**	**42.274.153**	**62.693.279**	**6.070.485**	**1.026.271**	**193.446.378**
Mức chênh thanh khoản ròng	**2.861.552**	**2.378.928**	**(24.284.786)**	**(21.432.680)**	**(34.416.862)**	**48.798.639**	**39.439.348**	**13.344.139**

(d) Rủi ro thị trường

(i) ***Rủi ro lãi suất***

Các hoạt động của SHBchịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản nợ phải trả cụ thể.

SHB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ - Có trên khía cạnh thu nhập từ lãi toàn hàng. SHBcũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của SHBđược phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Tại 31 tháng 12 năm 2016 (Triệu VND)	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	1.291.694	-	-	-	-	-	-	1.291.694
Tiền gửi tại NHNN	-	2.718.757	-	-	-	-	-	-	2.718.757
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	5.137	-	19.010.454	7.317.744	3.520.133	288.091	-	-	30.141.559
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	65.382	-	-	-	-	-	-	65.382
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	44.578	-	-	-	-	-	-	44.578
Cho vay khách hàng - gộp	5.378.256	-	56.608.980	68.733.594	18.212.889	12.065.886	951.956	424.624	162.376.185
Chứng khoán đầu tư - gộp	150.000	33.599	100.082	1.184.722	347.316	1.953.163	13.845.052	2.614.416	20.228.350
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	229.393	-	-	-	-	-	-	229.393
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	3.978.867	-	-	-	-	-	-	3.978.867
Tài sản có khác - gộp	1.034.295	14.374.288	892.014	-	-	-	-	-	16.300.597
	6.567.688	**22.736.558**	**76.611.530**	**77.236.060**	**22.080.338**	**14.307.140**	**14.797.008**	**3.039.040**	**237.375.362**
Nợ phải trả									
Nợ phải trả NHNN và các TCTD khác	-	-	22.716.389	9.855.447	3.125.914	177.778	2.022	4.302	35.881.852
Tiền gửi của khách hàng	-	-	57.453.275	37.128.279	37.762.171	29.521.299	4.708.374	2.819	166.576.217
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	8.349	800.538	-	-	-	-	808.887
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.901.785	244.268	802.325	7.818.584	1.000.713	2.000.000	13.767.675
Các khoản nợ khác	-	3.681.536	-	-	-	-	-	-	3.681.536
	-	**3.681.536**	**82.079.798**	**48.028.532**	**41.690.410**	**37.517.661**	**5.711.109**	**2.007.121**	**220.716.167**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất	**6.567.688**	**19.055.022**	**(5.468.268)**	**29.207.528**	**(19.610.072)**	**(23.210.521)**	**9.085.899**	**1.031.919**	**16.659.195**

Tại 31 tháng 12 năm 2016 (Triệu VND)	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	1.917.860	-	-	-	-	-	-	1.917.860
Tiền gửi tại NHNN	-	4.362.518	-	-	-	-	-	-	4.362.518
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	5.137	-	23.027.209	5.673.500	1.093.000	-	-	-	29.798.846
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	70.927	-	-	-	-	-	-	70.927
Cho vay khách hàng - gộp	4.186.759	-	40.891.753	66.516.558	14.226.782	2.086.569	3.289.772	229.000	131.427.193
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	7.047.986	200.428	1.392.520	831.835	1.369.300	4.500.344	2.536.963	17.879.376
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	313.397	-	-	-	-	-	-	313.397
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	4.073.221	-	-	-	-	-	-	4.073.221
Tài sản có khác - gộp	1.048.584	15.898.595	-	-	-	-	-	-	16.947.179
	5.240.480	**33.684.504**	**64.119.390**	**73.582.578**	**16.151.617**	**3.455.869**	**7.790.116**	**2.765.963**	**206.790.517**
Nợ phải trả									
Nợ phải trả NHNN và các TCTD khác	-	-	23.074.792	8.730.087	515.000	44.071	1.998	4.750	32.370.698
Tiền gửi của khách hàng	-	-	54.966.012	32.387.676	31.919.053	25.205.754	4.348.147	2.234	148.828.876
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	100.011	-	-	-	-	-	-	100.011
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	6.091	12.054	384.146	-	12.341	-	414.632
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	31.200	1.679.600	473.693	3.879.942	1.195.013	1.000.000	8.259.448
Các khoản nợ khác	-	3.472.713	-	-	-	-	-	-	3.472.713
	-	**3.572.724**	**78.078.095**	**42.809.417**	**33.291.892**	**29.129.767**	**5.557.499**	**1.006.984**	**193.446.378**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất	**5.240.480**	**30.111.780**	**(13.958.705)**	**30.773.161**	**(17.140.275)**	**(25.673.898)**	**2.232.617**	**1.758.979**	**13.344.139**

(ii) ***Rủi ro tiền tệ***

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. SHBđược thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của SHBcũng là Đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của SHBchủ yếu bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của SHBbằng ngoại tệ khác ngoài Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. SHBđã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của SHBvà các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được SHBsử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tại 31 tháng 12 năm 2016 (Triệu VND)	VND	USD	EUR	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	765.199	468.028	50.380	8.087	1.291.694
Tiền gửi tại NHNN	1.705.265	905.156	-	108.336	2.718.757
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	26.782.653	2.621.556	324.911	412.439	30.141.559
Chứng khoán kinh doanh - gộp	65.382	-	-	-	65.382
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	44.578	-	-	-	44.578
Cho vay khách hàng - gộp	150.702.852	11.167.306	14.649	491.378	162.376.185
Chứng khoán đầu tư - gộp	20.228.350	-	-	-	20.228.350
Góp vốn, đầu tư dài hạn	229.393	-	-	-	229.393
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	3.944.306	25.853	-	8.708	3.978.867
Tài sản có khác - gộp	12.940.172	3.327.781	-	32.644	16.300.597
	217.408.150	**18.515.680**	**389.940**	**1.061.592**	**237.375.362**
Nợ phải trả					
Nợ phải trả NHNN và vay các TCTD khác	32.154.649	3.727.203	-	-	35.881.852
Tiền gửi của khách hàng	151.173.237	14.918.701	385.771	98.508	166.576.217
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(998.671)	988.040	1.497	9.134	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	808.887	-	-	-	808.887
Phát hành giấy tờ có giá	13.767.675	-	-	-	13.767.675
Các khoản nợ khác	3.642.097	29.069	2.148	8.222	3.681.536
Vốn và quỹ dự phòng	13.040.235	150.403	-	40.935	13.231.573
	213.588.109	**19.813.416**	**389.416**	**156.799**	**233.947.740**
Trạng thái tiền tệ nội bảng	**3.820.041**	**(1.297.736)**	**524**	**904.793**	**3.427.622**

Tại 31 tháng 12 năm 2015 (Triệu VND)	VND	USD	EUR	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	1.588.869	268.258	31.112	29.621	1.917.860
Tiền gửi tại NHNN	1.209.245	2.280.098	-	873.175	4.362.518
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	24.172.230	4.825.705	491.924	308.987	29.798.846
Chứng khoán kinh doanh - gộp	70.927	-	-	-	70.927
Các công cụ tài chính phái sinhvà các tài sản tài chính khác	(3.333.287)	3.333.287	-	-	-
Cho vay khách hàng - gộp	121.126.330	10.153.256	15.045	132.562	131.427.193
Chứng khoán đầu tư - gộp	17.879.376	-	-	-	17.879.376
Góp vốn, đầu tư dài hạn	313.397	-	-	-	313.397
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	4.049.155	20.178	-	3.888	4.073.221
Tài sản có khác - gộp	15.339.907	1.578.094	-	29.178	16.947.179
	182.416.149	**22.458.876**	**538.081**	**1.377.411**	**206.790.517**
Nợ phải trả					
Nợ phải trả NHNN và vay các TCTDkhác	27.711.298	4.659.400	-	-	32.370.698
Tiền gửi của khách hàng	131.097.042	16.956.641	535.254	239.939	148.828.876
Các công cụ tài chính phái sinhvà các khoản nợ tài chính khác	70.130	-	576	29.305	100.011
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	414.632	-	-	-	414.632
Phát hành giấy tờ có giá	8.259.448	-	-	-	8.259.448
Các khoản nợ khác	2.584.619	63.962	3.234	820.898	3.472.713
Vốn và các quỹ	11.132.779	102.787	-	19.475	11.255.041
	181.269.948	**21.782.790**	**539.064**	**1.109.617**	**204.701.419**
Trạng thái tiền tệ nội bảng	**1.146.201**	**676.086**	**(983)**	**267.794**	**2.089.098**

43. Các cam kết

Cam kết thuê

Tại ngày báo cáo, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Đến một năm	101.832	105.145
Trên một đến năm năm	285.026	379.322
Trên năm năm	357.686	45.280
	744.544	529.747

44. Tỷ giá một số loại ngoại tệ vào thời điểm lập báo cáo

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được SHB áp dụng:

	Tỷ giá ngày	
	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
USD	22.159	21.890
EUR	23.936	24.583
GBP	28.091	33.339
CHF	22.357	22.726
JPY	195	187
SGD	15.717	15.908
CAD	16.943	16.231
AUD	16.422	16.428

Người lập	Người soát xét	Người phê duyệt
Nguyễn Thị Hạnh Hoa	Ngô Thị Vân	Nguyễn Văn Lê
Kế toán	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

MẠNG LƯỚi SHB

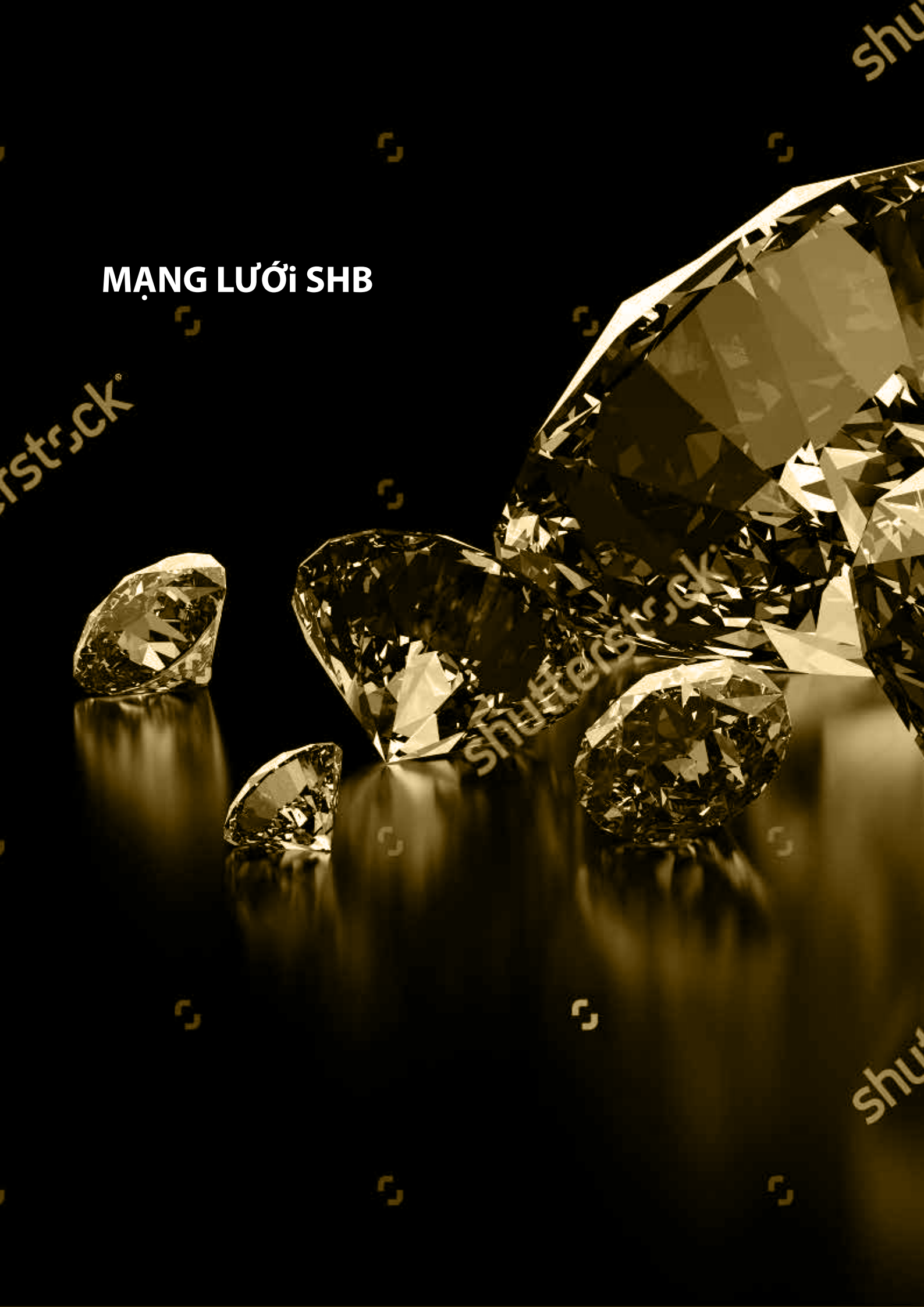

Làm một việc bình thường theo cách phi thường sẽ đem lại thành công

Henry J. Heinz
Doanh nhân nổi tiếng người Mỹ

Mạng lưới rộng khắp với trên 500 điểm giao dịch tại 40 tỉnh thành của Việt Nam và hai nước Lào, Campuchia.

CÔNG TY THÀNH VIÊN

Công ty con

Công ty TNHH 1 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản SHB (SHAMC).

Công ty cổ phần Chứng khoán SHB (SHBS).

Ngân hàng TNHH MTV SHB Lào

Một số Công ty có vốn góp

Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH)

Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Mạng lưới rộng khắp với trên 500 điểm giao dịch tại 40 tỉnh thành của Việt Nam và hai nước Lào, Campuchia.

Miền Bắc
~300
điểm giao dịch

Lào & Campuchia
07
điểm giao dịch

Miền Trung
>50
điểm giao dịch

Miền Nam
>160
điểm giao dịch

Mạng lưới *(Điểm giao dịch)*

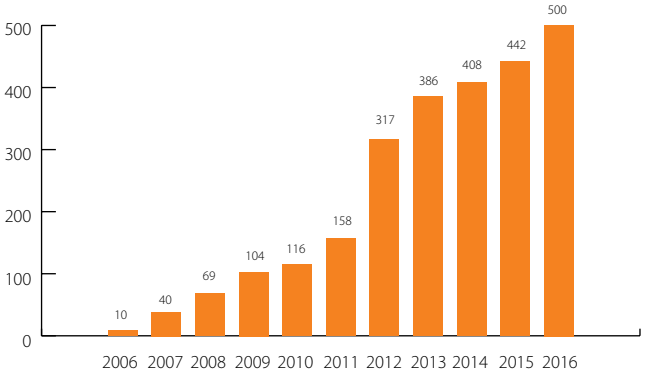

DANH SÁCH CHI NHÁNH

SHB An Giang
6 - 8 Nguyễn Huệ A, Phường Mỹ Long,
TP Long Xuyên, An Giang.
Tel: 0763.940309
Fax: 0763.940329 - 0763.941969

SHB Ba Đình
21 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Tel: 04.3846 0135
Fax: 04. 3726 3595

SHB Bắc Ninh
Tầng 1-2, tòa nhà Viglacera,
ngã 6 phường Đại Phúc, Tp. Bắc Ninh,
T. Bắc Ninh
Tel: 0241 3874 636
Fax: 0241 3874 959

SHB Bình Dương
302 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa,
TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Tel: 0650.3834102
Fax: 0650.3834100 - 0650.3834103

SHB Bình Phước
372, QL14, Phường Tân Đồng,
Thị xã Đồng Xoài, T. Bình Phước
Tel: 0651.3838.123, 124, 125
Fax: 0651.3838.126

SHB Cần Thơ
138 đường 3/2, Phường Hưng Lợi,
Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Tel: 0710.3838389
Fax: 07103.781083

SHB Đà Nẵng
89 Nguyễn Văn Linh, Phường Nam Dương,
Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: 0511.3584599
Fax: 0511.3655399

SHB Đồng Nai
10 -11 Đường Nguyễn Ái Quốc - KP8,
P. Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: 0618 871666
Fax: 0618 871 670

SHB Đồng Tháp
193-195 Hùng Vương, P2, TP. Cao Lãnh,
tỉnh Đồng Tháp.
Tel: 067 353 3388
Fax: 067 353 8788

SHB Gia Lai
87 Hoàng Văn Thụ, Pleiku, Gia Lai
Tel: 059.3828333
Fax: 059.3828499

SHB Hà Đông
Số 16-18 đường Nguyễn Khuyến,
Phường Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Tel: (04) /33516688/33546511/33546514
Fax: (04)33546513

SHB Hà Nội
49 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 04 6256 3666
Fax: 04.6256.3616

SHB Hải Phòng
15 Trần Phú, Ngô Quyền, Hải Phòng
Tel: 031.3652668
Fax: 031.3652669

SHB Hàm Long
67C Hàm Long, phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 043 943 2958
Fax: 043 945 4169

SHB Hàn Thuyên
Số 11 Hàn Thuyên, P. Phạm Đình Hổ,
Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 043 624 8028/30/31
Fax: 043 624 8029/75

SHB Hàng Trống
Số 71B Hàng Trống, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 0439289175

SHB Hồ Chí Minh
41-43-45 Pasteur, P.Nguyễn Thái Bình,
Q.1, Tp.HCM
Tel: (08)3 8 211 112
Fax: (08) 3 8 230 204

SHB Hoàn Kiếm
Số 40 phố Hàng Giấy, phường Đồng Xuân,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (04) 3.8258926
Fax: (04) 3.8258745

SHB Hòn Gai
Số 18, Đường 25/4, phường Bạch Đằng,
TP Hạ Long, Quảng Ninh
Tel : (033) 3 811 800
Fax: (033) 3 628 822

SHB Hồng Bàng
12 Trần Quang Khải, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Tel: 031 3810971
Fax: 031 3810972

SHB Huế
Số 28 đường Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh,
TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
Tel: 054 3 966 688
Fax: 054 3 944.666; 054 3 944 888

SHB Hưng Yên
Km22 + 600 QL5A, Thị Trấn Bần, Yên Nhân,
Mỹ Hào, Hưng Yên
Tel: 0321.3742.688
Fax: 0321.3742.886

SHB Kiên Giang
02 Trần Phú, P. Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá,
Kiên Giang
Tel: 077.3947.303
Fax: 077.3947.313

SHB Kinh Bắc
Đường Lý Thái Tổ, Phường Đông Ngàn,
TX Từ Sơn, Bắc Ninh
Tel: 02413 743 036/037
Fax: 02413 742 444

SHB Khánh Hòa
175-177 Thống Nhất, Nha Trang, Khánh Hòa
Tel: 0583.828.786
Fax: 0583.828.766

SHB Lạng Sơn
Số 20 - đường 17/10 - P. Vĩnh Trại,
Tp. Lạng Sơn
Tel: (025) 3898 222
Fax: (025) 3898 212

SHB Lào
336.337.338 chợ Đào hương, làng Phôn cung,
huyện Pakse, tỉnh Champasak, Lào
Tel: (00856) 31 257 167
Fax: (00856) 31 257 137

SHB Lào Cai
Số 009, Đường Cốc lếu, P. Cốc lếu, TP Lào Cai
Tel: 0203.899.696
Fax: 0203.899.695

SHB Lâm Đồng
Số 147 đường Ba Tháng Hai
phường 1, TP Đà Lạt
Tel 063.3 512 251
Fax 063.3 512 000

SHB Lê Chân
63A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân,
Hải Phòng
Tel: 0313.719400
Fax: 0313.719401

SHB Long An
98-100 Hùng Vương, P2, Tp. Tân An,
Tỉnh Long An
Tel: 0723 567 567
Fax: 0723 567 667

SHB Ninh Bình
Số 55 Trần Hưng Đạo, Phường Đông Thành,
Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
Tel: 0303.888.542 - 0303.888.540 - 0303.888.544
Fax: 0303.888.543

SHB Nghệ An
Số 58 Lê Lợi, P. Hưng Bình, TP. Vinh,
Nghệ An
Tel: 038.3560388
Fax: 038.3560399

SHB Phnompenh-Campuchia
707 Monivong, Beoung Keng Kang 3,
Phnom Penh
Tel : 023 221900
Fax: 023 22 4151

SHB Phú Nhuận
127 Trần Huy Liệu, Phường 12,
Quận Phú Nhuận, TP HCM.
Tel: (08) 3 997 1122
Fax: (08) 3 997 1133

SHB Quảng Nam
215 Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh,
TP Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
Tel: 05103.815888
Fax: 05103.815777

SHB Quảng Ninh
Số 488 Trần Phú-Cẩm Phả-Quảng Ninh.
Tel: 0333.723.855
Fax: 0333.723.866

SHB Quảng Ngãi

SHB Sài Gòn
Lô H3 Hoàng Diệu, Phường 6, Quận 4,
TP. HCM
Tel: 39.434.224 - 39 434 229
Fax : 39.434.299 - 39.435.290

SHB Sóc Trăng
02 Trần Hưng Đạo - F2 - TP Sóc Trăng,
tỉnh Sóc Trăng
Tel: 0793.819 888
Fax: 0793.819 666

SHB Sông Bé
351, ĐL Bình Dương, P. Chánh Nghĩa,
Tp. Thủ Dầu Một, T.Bình Dương
Tel: 0650 6 250 801
Fax: 0650 3 813 401

SHB Tây Đà Nẵng
250 Lê Duẩn, Phường Tân Chính,
Q.Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Tel: 05113. 911.883
Fax: 05113. 911.886

SHB Tây Hà Nội
Căn dịch vụ số 101, Lô C, Khu D5,
Nguyễn Phong Sắc, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04 62690530
Fax: 04 62690531

SHB Tây Nam Hà Nội
Số 98 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04.37480745/3.7554709/3.7552510
Fax: 04.37563120/3.7480047

SHB Tiền Giang
210, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7,
Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Tel: 0733 877 789
Fax: 0733 877 669

SHB Tuyên Quang
138 đường Nguyễn Trãi, tổ 14, P. Tân Quang, TP
Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Tel: 0273.827.555
Fax: 0273.827.588

SHB Thái Bình
Tòa nhà Viettel, số 431, Đường Trần Hưng Đạo,
Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình,
Tỉnh Thái Bình
Tel: 0366.278.555
Fax: 0366.252.626

SHB Thái Nguyên
TTTM Chợ Minh Cầu - Số 2 Đ. Minh Cầu
P. Phan Đình Phùng - Tp. Thái Nguyên - Thái Nguyên
Tel: 02803655588
Fax: 02803756866

SHB Thanh Hóa
Số 02 đường Phan Chu Trinh, phường Điện Biên,
TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Tel : 0373 855 111
Fax 0373 752 555

SHB Thăng Long
Số 91 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa,
TP. Hà Nội
Tel: 04 627 69187 / 04 62769 189 /168 /138 /159 /108
Fax : 04 6276 9167
Fax Phòng DVKH : 04 6 276 9136

SHB Trung Hòa Nhân Chính
Tầng 1, Tòa nhà 17T1, Khu đô thị Trung Hòa,
Nhân Chính, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 0462815158
Fax: 0462815159

SHB Vạn Phúc
Số 34 - 36 Phố Liễu Giai
P. Cống Vị, Ba Đình - Hà Nội.
Tel: (04)37 262.025
Fax: (04)37.262.236

SHB Vĩnh Phúc
Số 361 đường Mê Linh,
P. Liên Bảo, TP.Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
Tel: (0211) 3710 145
Fax: (0211) 3710 146

SHB Vũng Tàu
12G3 Khu Trung Tâm Thương Mại,
đường Nguyễn Thái Học, P.7, Tp. Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Tel : 064.3577676

SHB

Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp

77 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (04) 3942 3388 - **Fax:** (04) 3941 0944

Email: shbank@shb.com.vn

www.shb.com.vn